

BÁCH KHOA

SỐ 84 — NGÀY 1.7.1960

KHẢO-LUẬN

- NGUYỄN-PHÚC-SA Thanh-niên trí thức và nông nghiệp.
- HOÀNG-MINH-TUYNH } Bàn về chữ « Từ »
và THONG-KHAM } trong Phật-giáo.
- PHẠM-HOÀNG Biến-cổ đối với con người.
- NGUYỄN-HIẾN-LÊ Nhân đọc cuốn Văn Học Việt-Nam của P. V. Diêu.
- THÁI-VĂN-KIỆM Lạc-Mai-Hoa và Mai-Hoa-Lạc.
- BỬU-KẾ Ai đã xuyên-tạc lịch-sử khi viết giấc Chày Vôi.
- NGUYỄN-TRẦN-HUÂN Thành-tích 50 năm khoa-học.
- CÔ-LIÊU Cơ-giới chỉ huy.
- TRẦN-VĂN-KHÊ Nhân bài « Vài thắc mắc » của ô. Bùi-Thu-Trinh.
- THÍCH-THIỆN-CHÂU Chung quanh vấn-đề Nagasena có nguy biến không ?

VĂN-NGHỆ — SINH-HOẠT

- PHAN-VĂN-TẠO Đám ma anh Văn ?
- NGUYỄN Wang Lung (dịch P.S. Buck).
- HOÀI-HƯƠNG Giận nhau.
- PHẠM-PHẠM Đôi mắt.
- VŨ-QUỲNH-BANG Sơn Nữ.
- HUY-LỤC Lương-nông quốc-tế và chiến dịch chống nạn đói.
- PHAN-DUY-NHÂN Đề lại.
- NGUYỄN-NGU-Í Phòng-vấn về Đại Học Hà 60.

RƯỢU :— Rượu Âu mạnh

— Rượu Tàu

— Rượu "Tàu"

Eau de Vie cu "40° và 50°

"Lào-Mạnh-Tửu"

"Tích-Thọ-Tửu"

SI-RÔ "*Verigoud*" :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh Bưởi

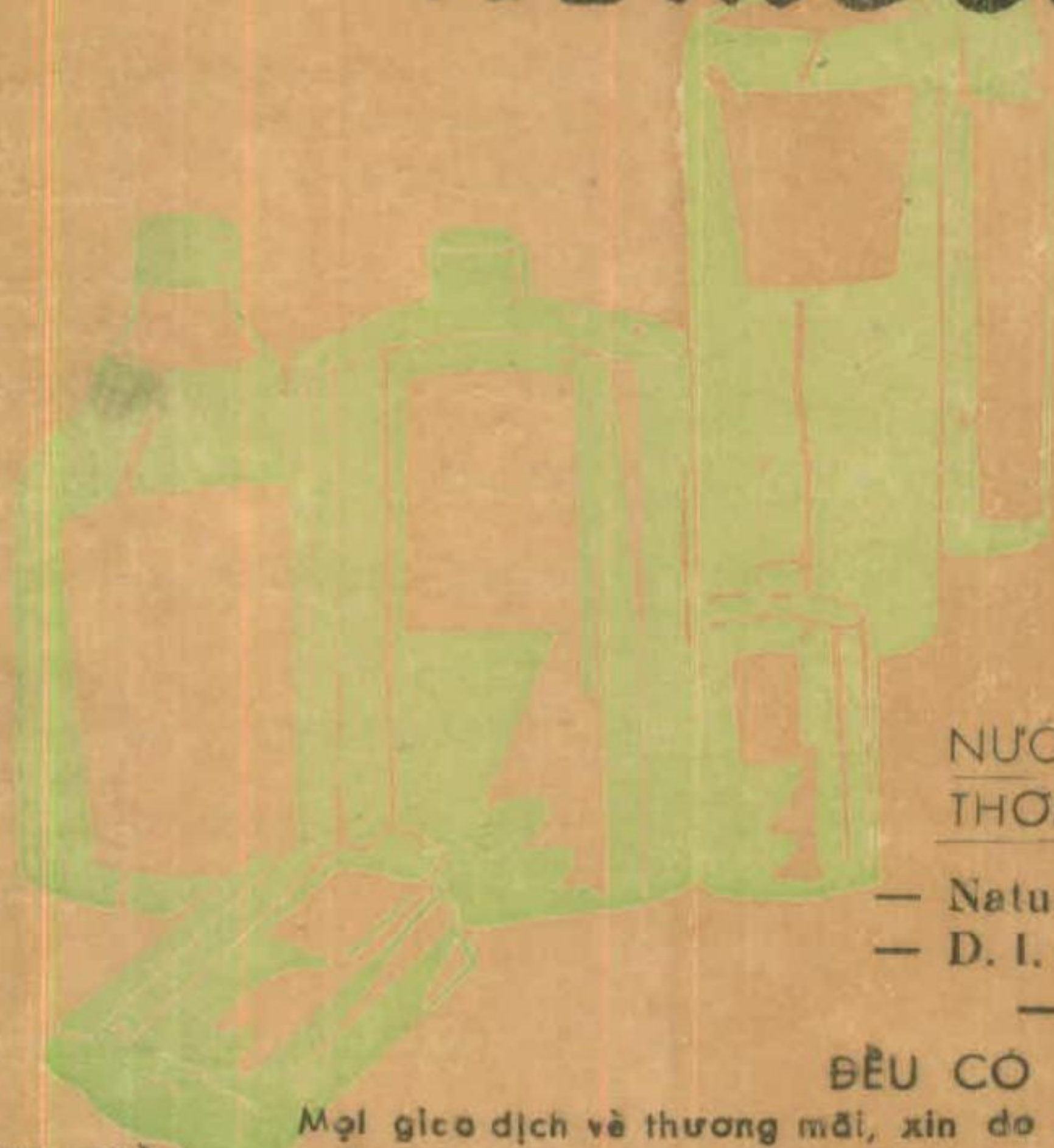
DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm

Distarome

DISTILLERIES

DE L'INDOCHINE



**NƯỚC HOA và DẦU
THƠM « D.I.C. »**

— Naturelle — Fougère

— D. I. C. 5 — Lavande

— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

ở **NAM-PHÂN :**

Mọi giới dịch và thương mại, xin đo :

HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)

135, đường Pasteur — SAIGON

ở **TRUNG-PHAN :**

CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ

(S.I.C.A.) — 32, Lối Bạch-Đặng — ĐÀ-NANG

HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ

6, đường Hàng-Hoa-Thám — NHA TRANG



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



→ Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



→ Xà-bông nước hoá-học



→ Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ, cắn hại mùa màng



→ Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



→ Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.



NHỮNG GIẢM GIÁ ĐẶC BIỆT
TRÊN NHỮNG ĐƯỜNG BAY TRONG XỨ

CỦA

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

1) *Giảm giá gia-đình 15 %* trên vé bay cho hành-khách trong một gia-đình đi chung nhau và gồm có ít lắm :

- 3 người lớn
- 2 người lớn và 2 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi
- 1 người lớn và 4 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi

2) *Giảm-giá cho các đoàn nghệ-sĩ và thể-thao :*

- 15 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 5 người
- 20 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 10 người
- 25 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn 15 người trở lên

XIN HỎI CHI-TIẾT NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. : 22.446-47, 21.624-25-26

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (Ex 20, Bd Doudart de Lagree)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE

THAN ĐÁ NÔNG-SƠN

Than đá Nông-Sơn là một nguồn lợi mới mẻ
tối quan-trọng cho nước nhà.

Dưới quyền điều khiển của kỹ-sư
và kỹ-thuật gia Việt-Nam, Nông-Sơn
tăng gia sản-xuất để góp phần
độc-lập kinh-tế.

Than nguyên khối đào ở mỏ năm
1956 chỉ có 2.104 tấn. Đến năm
1963 Nông-Sơn sẽ cung cấp
230.000 tấn, và số nhân-công từ
135 người sẽ lên đến 1.200 người.

Kỹ-nghệ mới này cũng như các
kỹ-nghệ khác đều cần đến dầu
để chạy máy và giữ-gìn dụng-cụ.



VIETNAM EXPRESS - 60



HÃNG DẦU STANVAC

góp phần khuếch-trương kỹ-nghệ

STANDARD VACUUM OIL COMPANY và các sản-phẩm MOBILGAS — MOBIL OIL — MOBIL DIESEL, v.v...

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MÁY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MÁY CHỮ, MÁY TOÁN
MÁY VIỄN ẮN
MÁY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine



78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON



TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VON 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân Hàng thừa nhận do Viện Hối Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

PHÒNG

UỐN

TÓC

★

SỬA

SẮC

ĐẸP



BẢO AN

213^D Tự Do
SAIGON

*Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime.*



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BÁCH-KHOA

Số 84 — Ngày 1-7-1960

	Trang
NGUYỄN-PHÚC-SA	<i>Thanh - niên trí - thức và nông- nghiệp</i> 3
HOÀNG-MINH-TUYNH và THONG-KHAM	<i>Bàn về chữ « Từ » trong Phật-giáo.</i> 10
PHẠM-HOÀNG	<i>Biển-cổ đối với con người</i> 16
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	<i>Cảm tưởng của tôi khi đọc cuốn Văn-Học Việt-Nam của Phạm-Văn- Diêu.</i> 17
THÁI-VĂN-KIỀM	<i>Lạc-Mai-Hoa và Mai-Hoa-Lạc</i> 27
BỬU-KẾ	<i>Ai đã xuyên tạc lịch - sử khi viết giặc Chày Vôi</i> 32
NGUYỄN-TRAN-HUÂN	<i>Thành-tích 50 năm khoa-học</i> 38
CÔ-LIÊU	<i>Cơ-giới chỉ-huy. :</i> 42
TRẦN-VĂN-KHÊ	<i>Nhân bài « Vài thắc mắc » của ông Bùi-Thu-Trình</i> 47
THÍCH-THIỆN-CHÂU	<i>Chung quanh vấn-đề Nagasena có ngụy biện không ?</i> 55
PHAN-VĂN-TẠO	<i>Đám ma anh Văn (truyện ngắn).</i> 61
NGUYỄN (dịch)	<i>Wang Lung (dịch P. S. Buck).</i> 69
HOÀI-HƯƠNG	<i>Giận nhau (thơ)</i> 77
PHẠM-PHẠM	<i>Đôi mắt (truyện ngắn).</i> 78
VŨ-QUỲNH-BANG	<i>Sơn nữ (thơ)</i> 91
HUY-LỰC (thuật cuộc nói chuyện ô. G. Mulgrue)	<i>Lương-nông quốc-tế và chiến-dịch chống nạn đói</i> 92
PHAN-DUY-NHÂN	<i>Đề lại (thơ)</i> 97
NGUYỄN-NGU-Í	<i>Phỏng - vấn giáo - sư Nguyễn-Văn- Trung và Đại Học Hà Nội</i> 98

BÁCH - KHOA

Trong những số tới

HOÀNG-MINH-TUYNH

: *Ai sẽ đắc - cử Tổng - thống thứ ba mươi sáu Hiệp-chúng quốc.*

NNGUỖYỄN-ANH-LINH

: *Nguồn gốc tôn-giáo.*

ĐOÀN-THÊM

: *Một kẻ đầy mặc-cảm.*

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

: *Cảm tưởng sau khi đọc cuốn « Văn-học Việt-Nam » của Phạm-Văn-Diêu*

H. Đ.

: *Nghề xuất-bản với loạt sách Tết cho thanh-thiếu-nhi bên Pháp.*

BÙI-HỮU-SÙNG

: *Phân-tích tập thơ « Nhạc Đế » của Đoàn-Thêm.*

NGUYỄN-VĂN-HẦU

: *Thi ca và cuộc đời của nhà cách-mạng Nguyễn - Quang - Diệu*

TRƯƠNG-ĐÌNH-CỬ

: *Đôi nhận-xét về âm-diệu Vọng-cồ.*

NGUYỄN-NGU-Í

: *Thử bàn về vài cái « nhỏ nhặt lặt vặt » chưa giải-quyết trong chữ Việt : chữ ghép (viết có gạch nối, viết dính, viết rời) ; cách viết tên người, tên đất, chức tước... ; cách viết âm i...*

NGỌC-SƯƠNG

: *Một mầm non.*

VŨ-HẠNH

: *Vàng Hời (truyện ngắn).*

XUÂN-TÙNG

: *Trận banh đầu (truyện ngắn)*

PHAN-VĂN-TẠO

: *Cái nhau.*

MẶC-THU

: *Mẫu thuốc lá (truyện ngắn).*

NGUYỄN

: *Con người không tưởng (truyện dịch)*

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

: *Xóm mới.*

VÂN-TRANG

: *Giấc mộng xuân.*

THANH-NIÊN TRÍ-THỨC

VÀ

NÔNG-NGHIỆP

★ NGUYỄN-PHÚC-SA

VỚI sự phát-triển giáo-dục, số thanh-niên có học của ta càng ngày càng nhiều. Theo tài-liệu của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, về kỳ thi thứ nhất năm 1959, số thí-sinh ghi tên dự thi bằng Trung-học đệ-nhất-cấp là 41.675 thi bằng tú-tài phần nhất là 11.589 ; qua năm 1960, những con số trên vọt lên 56.000 và 16.647. Qua những con số ấy, ta nhận thấy một số đông thanh-niên từ già nhà trường sau khi học hết chương-trình trung-học đệ-nhất-cấp, dù họ thi đậu hay không. Đến hết chương-trình tú-tài, số người rẽ ngang ít hơn nhiều. Thanh-niên thôi học tất nhiên phải kiếm công ăn việc làm. Họ có thể thi vào các trường chuyên-nghiep như trường quân-sự, trường sư-phạm, trường y-tá, trường canh-nông v.v... hoặc chuẩn bị ít

nhiều để kiếm một công việc trong các công tư sở, như học ngoại-ngữ, học đánh máy, học kế-toán. Thời gian chuẩn bị này có thể kéo dài hai, ba năm. Điều cần ghi nhận là rất khó kiếm ngay một công việc khi từ già học đường.

Trong hiện tình nước nhà, không phải thanh niên có học nào cần đi làm sẽ có ngay một việc vừa ý. Quân-đội, các công-sở, các trường đào-tạo công-chức chỉ có thể nhận một số người, tùy theo khả-năng ngân-sách, đà bành-trướng các công-sở và số công-chức về hưu trí, chết hay bị sa thải hàng năm.

Những kỹ-nghệ mới mở cũng chưa thể thu dụng nhiều người vào công việc văn-phòng, coi kho, bán hàng... Nếu nói đến

công việc trong nhà máy, những thanh-niên học ban phổ-thông không thể hữu dụng bằng học-sinh tốt-nghệp các trường kỹ-thuật. Và lại ta chưa có nhiều kỹ-nghệ đại quy mô. Các ngành hoạt - động tư khác thích - hợp với khả - năng và đòi hỏi của thanh-niên trí-thức như dạy học, báo chí, ca-kịch, điện-ảnh, kỹ-nghệ du lịch không thể nào nuôi sống thêm hàng ngàn người mỗi năm được.

Vấn-đề đi làm đối với nhiều thanh-niên trí-thức lại phức-tạp thêm vì những yếu-tố tâm-lý. Họ rất ngần ngại trước những công việc đòi hỏi nhiều sức lực của tay chân, bắp thịt ; họ chỉ thích làm việc tại tỉnh thành vì ở đây đời sống vật-chất có nhiều tiện nghi, cơ-hội giải-trí và tất cả cái gì ưa nhìn, ưa nghe đều sẵn. Họ ý thức công-trình học tập của họ — nhiều khi một cách quá đáng — và họ có nhiều nhu-cầu tinh-thần, vật-chất, nên có nhiều tham vọng về tiền lương, tiền công. Với óc cầu tiến, một số coi công việc hiện nhận lãnh như một sinh kế tạm thời nên không chuyên tâm chú ý để thành - công. Nói tóm lại, ngay trong số những thanh-niên kiếm được việc làm, có lẽ chỉ một thiểu số hài lòng số phận của họ.

Nhưng số thanh-niên có học không kiếm được một việc làm theo hoài-bảo, mới là vấn-đề đáng quan-tâm hơn. Họ trở thành những phần-tử bất-mãn hay lêu lổng, đều là những đe dọa cho gia-đình, cho xã-hội.

Đại để, ở nước ta ngày nay, giải-pháp của vấn-đề dân số và lao-động phần lớn nằm trong nông-nghệp. Lối 3 phần tư dân số toàn-quốc sống ở thôn quê ; những lớp người mới lớn lên tiếp tục công việc đồng-áng của ông cha trong khi một số nhỏ ra tỉnh thành làm ăn, học hành.

Nhưng nông - nghiệp cũng có thể hiển lãnh-vực hoạt-động đầy thích thú và lợi lộc cho những thanh niên trí-thức, đương chờ mong một công việc hợp với năng-lực và khả-dĩ thỏa-mãn tham-vọng.

Tới nay ta thường quan-niệm nông-gia, nghĩa là những người thực sự khai-thác đất đai để sinh sống ở hai địa-vị trái ngược nhau. Ta hãy khước-từ nhãn hiệu nông-gia áp dụng cho những địa-chủ ngồi không mà thuê địa-tô. Đại đa-số nông-gia thực sự là những người không có cơ-hội hoặc phương-tiện học chữ, học nghề để trở thành bác-sĩ, giáo-sư, thư-ký, đốc-công... nên đành phải an phận với ruộng vườn ông cha để lại. Đầu kia là một số chủ đồn điền, bỏ ra một số vốn quan-trọng, dùng những phương-pháp canh-tác tân tiến, mỗi năm thuê hàng triệu lợi-tức, sống cuộc đời trưởng-giả. Nông gia có thể liệt vào hàng trung lưu tương đối còn hiếm.

Chúng ta thừa hiểu thanh-niên trí-thức, dù thất-nghệp, không khi nào chịu nhận số phận của một người nhà quê, khai-thác một vài mẫu đất, đầu tắt mặt tối, mà hy-vọng lớn nhất chỉ là được mát mặt. Ngược lại, họ không có đủ tư-bản để nhảy lên địa-vị chủ đồn-điền. Hình-thức nông-nghệp thích - hợp cho những thanh-niên này, theo ý chúng tôi, là những trang trại khoảng hai chục mẫu tây, khai-thác có phương-pháp, hàng năm, trừ mọi kinh-phí canh-tác, mang lại cho trại chủ lợi-tức tương-đương với lợi-tức của giai-cấp trung-lưu sinh sống ở thành-thị.

Diện-tích để - nghị trên đây có lớn quá và thiếu thực-tế không ? Trước hết, những đồn - sản nhỏ quá không thể

nào cung-cấp lợi-tức khả-quan được. Người thanh-niên trí-thức sẽ không khi nào để lôi cuốn về đồng ruộng nếu chàng ta không kiếm được nhiều tiền hơn là với một công việc nhàn-nhã, ít trách-nhiệm ở thành-thị. Ngày nay với máy khâu-thanh chạy bằng ình-diện, với tủ lạnh chạy bằng dầu hôi, hoặc những máy phát điện nhỏ, người ta có thể tạo ở thôn quê đời sống đủ tiện-nghỉ như ở thành-thị; phương-tiện giao-thông cá-nhân hay công-cộng đã rút ngắn đường từ đồng quê ra tỉnh. Nhưng muốn hưởng những thứ đó, phải có tiền, thí dụ lợi-tức ròng từ 150.000 đến 200.000 một năm. Không khi trong sạch, đời sống lành mạnh chỉ có thể cần đỡ những người dưỡng - lão ! Với một thanh-niên có học, nghề nông sẽ không hoàn toàn dùng nhân-lực hay sức ga-súc nữa. Công việc canh-tác sẽ được cơ giới-hóa nhiều, như vậy diện-tích lối hai chục mẫu tây không vượt quá sức một trại-chủ. Dù cho tại các vùng chưa được khai khẩn, ta chớ lo diện-tích tương-đối lớn như vậy sẽ không dùng hết. Người thanh-niên bền

chí trong nghề nông có nhiều thời giờ để biến khu này thành đất thuộc. Ai thành-công chẳng mong khuếch-trương công việc ; tốt hơn hết là dự - trữ phạm - vi cho sự bành-trướng ấy.

Bên cạnh sự ích-lợi cho bản thân người thanh - niên trí - thức trở về đồng ruộng, phong-trào này, nếu thành-tựu, còn có thể có nhiều ảnh-hưởng sâu rộng.

Về phương-diện kinh-tế, nước ta sẽ có một lớp nông-gia tiến bộ, hiểu rõ giá-trị của những phương - pháp canh - tác khoa-học, ý-thức những triển - vọng và vấn - đề của nông-doanh, nhờ đó sản xuất được phong-phú và hợp với đòi hỏi của thị-trường hơn. Những nông-gia trẻ trung này sẽ góp phần không nhỏ vào công cuộc chấn-hưng kinh-tế.

Trang trại nên hướng về những hoạt-động có nhiều lợi như trồng cây ăn trái, cây kỹ-nghệ, chăn nuôi ; việc trồng lúa hay bắp chỉ nên coi như phụ-thuộc để nâng-đỡ hoạt-động chính. Tùy trường hợp có thể đặt thêm kỹ-nghệ chế biến nông-sản.

PHẠM-HOÀNG sưu tập

Danh ngôn, danh lý

THUẬT TRÁCH-BỊ

- ★ Trách bị, trừng phạt là một việc làm thuận theo lẽ công-bình, chứ không nhất thiết là việc làm mất cảm tình, vì người ta ai cũng biết trọng sự công-bình, và nhiều người có thấy hậu quả trước mắt, mới nhận thức được tầm mức thiết thật của hành - vi, cử chỉ mình (L.M. Courtois).
- ★ Sự trừng phạt chung, áp-dụng một cách tổng-quát đối với mọi vi-phạm luật-lệ chỉ là một phương-thế vụng vào kinh-nghiệm và quá ư đơn giản. Cách trừng phạt ấy đôi khi cần thiết, song vẫn là cách trừng phạt ấu-trĩ theo lẽ công-bình mù quáng. Trừng phạt muốn cho kiến-hiệu và công - bình phải áp - dụng tùy theo từng trường - hợp một (L.M. Courtois).

Sự thịnh-vượng của nông-nghiệp Hoa-Kỳ phần lớn nhờ lớp nông-gia trẻ trung nhiều sáng-kiến. Kết-quả của họ trong lãnh-vực phạm nhiều khi đáng gọi là kỳ công. Lấy một vài thí-dụ, ta sẽ thấy kỹ-thuật của ta còn cần phải cải-tiến nhiều. Cam của ta hiện giờ có nhiều nhược-điểm : mã không đẹp, ruột dai, nước chua, nhiều hạt. Tất cả những tính-chất bất lợi ấy đều có thể thay đổi được. Tại sao ta không gây những giống tốt và vấn đề cho những loại dưa hấu ruột trắng nhạt, hạt nhiều tồn tại ? Những việc tìm tòi kiên-nhẫn để cải-tiến phẩm-chất không thể trông đợi ở những nông-gia thiếu óc khoa-học được.

Về phương-diện lao-động, ta có thể tin rằng một trang trại cỡ trên đây, nếu được khai thác đúng mức, sẽ dùng một số nhơ-công không kém gì nhiều điền sản nhỏ hẹp lại mà còn sản-xuất nhiều hơn, chỉ khác ở chỗ những nông thợ này không phải tiêu điền-chủ.

Đối với vấn-đề cải-thiện nông-thôn nói chung, sự có mặt của lớp nông-gia trí-thức sẽ là yếu-tố quyết-định. Trong làng mạc của ta ngày nay, có thể nói là không còn các vị kỳ-hào, đàn anh để đảm-nhiệm công-việc hương-chính hừa. Xưa kia đời sống êm ả trong thôn xã đều nhờ các xử-sĩ, hưu-quan, v. v... Những người này, nhờ địa-vị xã - hội, có nhiều uy-tín trong dân chúng, họ có lợi tức riêng nên ít khi hà-lạm. Do đó người trên xướng xuất, người dưới tuân theo, nhiều làng đã thực hiện được những việc cải cách tốt đẹp nhờ mỗi công-dân góp công, góp của. Trong những năm loạn lạc, kỳ-hào phần bị cộng-sản tiêu-diệt, phần phải tìm ra tỉnh

thành để sống yên ổn, thôn-xã mất hết những phần-tử điều dặt. Nếu những thanh-niên có năng-lực cũng theo đà chung, hễ học lên được ít nhiều thì không trở lại làng xóm, vấn-đề cải-thiện hương-thôn sẽ khó giải-quyết vô cùng, không khác gì một số sinh-viên ưu tú của ta, sau khi học thành tài ở ngoại-quốc, không chịu hồi-hương đem sở-năng phục - vụ xứ sở. Những chương-trình khuyến-nông, y-tế hương-thôn, cải-tiến dân-sinh, chống nạn mù chữ, hợp-tác-xã, hiệp-hội nông dân, thanh-niên cộng-hòa... chỉ mang lại đầy đủ kết-quả mong muốn khi dân chúng nhận-định rõ tầm quan-trọng của các chương-trình ấy, hăng hái nỗ-tức thực-hiện và góp sáng-kiến xây-dựng. Không ai phủ nhận thiện-chí của mọi tầng lớp đồng-bào thôn-quê, nhất là thanh-niên. Tuy vậy, nếu có người học-thức tiếp tay vào các công cuộc nói trên, họ hiểu biết mau hơn, không những họ có thể giảng giải cho bà con lảng-giềng mà còn hàng ngày nêu gương thực-tập. Như vậy chắc chắn việc thực-hiện sẽ mau chóng hơn. Với thời-gian, các nông-gia trí-thức này sẽ gây lại lớp nòng-cốt tối cần cho đời sống hương-thôn, vì họ có đủ điều-kiện tạo nên uy-tín và gánh vác việc công.

Nói tóm lại, nếu một số thanh-niên trí-thức trở về với đồng ruộng, vấn-đề thâu-dụng họ được giải-quyết ; nông-nghiệp có hy vọng tiến-bộ mau chóng ; thôn quê sẽ dần dần gây lại những nhà điều dặt hay những cán-bộ đặc-lực cho công cuộc cải-thiện đời sống.

Vấn-đề có nhiều khó khăn, nhưng những khó khăn ấy có thể giải-quyết được.

Trước hết phải chống lại thành-kiến cho rằng thôn quê là một cái vực lạc-hậu và

sự thành-công hay tăng - tiến có nghĩa là từ thôn quê di-cư ra thành-thị. Dù đối với những thanh-niên sẵn - sàng rung-cảm trước cái thơ đẹp, cái lành mạnh và cái chất-phác của đồng quê, người ta chỉ có thể đánh đồ thành-kiến nói trên bằng cách mang lại cho người chọn sống giữa ruộng đất một đời sống phong-túc hơn hy-vọng họ đặt ở tỉnh thành. Nghĩa là trang trại phải có diện-tích tối-thiểu cho những thanh-niên này hoạt-động xung-mãn, thâu số lợi-tức đủ để nâng đỡ một mức sống khả-quan. Nhưng họ sẽ tìm đâu ra đất để tạo lập những trang trại tiến-bộ ?

Người có óc khai sơn phá thạch có thể xin khẩn đất hoang. Tại Cao-Nguyên Trung phần và Nam phần, có khi cách Saigon hơn trăm cây số, ta thấy bao nhiêu đất tốt chưa được cấy cấy mà các địa-điểm dinh-diễn mới chiếm một phần nhỏ. Công việc khẩn hoang, với những phương-tiện cơ-giới, không cực nhọc quá lắm. Biến một khu rừng thành một trang-trại trồng-tiêu hay chăn nuôi là thực sự tô-diễn giang-sơn, còn gì phấn-khởi cho bằng !

Ngay tại các miền đất thuộc dân đông, đất vẫn còn đủ để lập trang-trại hai ba

chục mẫu tây. Với Luật cải-cách điền-địa, điền-chủ được quyền sở hữu tới 100 mẫu. Nếu những điền chủ ấy có con em ở vào trường-hợp thanh-niên trí-thức như trên, sao không khuyến-khích họ hướng về nông - nghiệp, khi họ không được trời phú cho năng-khiếu để nhẹ bước khoa-trường.

Cha mẹ trực-tiếp khai-khẩn ruộng đất, nếu thấy mình già yếu, có thể cho con thuê trang trại. Nhiều người sẽ cho rằng việc ký kết một khế-ước giữa cha mẹ và con là trái với tập-tục Việt-Nam và tình yêu thương trong gia-đình. Ở các nước khác, nhất là ở Hoa-Kỳ, khế-ước giữa cha con để khai-thác một nông-doanh rất thông thường. Người con — con đẻ hay con rề — có thể làm công lãnh lương, công-ty hoặc thuê hẳn trang-trại của người cha. Thề-thức này có nhiều điều lợi. Người cha tuy già yếu nhưng không muốn bán ruộng đất của mình, việc canh-tác, nếu không nhờ sức lực và lòng hăng hái của con cái, sẽ chệnh mảng. Cha mẹ vẫn có lợi-tức để khỏi nhờ vả con giai, con rề. Quyền thừa-kế của những người con khác không cộng-tác trong việc khai-khẩn

Thần chết gõ cửa

Có một chân-lý, ai cũng công nhận, đó là mọi người đều bình đẳng trước cái chết. Thi-sĩ La-Mã Horace có câu thơ (Odes I, 4, 13) : « *Acquo pulsat pede* », thần chết gõ cửa bằng một bàn chân vô tình, ý nói thần chết không biết lựa người sang hèn ; thần chết gõ cửa sài nơi « túp lều tranh », mà cũng gõ cổng hoa nơi « lầu son gác tía ».

không bị tổn thương. Việc thuê một doanh-nông không phải hoàn toàn mới lạ đối với chúng ta vì có nhiều người vẫn thuê vườn cao-su để khai-thác. Lẽ dĩ-nhiên kế-ước giữa cha con không khi nào ráo-riệt như giữa hai người thường.

Sau vấn-đề đất, cần phải giải-quyết vấn-đề vốn. Để trở thành một công-tư-chức, người thanh-niên chỉ cần có sức khỏe và trau dồi kiến-thức. Trái lại phải có tiền mới tạo ra một nông-doanh được. Cha mẹ khá giả có thể cho con một số tiền như khi con ra ở riêng ; ngoài ra có thể cho vay. Ở ngoại-quốc, ngân-hàng chuyên-môn hay tổ-chức nông-tín thường có những chương-trình cho vay dài hạn để thiết-lập trang-trại. Những món nợ này chỉ phải trả khi nào xí-nghiệp đạt được mức sản-xuất điều hòa. Với số vốn riêng hay vốn vay này, trại-chủ sẽ thực-hiện một đợt đầu để sinh sống ; kể từ khi bắt đầu thu-lợi, những số tiền tiết-kiệm, trừ phần trả nợ, sẽ dùng vào việc tự tài-trợ để khuếch-trương các đợt sau. Nếu sau mười, mười lăm năm, người thanh-niên trả hết các món nợ dùng vào việc sáng-tạo và trở thành sở-hữu-chủ một trang-trại sản-xuất toàn-lực, kết-quả đáng gọi là thành-công. Người công-chức hay tư-chức, với cái vốn tinh-thần sơ-khởi tương-tự không thể nào, trong thời gian ấy, gây được sự sản như vậy và cũng không thể nào có lợi tức và hưởng mức sống như một trại chủ. Sự thành công này là phần thưởng của lòng hăng-hái, óc sáng-kiến và đức cần-cù, của lòng can-dảm dám đi vào một con đường mới, dám nhận lãnh trách-nhiệm và đương đầu với rủi-ro.

Vấn-đề sau hết là huấn luyện người thanh-niên thành một trại-chủ tân-tiến. Ta

đã thấy khi học hết bậc trung-học phổ-thông, thanh-niên đều phải học thêm ít nhiều trước khi nhận lãnh bất-cứ công-việc gì. Công-việc trại-chủ đòi hỏi ở người thanh-niên khá nhiều kiến-thức. Yêu-nghề chưa đủ để thành-công ; chạy theo mỗi lợi trong khi tự mình chưa chuẩn-bị kỹ-lưỡng sẽ đi đến thất-bại. Một nông-gia xứng-đáng với danh-hiệu ấy phải biết một kiến-thức tối-thiểu về thảo-mộc-học, động-vật-học, côn-trùng-học, địa-chất-học, hóa-học, cơ-khí, kế-toán, phương-pháp bán hàng. Những kiến-thức này giúp cho nhà nông chọn và gây giống tốt, dùng phân bón một cách hữu-hiệu và dụng-cụ cơ-giới một cách tiết-kiệm, biết rõ sự lỗ-lãi, bán sản-phẩm với điều-kiện lợi nhứt. Hiện thời ta chưa có trường đào tạo trại-chủ. Khoa-học canh-nông có thể nói là ở trong một vòng luẩn-quần. Học sinh xin nhập học vì được hưởng học bổng và sẽ được bổ-dụng làm công-chức. Nhà trường không thể thu nhận nhiều học sinh vì ngân-khoản có hạn, vì lo không thu dụng được họ sau khi tốt-nghiệp. Thanh-niên của ta quan-niệm việc vào học các trường chuyên-nghiệp như một đoạn đường để tiến tới một chức-vụ trong công-sở ; ngày nay với sự phát-triển của nền kinh-tế, mục-dích của họ đã hơi mở rộng đến xí-nghiệp tư-nhân. Nhưng thực chưa có mấy người quan-niệm việc học chuyên-nghiệp như sự chuẩn-bị để sau này tự mình làm việc cho mình. Trong tình-trạng này làm sao mở rộng các ngành học chuyên môn được !

Việc mở các lớp đào tạo trại-chủ rất cần-thiết. Chương-trình học sẽ hướng nhiều về thực-tập và quan-sát ; học-sinh sẽ nghiên-cứu phương-pháp thiết-lập, quản-

trị trang-trại qua những thí-dụ cụ-thể. Sau khi mãn-khóa học, họ sẽ vẫn giữ liên-lạc với nhà trường để hướng-dẫn họ trong các vấn-đề quá chuyên-môn. Cơ quan tín-dụng sẽ coi văn-bằng tốt-nghiệp các lớp này như một bảo-đảm thêm khi xét đôn vay tiền.

Nếu chính-quyền mở lớp huấn-luyện, không cần phải đặt học bổng mà chỉ cần thiết-lập ký-túc-xá để học trò tiện chỗ ăn học. Học-sinh sẽ được miễn học-phí ; như thế đã là nâng đỡ họ rồi, vì ở các nước khác, các lớp huấn-luyện tương-tự đều phải trả tiền.

Hướng dẫn thanh-niên trí thức vào con đường nông-nghiệp không phải là

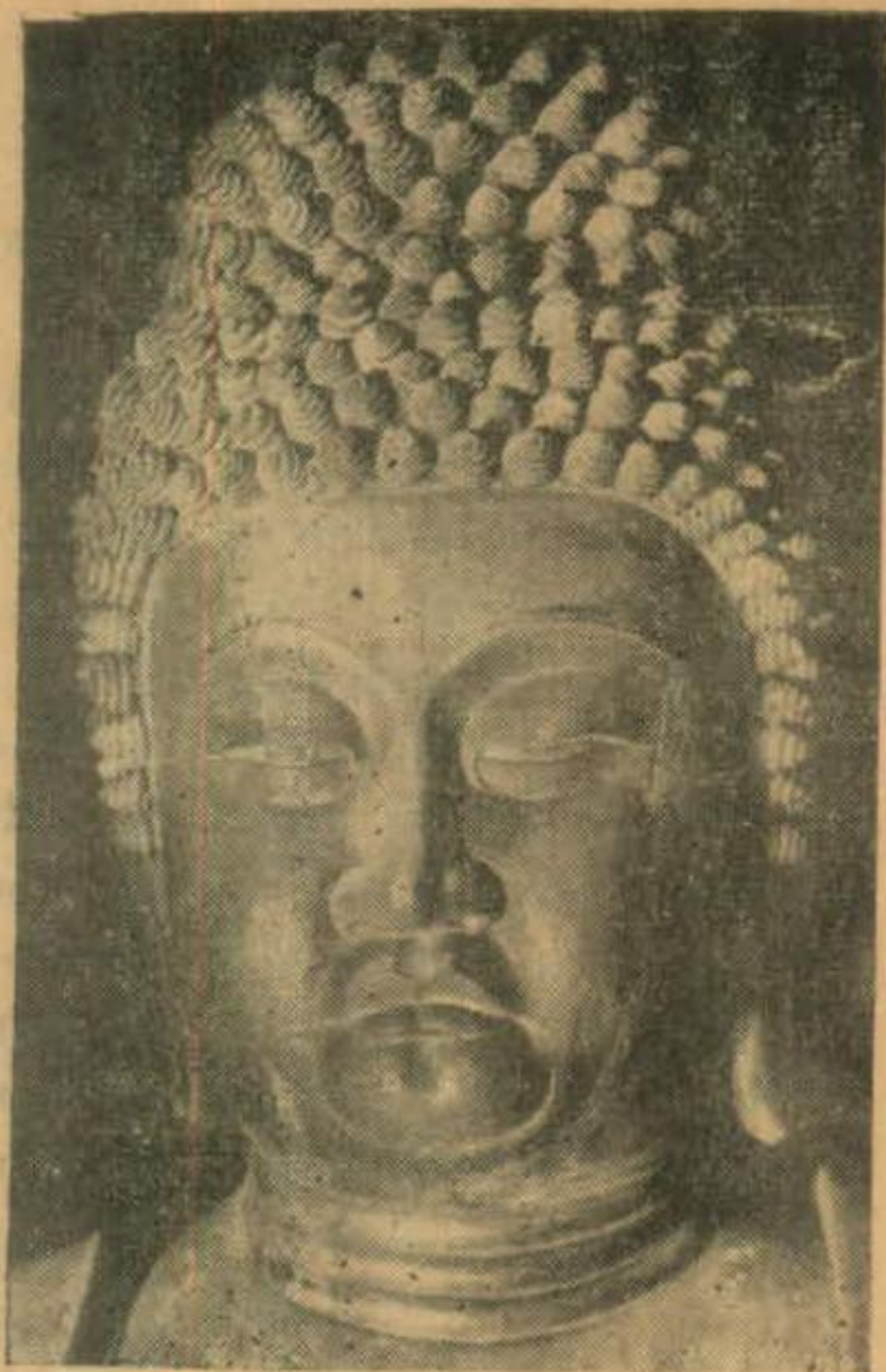
việc dễ. Chắc chắn không ai có thể mơ tưởng rằng hàng vạn người sẽ hưởng-ứng chương-trình này.

Tuy nhiên, sáng-kiến của mọi thành-phần liên-hệ cần được lồng vào một hệ-thống tổ-chức chung. Khi đã chấp-nhận sự ích-lợi của công cuộc, cha mẹ, đương sự, các tổ-chức thanh-niên, giáo-dục, tín dụng cần phối-hợp hoạt-động mới tránh được thất bại. Dù cho chỉ một vài ngàn thanh-niên trí-thức trở thành trại chủ—một số nhỏ so với tổng số nông-gia hiện nay,—chắc chắn nông-nghiệp nước nhà sẽ thay đổi cục-diện và trong một tương-lai gần, nhiều vấn-đề sâu rộng đặt ra cho nông-thôn sẽ có cơ giải quyết.

NGUYỄN PHÚC-SA

★ Lỗi phạm có thể gây nên bởi nhiều lý-do :

- 1.— Lệnh của người trên ra không minh-bạch ; vậy chỗ cần sửa-chữa chính là chỗ đó chứ không phải chỗ khác,
- 2.— Lệnh ra đã rõ ràng mà người dưới không hiểu. Lỗi có thể do cả hai bên : lỗi người trên vì đã không coi kỹ xem người dưới đã hiểu mình chưa , lỗi người dưới vì đã nhận một việc mình chưa hiểu thấu và chưa chắc chắn điều mình hiểu có phải là chính ý của người trên không. Cả hai người đều có trách-nhiệm.
- 3.— Lệnh ra rõ ràng, người dưới am hiểu, nhưng họ không có đủ tài năng để thật hiện. Đây cũng là lỗi cả hai bên. Lỗi người trên vì đã giao công việc khó-khẩn cho một người không đủ sức ; lỗi người dưới vì đã nhận một việc quá sức, và khi nhận đã không thành thật trình cho người trên biết mình không đủ sức đương nổi.
- 4.— Các điểm 1, 2, 3, đều đầy đủ cả, song người dưới không chịu thi-hành. Chỉ trong trường-hợp sau hết này, lỗi mới hoàn toàn về phía người dưới, song dù sao, người trên cũng phải tự xét coi mình đã làm hết bổn-phận để cho người dưới nức lòng tận tâm với công việc chưa (L.M. Courtois)



(Xin xem từ Bách-Khoa số 80)

bàn về chữ « từ » trong phật-giáo

HOÀNG-MINH-TUYNH
và THONG-KHAM

*«...Hai cực hình như giao nhau trên gương
mặt vị Bồ-Tát, phản-ảnh một tâm-hồn
« vừa dâng lên vừa thu lại ».*

P. STERN

Đị-biệt chủ-yếu giữa « từ » và « ái »

Đại từ, đại bi

TUY nhiên bồ thí vẫn chỉ là điều-
kiện thứ nhất và là điều kiện
xa nhất. Đại-đức Candrakirti, trong
Phật-giáo Đại-thừa, dạy rằng : *dāna*,
cũng như các đức-tính đi sau, chỉ
là paramita theo nghĩa tương-đối,
chỉ có *prajñā* mới thật là đúng nghĩa
paramita (1). Đại-đức Nagarjuna
(Long-Thọ) cũng như các vị sau,
đều có kể lại Đức Phật Thích-Ca
thường làm phát sinh mahamaitrisitta
(đại-từ) trong trí kẻ lạc đường và
lấy bàn tay mahakarunāhastā (đại bi)
mà cứu vớt họ đưa tới Phật quả.

Nhưng không thể coi đại từ đại bi
ấy như một tình cảm thông-thường
của con người, vì kẻ thi hành đại
từ đại bi không cảm thấy « ghét »
ai, cũng không cảm thấy « yêu » ai. (2)

Phái Đại-thừa Yogacara có thuyết
nói đến vấn-đề trên đây và giải-thích
rằng : chư Phật có thể lôi kéo chúng
sinh đến với mình và giúp cho chúng
sinh về tròn chính quả. Mặt khác,
trước khi chúng sinh đạt tới chính

(1) Candrakirti, *Madhyamikavatara*,

(2) Nagarjuna, chương XIV

quả, chư Phật cũng có thể dùng sambhogakaya (Báu thân) (1) mà hiển lộ với chúng sinh cho chúng sinh được hưởng tiền vị của hạnh-phúc tuyệt-đôi.

Điểm tương-đồng giữa đại từ, đại bi với thuyết của Aristote và Spinoza

Lý-thuyết trên có chỗ giống với lý-thuyết Aristote về Thượng-đề, coi Thượng-đề là một vị thần minh bất động, vô tình, mọi sự vật đều ước ao kết-hợp với Ngài, như đại-đức Asanga giải-thích rằng :

« Chư Phật không nói kẻ này đã thành chính-quả, kẻ kia cần phải đưa tới chính-quả ; mà chư Phật phải đưa tất cả chúng sinh ở mọi nơi, ở khắp mọi nơi, tới chính - quả. » Và chính chư Phật cũng không có bản ngã thật tại : chư Phật chỉ là những sắc-thái của Phật tính vô ngã, vô chất, qui-hợp tất cả vào trong Dharmakaya (Pháp thân) duy nhất ».

Lý-thuyết trên còn có chỗ giống với lý-thuyết về thần-minh của Spinoza và của mọi thuyết Phiếm-thần : đó là một Thượng-đề tuyệt-đôi phải nhờ vật thể tương-đôi mới đạt tới chỗ tự giác hay tự nhận thức được, nên sự hiển-lộ của thượng-đề đối với vật - thể tương - đôi, không phải do lòng bác-ái của Thượng-đề phát sinh : một Thượng-đề nếu còn phải nhờ vật

thể tương - đôi, chưa phải là một Thượng-đề độc-lập ; nếu Thượng-đề hiển-lộ ra với vật-thể, trong trường-hợp ấy, không thể gọi là Thượng-đề bác-ái được ; Thượng-đề tùy thuộc vào vật-thể, Thượng-đề phải hiện ra với vật-thể, đâu phải tự ý ngài muốn hiển-lộ ; chỉ khi nào ngài tự ý muốn, nghĩa là muốn một cách độc-lập, sự hiển-lộ của ngài mới thật do tự bác-ái mà ra. Vậy nên, nếu chư Phật chưa được mãn nguyện trong Dharmakaya (Pháp thân) là chỗ qui tất cả chư Phật về một mối và nếu các ngài còn dùng Sambhogakaya (báu thân) để hiển-lộ với các Bodhisattva thì đó là các ngài vị các ngài mà hiển-lộ. « Mặt trời, mặt trăng, mặt nước cũng như ánh sáng đều không tự-giác hay tự nhận-thức được ; song khi cả ba vật ấy giao tiếp với nhau thì phát ra hình » (Bài kinh Suvarna prabhasa sutra)

Nhà học-giả Masson - Oursel giải thích đoạn trên như sau :

« Câu này có nghĩa : Dharmakanya (Pháp thân) ví như mặt trời hay mặt trăng, chỉ có thể là một lạc cảnh khi nào hiển lộ được ra với vật thể không tuyệt đôi mà tương đôi khác biệt với mình, tức là với các vị Bodhisattva ví như mặt nước ; mối trung-gian kết-hợp hai bên gọi là Sambhogakaya, ví như ánh sáng... Spinoza khi luận về một vấn-đề tương-tự với những ý-niệm khác, cũng cho rằng ái đức tinh-thần của Thượng - Đề, ái đức của loài người đối với Thượng-Đề, ái đức

(1) Báu thân, thân quý báu, có 32 tướng tốt và 80 tướng phụ.

của Thượng-Đề đòi với loài người và ái đức của Thượng-Đề đòi với chính ngài hợp lại thành một ái đức duy nhất (1) » Nếu hiểu như vậy thì ái-đức không còn phải là ái-đức như ta thường hiểu nữa.

Dị biệt giữa hai quan-niệm về « ái »

Thoạt nhìn, nhiều người có thể thấy đức yêu người trong Phật-giáo có chỗ giống với đức yêu người căn cứ vào đức yêu Thiên-Chúa và vào giáo-lý coi người là hình-ảnh của Thiên-Chúa trong Ki-tô-giáo. Như Kinh Bodhicaryavatara của Santideva có đoạn :

« Chúng - sinh giống chư Phật vì chúng-sinh đều có một phần đức-tính của Phật...

« Cái phần đặc-biệt ấy ở trong hết thấy chúng sinh cho nên hết thấy chúng sinh đều đáng tôn trọng. »

Tuy nhiên, theo chính giáo-lý của Phật-giáo thì chân-lý nơi trần tục chỉ là chân-lý tương đối và hành vi của chúng sinh là hành vi tạm thời. Tính chất vô sắc của chư Phật được coi như lý-thuyết tuyệt-đối, làm cho ái đức đòi với đồng loại căn-cứ trên ái đức của chư Phật, tự nhiên cũng mang tính-chất vô sắc, không hư.

Nhận xét trên cho ta thấy rõ một điểm dị biệt giữa Phật-giáo và Ki-tô

(1) Les trois corps de Bouddha (trong Journal asiatique, tháng Năm tháng Sáu 1931, trang 589-590)

giáo. Trong thuyết Ki-tô giáo, Thiên Chúa hiển lộ với loài người bằng nhiều hình thức, song hình thức cao siêu nhất chính là khi Ngài hiển lộ Ngài là Bác-ái. Đến nỗi các nhà bác-học Ki-tô giáo không bao giờ lãng quên việc nhắc nhở tín-đồ phải coi hiển lộ ấy là một sự xác thật, và có khi không từ dùng những tình-cảm có tính-chất thuần-túy nhân-loại để biểu-dương nữa. Đọc Phúc-Âm, ta thấy giáo-huân trác-tuyệt nhất là giáo-huân bác-ái huynh-đệ : Chúa Giêsu (là Ngôi Hai Thiên-Chúa mặc xác phàm trần) trước khi chịu chết, đã căn-dặn các môn-đệ phải giữ tinh thần bác-ái đó, và Ngài đã coi đó là di-chức để lại cho những kẻ chí thân. Tất cả mọi môn-đệ Ngài, về sau, đều coi bác-ái là nền-tảng của đạo-hạnh, những tu-sĩ dù có lánh đời đến đâu, vẫn phải căn-cứ vào bác-ái mà tu-luyện. Phật-giáo thì chủ-trương khác hẳn. Cứ xem như truyện người Yasa, chàng thanh-niên chán đời, muốn qui-y theo Phật :

« Khi Yasa ngồi gần ngài thì Đức Phật giảng dạy cho y về bồ-thí, về tri-giới và về thiên - đàng ; rồi ngài giảng dạy về khổ não, về ảo-giác, về ô-trọc của dục giới ». (2)

Khi Yasa đã thấu triệt được các điều trên, Đức Phật mới giảng dạy cho các điều cần-thiết đặc-biệt của Phật đà, có tính chất hoàn toàn vô-vi.

(2) Mohavagga

Cách thức giảng dạy theo thứ - tự trên, Phật-giáo cho là quan - trọng. Đại-đức Aryadeva, trung bộ Catuhsa-taka viết : « Giảng dạy bồ - thí cho thường nhân, giảng dạy thệ-nguyên cho trung nhân và giảng dạy không-hư cho thượng nhân ». Bộ Nagarjuna, chương XXX cũng có câu : « Đức Phật thuyết-pháp tùy theo sở-chí của chúng sinh ».

Tóm lại, vị Bodhisattva phải tập-luyện, đi từ bồ-thí (dànaparamita) tới trí-huệ (prajñāparamita) là paramita đầu và paramita cuối trong Lục-Độ. Song, theo gương mẫu của Đức Phật, paramita bồ-thí không những lệ-thuộc paramita trí-huệ, vì « trí-huệ là trung-tâm của như lai » (Tathāgatagurbha) paramita bồ - thí chìm và biến vào trong paramita trí-huệ.

Vì ái - đức chỉ có giá - trị về phương - diện chân - lý tương - đối, ái-đức do đây hóa ra ảo-ảnh, ảo-ảnh không có hại mà rất có lợi, vì sẽ biến đi và nhường chỗ cho không hư và tự không hư đạt tới vô vi, khiến khi đã đạt tới chỗ chí diệu thì không còn có thiện cảm, ác cảm gì ; thiện cảm, ác cảm là hai thứ « si » đã được tiêu trừ. Thiện, ác đều đồng nhất ; hết mọi dharma (pháp) đều bình đẳng và mọi sự đều là không hư.

Do đây, ta thấy bài kinh Mahasudassanasutta dạy bốn phép trăm mặc, khởi sự từ ái, coi ái như một bản nhân, nhờ bi và lạc đạt tới tĩnh. Ta cũng thấy đại đức Nagarjuna (Long-

Thọ) tác-giả bài kinh Mahaprajñāparamitasūtra của Phật-giáo Đại-thừa, công bố : « Nếu không có prajñāparamita (trí huệ) thì dànaparamita (bồ thí) sẽ phải liệt vào loại dharma (pháp) bị suy vong với trần tục và chỉ đạt tới Parinirvana (tịch diệt) của các vị Arhat (La-Hán) và các vị Pratyekabuddha (Bích chi Phật đà, tức độc giác Phật, Phật tự giác mà không giác tha) mà thôi. Ta còn thấy do đó mà Đại-đức Aranga kết thúc bài kinh Mahayanasutralamkara dành hai chương nói về « dẫn chỉ » ca tụng « từ bi » Đức Phật và trạng thái vô vi khi siêu sinh tĩnh độ, ngài được chính đẳng, chính giác. Và vị đại-đức Santideva, trong bộ Bodhicaryavatara khi dạy về trí huệ, đã coi đức ái thuộc phạm-vi sắc giới, các vị bodhisattva khi đã đạt tới trí huệ phải tập luyện cho quen với vô sắc giới, là giới duy nhất có thật, gọi là « phi-phi-tướng-thiên ».

Chỉ có trí-huệ mới tiêu trừ được khổ não. Song muốn đạt tới trí-huệ, cần phải hiểu có hai chân-lý : chân-lý bao phủ và chân-lý tuyệt đối ; chân-lý bao phủ hợp với thường nhân, và chân-lý tuyệt đối hợp với thượng-nhân trăm-mặc. Trí-huệ của thượng - nhân trăm, mặc phải tinh-thông lý-thuyết phi phi tướng mới đạt tới được. Đại đức Santideva giải-nghĩa điều trên như sau :

« Cũng như thân cây chuối, các phần khi đã ủng thời ra thì không còn là thân cây chuối nữa, bản ngã cũng vậy, bản ngã chỉ là không hư. Song nếu cá vật không có nữa thì bi lấy gì

làm đối-tượng, bị làm sao có thể thật thi được ? Cá vật hình dung bằng một ảo ảnh cho người ta đạt được tới đích. Đích của ai, vì cá vật không có ? Chắc chắn nỗ lực phải do ảo ảnh phát sinh ; song bởi ảo ảnh có mục-đích làm giảm khổ não, cho nên ảo ảnh có mục-đích không phải là sự đáng nên ngăn cấm. » (1)

Tuy nhiên, sẽ tới lúc cần phải cởi bỏ ảo ảnh :

« Mệnh-hệ của chúng-sinh giống như giấc chiêm-bao. Chư huynh nên hiểu : mọi sự đều là không hư cũng như không giới vậy. » (2)

Tuy nhiên, Hai quan-niệm về « ái » có chỗ tương-hợp

Các chủ-trương trên của Phật-giáo, mặc dù có tính-chất tiêu-cực, không phải là không có chỗ hợp với các chủ-trương của Ki-tô-giáo về bác ái, như bóng với hình, như vang với tiếng. Các vị đại-bồ-tát khi ra tay tế-độ có thể coi như là những vị biểu thị trước tinh thần bác-ái của Chúa Ki-tô, hình-ảnh của các vị ấy tuy mờ lung, không rõ rệt lắm, nhưng cao-thượng và sâu-sắc vô cùng, khiến ai cũng phải khâm-phục. Khi suy gẫm trước pho tượng Bồ-tát đào được trong hang Ajanta, nhà Phật-học Philippe

Stern đã nói ông « thấy hai cực hình như giao nhau trên gương mặt vị Bồ-tát, phản-ảnh một tâm hồn « vừa dâng lên vừa thu lại » : « nín thở, vô lượng vô biên, thoát hẳn trần dương và náo động, tịch nhiên một cách sung mãn, kết hợp làm một trong từ bi đối với toàn thể vũ-trụ. Nhờ hai cực giao nhau đó, vị Bồ-tát khép kín lòng lại, siêu-thoát trần-thế mà vào tịnh-độ và tận độ được chúng sinh. »

Vài dòng sau hết để kết-luận về « từ »

Còn *maitrì* (từ) của Phật-giáo hiển-hiện trong thật-tế của lịch-sử cũng như trong các mối quan-hệ giữa loài người với nhau, ta thấy là một căn-tính tuy ôn-hoà hơn, nhưng kém về đậm-đà, kiểu-diễm và hơn hẳn một số nhiệt tình, bác-ái quá thô-lỗ hay quá sỗ-sàng. Maitrì nếu có chỗ chưa làm thỏa-mãn được hết mọi người, đó là vì maitrì không căn-cứ vào sự tôn trọng bản-vị của tha-nhân và vào lẽ công bình như người người thường hiểu.

Maitrì tuy không thật là một tình-cảm nhưng biến-thành tình-cảm trong *Karunà* và *Karunà* trở thành thiết thật trong *Dàna*. Tuy nhiên, cũng do đây mà ái-đức càng thật-thí thì càng chuyển thành một phương-tiện. *Dàna* chỉ có tính-chất tạm thời, dù dưới hình thức cao-thượng nhất, *dàna* vẫn chỉ là những hành-vi bồ-thí. *Karunà* có khuynh-hướng đi tới chỗ chuyển thành bi không đối-

(1) Chương IX, câu 1-3 và 75-77 (Finot trang 128 và 138-139)

(2) Chương IX, câu 150 và 155 (Finot trang 150 và 151)

tượng — Maitrì, khi đạt tới chỗ viên mãn, không còn tính-chất hõ-tương vì không còn vật - thể để thí-xả cho nhau nữa.

Nói vậy không phải là bảo Maitrì với tất cả các đức vị-tha của Maitrì chỉ có tính-chất thuần-túy tiêu-cực cũng như Nibbana Phật giáo, theo lý-luận của nhiều người Tây phương. Chứng cứ là Maitrì đã phát-sinh ra những kết-quả thật đáng khâm-phục, mặc dù đối với *từ* cũng như đối với *niết-bàn*, giá-trị tích-cực không phát-huy để thành toàn một cách viên-mãn. Đức Phật chỉ muốn dập tắt « lửa oan trái, dục - vọng và si-mê » (Mahavagga). Trung-tâm của vũ-trụ Phật giáo là cây bồ-đề và Phật giáo khi lý-luận về ý-niệm không-hư thật đã đạt tới chỗ vi-diệu:

*Không hư giống như thiên không
Là nơi được thấy tất cả những
gì phát hiện ra...*

*Dù ai xuất lộ ra ở đây
Cũng đừng tin và cứ để cho
qua đi.*

*Đó là qui-tắc ban ra
Để giữ cây Bồ-đề trong tay...*

*Hình hài không che giấu
không hư,
Không hư không tiêu trừ hình
hài (1).*

Pháp mà Phật - giáo bảo đã tìm ra được, « Pháp thâm sâu, khó dò, khó biết » (2), có thể người Ki-tô-giáo cho là chưa thoát vòng ảo ảnh và Đức Phật cũng chưa nói ra được lời giải thoát. Tuy nhiên, có điều ai cũng công nhận là hơn hết mọi ai khác, Đức Phật đã hoàn thành được một *pars purificans* (phần tảo thanh), khiến chính người Ki-tô-giáo có thể cũng phải hàm ân. Ngài đã phá tan được nhiều tà đạo, huyền thuyết, mê tín, dị đoan ; Ngài đã thấy ở bên kia sự diệt thể-xác, có sự cần-thiết phải từ-bỏ vật-chất mà vụ vào tinh-thần. Lý-thuyết của Ngài dù có nghiêm-khắc quá sức loài người ở một vài khía cạnh, vẫn là lý-thuyết có những biểu-hiện nhân - đạo thật sâu - xa, một lý-thuyết thâm-áo mà thuận-lý, loài người gần như không thể nào tránh khỏi.

HOÀNG-MINH-TUYNH
và
THONG-KHAM

(1) Kinh Mahamudra sutra (bản tiếng Tạng, thế-kỷ XVII).

(2) Lời Đức Phật khi đã đạt tới đại giác.

✱ Trước khi quyết định trách phạt, nên gặp riêng người phạm lỗi để nghe họ giải-thích thông thả, gắng hiểu tâm-lý và hoàn-cảnh đã đưa họ tới chỗ phạm lỗi. Nhờ vậy, ta có thể khám phá ra những căn tính tốt còn tiềm tàng ở trong tâm-hồn họ, và nếu có cần phải trách phạt để răn bảo hay để làm gương, ta có thể khiến họ coi sự trách phạt là một phương-thế giúp họ hồi-phục và cải-tiến.

Dòng tư-tưởng...

Biến - cố đối với con người

Ngắm thần-sắc hốt-hoảng hay lo-âu của một số người, ta có cảm-giác như họ bị biến-cố xảy ra áp-đảo nặng-nề đến thành kiệt-quệ.

Thật ra thì biến-cố, tự nó, không hẳn là phúc hay họa. Nó đến y-nhiên với hết thảy mọi người, giữa một thời-khắc trong lịch-sử, với màu sắc khác nhau tùy theo khí-chất mỗi tâm-hồn, bởi lẽ giản-dị mỗi tâm-hồn có khí-chất khác nhau và nhuộm mỗi biến-cố vô-tri theo hình-ảnh của mình.

Có người ví sự-biến với nước, do may rủi đổ xuống trên mỗi người, nguyên nó vốn vô vị, vô sắc, vô hương. Nó trở nên vui hay tẻ, ngọt hay đắng, độc hay lành, tùy theo tư-thái của kẻ tiếp-nhận nó. Không có sự-biến nào bất-hạnh hay vô-phúc, chỉ có sự-biến được tiếp-nhận một cách bất-hạnh hay vô-phúc mà thôi. Hàng ngày, trăm ngàn công việc có thể xảy đến, chứa đựng hàng trăm ngàn thời-cơ để con người làm nên sự-nghiệp anh-hùng, mà chẳng có sự-nghiệp anh-hùng nào phát-xuất, chỉ vì những dịp « hội long-vân » cứ bị bỏ lỡ hoài.

Biến-cố vẫn thường không tùy-thuộc ta, hay chỉ tùy-thuộc một phần ; nó xảy ra ở ngoài ta, ở bên ta, trái với ý ta ; song có chỗ biến-cố không thể xâm-phạm được, đó là ảnh-hưởng của nó ở nơi ta, do cảm-ứng của ta biến-hóa đi vậy.

Ngoại vật thật ra không đáng kể, nội-tâm mới thật có giá-trị. Cái khả-dĩ khiến ngoại-vật trở thành giá-trị, phải chăng chính là thái-độ nội tâm của con người trước ngoại vật ?

PHẠM-HOÀNG

CẢM - TƯỞNG CỦA TÔI

SAU KHI ĐỌC CUỐN

Văn-Học Việt-Nam

của PHẠM-VĂN-DIỀU

* NGUYỄN-HIỀN-LÊ

Ở vào cái thời mà sự hiểu biết của loài người mênh mông như ngày nay, muốn thảo-luận về một vấn đề nào thì không thể luôn luôn dùng trí nhớ được, mà phải thường thường tra khảo; vì vậy những sách về loại nghiên-cứu phải giúp độc-giả tra khảo dễ dàng, phải có một bảng mục-lục đầy đủ, đôi khi cần có thêm một bảng kê những tác-phẩm và tác-giả đã nói đến trong sách.

Tôi đã bực mình về bộ « Nho-Giáo » của cụ Trần-Trọng-Kim : cuốn nhất dày non 350 trang mà bảng mục-lục chỉ có mười hàng, thành thử muốn tra về một mục nào, chẳng hạn về đức nhân hay đức hiếu, về thuyết chính danh hay trung dung thì phải lật bốn năm chục trang mới thấy. Mất thì giờ quá.

Cho nên mỗi khi gặp một tác-phẩm khảo-cứu thì công việc đầu tiên của tôi là coi bảng mục-lục. Không phải rằng hễ bảng mục-lục mà sơ sài thì tác-phẩm không có

giá-trị ; nhưng thường bảng mục-lục mà đầy đủ thì ít nhất tôi cũng có thể đoán được rằng tác-giả cần thận, làm việc có phương-pháp và biết trọng thì giờ của độc-giả.

Vậy khi nhận được cuốn *Việt Nam Văn-học* của Phạm Văn-Điều, tôi mở coi bảng mục-lục trước hết và tôi đã hài lòng : rất đầy đủ, gồm cả thấy 12 trang ; mỗi đoạn trong mỗi chương đều có ghi đại ý và số trang.

Tôi coi ngược lên : không có bảng ghi tên tác-giả và tác-phẩm nói tới trong sách, có lẽ vì cuốn này chỉ là cuốn đầu trong một bộ, mà tác-giả muốn đợi in xong toàn bộ rồi mới lập bảng đó.

Nhưng tôi thấy một bảng *Tham-khảo thư loại* gồm mười trang chép tên hằng trăm tác-phẩm viết bằng chữ Hán, chữ Nôm, chữ Quốc-ngữ và chữ Pháp, đều được xếp theo loại và ghi chú kỹ lưỡng.

Xong rồi tôi mới coi đến bài *Tựa*. Có một số độc-giả bỏ qua bài tựa ; Tôi thì

trái lại, rất chú-trọng tới nó. Vì thường thường nó cho ta biết những nét đại-cương về tính tình, tư-tưởng cùng chủ-trương của tác-giả để giúp ta dễ hiểu tác-phẩm.

Đọc bài tựa cuốn *Văn-học Việt-Nam*, tôi đề ý ngay tới câu đầu :

« *Dạy quốc-văn trong các học hiệu ngày nay cần phải nhắm một đích cao. Nếu không lớp dạy quốc-văn sẽ buồn tẻ. Đích ấy là gây lòng tự-tin ở Dân-tộc* ».

Thật là gọn, minh-bạch mà cũng xác-đáng, Đúng là lời của một giáo-sư đứng-đầu.

Đọc tiếp tôi thấy ngoài mục đích « rèn luyện tánh-khí thanh-niên » gột rửa tàn tích nô-lệ, tác-giả còn muốn truyền cho họ cái đẹp, « cái đẹp thuần-túy », đúng như lời của Ravaisson : « *La beauté est le mot d'ordre de l'éducation* ». Để đạt hai mục-đích đó, tác-giả đứng trên « lập-trường Việt-Nam », không « chấp nhận lối văn-chương tuyên truyền đảng-phái » mà chỉ « phụng-sự sự thực. »

Chủ-trương đó hợp với tôi. *Văn-đề đã đặt đúng*, tuy rằng hơi gay gắt. Và tôi bắt đầu có cảm-tình với tác-phẩm.

Lật tiếp những trang sau, coi qua đây một đoạn, kia một đoạn, tôi nhận thấy thêm rằng tác-giả có óc nhận xét, phê-bình, phân-tích, lại có công tâm. Chẳng hạn khi ông đánh giá những cuốn Văn học-sử Việt-Nam xuất bản trong hai ba chục năm nay, bảo rằng cuốn « *Cuộc tiến hóa của Văn-học Việt-Nam* » của Kiều Thanh Quế là « *đồi trụy* », rằng Giáo-sư Dương Quảng Hàm khi soạn cuốn *Việt-Nam Văn-học*

sử yếu « thiên về sử một cách rõ rệt, mà xem nhẹ phần văn-chương nên sách ông không giúp mấy cho kẻ học nhận biết những hứng-thú, giá-trị văn-chương », còn bộ *Việt-Nam Văn-học sử trích-yếu* của ông Nghiêm-Toản « *chỉ là bản thu gọn quyền Việt-Nam Văn-học sử yếu của Dương Quảng Hàm với ít nhiều « trang sức », « ảnh-hưởng » của thời thế 1945—1954 mà thôi* », thì thực là vạch được rõ sở-trường hoặc sở-đoán của mỗi tác-phẩm, đặt mỗi tác-phẩm đúng vào địa-vị của nó. Tuy nhiên, chúng ta cũng không nên quên rằng Giáo-sư Dương-Quảng-Hàm phải theo sát chương-trình « Tú-tài bản xứ » thời đó, còn Giáo-sư Nghiêm-Toản chỉ nhắm mục-đích phổ-thông trong đại chúng.

Tóm lại, sau nửa giờ dò xét qua loa, chúng tôi thấy cuốn *Văn-học Việt-Nam* là một tác-phẩm đứng-đầu, viết công-phu và ý-tưởng có chỗ xác-đáng. Kể đó, tôi mới đọc kỹ từ đầu đến cuối, hết thấy khoảng 750 trang đặc. Tôi nói đặc vì trừ những đoạn trích văn, thì tác-giả ít khi xuống hàng : có đoạn trên hai trang (trang 94, 95 và 13 hàng đầu trang 96) mới xuống hàng, mà thường thường mỗi trang trên 40 hàng chỉ xuống hàng một hay hai lần. Trong mỗi chương, sự chia đoạn về hình-thức, không có dấu gì để phân-biệt, ngoài những chỗ xuống hàng, cho nên đọc ít thấy « thoáng » như người Pháp nói.

Văn thì trang-nhã, nhưng cũng hơi nặng. Câu thường dài mà những chỗ cao hứng, tác-giả hay dồn hai ba tiếng để thêm nghĩa ; chẳng hạn : ...là những tiếng cười ra nước mắt âm ứ. chua cay (trang 68)

...là những tiếng kêu-rên của thương nhớ xa xưa. Và ca-dao, và lối hát ả-đào, lối ca Huế, cùng bao nhiêu áng thơ xưa cũ khác, cũng toàn nhuộm toàn sầu-hận, buồn-tủi, nhớ-mong, đợi-chờ, phản chiếu uẩn-ức luân-lý của cá-nhân... (trang 69)

...vẫn là con người nô-lệ, tôi-đòi nền văn-học ấy (trang 70)

...nên vẫn còn lòng tự-tôn và cốt-cách diêm-nhiên, bình-thản (trang 70)

...và đều bị dập-tắt, tiêu-trầm (trang 94)

.....

Tôi thú thực là đọc hơi thấy mệt. Có lẽ một phần do trời lúc này nóng quá. Mệt nhưng bổ ích.

*
**

Tác-phẩm gồm ba phần :

Phần nhập-môn dài 120 trang, vạch rõ chủ-trương của tác-giả : ông nhận định về văn-học, về khoa văn-học-sử, rồi nhận xét khái quát về văn truyền khẩu, văn Nôm, văn Quốc-ngữ (ông loại bỏ văn-học chữ Hán, cho nó không phải là văn của dân - tộc Việt), sau đó ông phân biệt các thời kỳ văn - học, và đặt những quy-tắc trong việc giảng văn.

— **Phần văn-học truyền khẩu** gồm trên 200 trang, phân tích tục-ngữ, ca-dao và truyện cổ.

— **Phần văn - học thành văn** gồm trên 400 trang, phân tích văn-nôm.

Phần này chia làm ba phần nhỏ để xét về 3 thời kỳ :

• *Thời phôi thai*, tức thời Trần, Hồ và Hậu-Trần.

• *Thời xây dựng*, tức thời Thịnh, Lê và Mạc.

• *Thời toàn thịnh*, tức thời Lê - mạt — Nguyễn-sơ.

Trong mỗi phần nhỏ, tác-giả

— nhắc qua lại những nét chính về lịch-sử của mỗi thời

— xét chung về văn-học trong thời đó và các tác-giả « thứ yếu »

— xét riêng về mỗi tác-giả, mỗi tác-phẩm tiêu biểu

— kết-luận

— và trích giảng ít bài văn thơ ; có khi phụ lục những văn liệu hiếm có để kẻ học tiện khảo chứng.

Riêng về thời toàn thịnh, tức thời Lê-mạt — Nguyễn-sơ, muốn cho sự ấn-loát được dễ dàng, sách khỏi dày quá, tác-giả tách ra những tác-phẩm chính như : *Cung oán ngâm khúc*, *Chinh-phụ ngâm*, *Hoa-tiên*, *Truyện Kiều*..., mà cho vào cuốn sau, sẽ xuất-bản. Nghe nói cuốn sau đó gồm tám trăm trang nữa. Còn quyển III về văn-học triều Nguyễn cũng dày 800 trang. Như vậy là toàn bộ gồm khoảng 2.400 trang mà mới chỉ xét phần văn truyền khẩu và văn nôm, chứ không xét phần văn Hán mà cũng chưa xét phần văn Quốc-ngữ. Quả là công phu.

*
**

Ở trên tôi đã nói mục-đích của tác-giả là phụng-sự sự thực mà truyền cái đẹp cho thanh-niên và gây cho họ lòng tin ở Dân-tộc. Tôi sẽ đứng về ba điểm ấy mà xét tác-phẩm của ông.

Về điểm thứ nhất : phụng-sự sự thực, ông đã gắng sức nhiều và khá thành-công, cống hiến cho độc-giả được nhiều điều bổ ích, nhất là trong phần nhận định về sử, phần khảo tiêu-sử, văn-nghiệp của các văn, thi-sĩ, nhờ ông đã nghiên-cứu trực-tiếp trong những sách cổ viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm. Đọc phần thứ nhì, phần *Văn học thành văn* từ Trần tới Nguyễn-Sơ, tôi thấy văn Nôm đã diễn tiến đều đều, bước những bước vững vàng, mới đầu còn thô-sơ, chịu nhiều ảnh-hưởng nặng nề của Trung-Hoa, lẫn lẩn chau chuốt lên, nhẹ nhàng thêm, có tính-cách Việt-Nam hơn.

Tôi lại được thấy công-phu dò dẫm của cổ-nhân để tạo cho chúng ta thẻ lục bát và thẻ song thất lục bát. Đoạn nghiên-cứu về thẻ song thất lục bát từ trang 419 đến trang 425, viết thực kỹ : thẻ đó là tổng hợp thơ thất ngôn của Tàu và thơ lục bát của ta, mới đầu các thi-sĩ thời Lê Sơ còn dùng nó lẫn lộn với thẻ lục bát, chưa có quy-tắc nhất định, vì còn đương thí-nghiệm (như trong *Gia huấn ca*, trong một bài của Lê-Đức-Mao), sau tới hồi

vua Lê chúa Trịnh đã quy hồi cõi Bắc, nó bắt đầu có định hình gần như ngày nay. Những tấn bộ đó, tác-giả đã vạch cho ta thấy rõ, dùng thí dụ dễ minh chứng, và đọc xong tôi bồi hồi, nhớ ơn tiền nhân.

Gây được tình hoài cổ trong lòng độc-giả, thành-công đó thật đáng khen.

Tác-giả lại có công tra cứu nhiều sách, thu thập các tài liệu cũ về nhiều nhà văn nhà thơ trong đời Lê, cả những nhà mà ít người biết tiếng, tác phẩm để lại không có bao nhiêu, như Nguyễn-Xung-Xác, Đỗ-Cận, Bùi-Vinh, Hà-Nhiệm-Đại, Nguyễn-Tông-Khuê, Hoàng-Tử-Tứ, Trịnh - Ân-Vương, Vũ-Trình... Hình như ông vội vàng gom cho đủ, mới sắp theo thứ tự thời-gian, chứ chưa có thì giờ định giá-trị, tuy ông cũng đã vạch rõ tính cách riêng của mỗi nhà.

Nhưng về các tác-giả chính của mỗi thời-đại : Lê-Thánh-Tôn, Nguyễn-Bình-Khiêm, Nguyễn-Trãi, thì ông phân tích tỉ mỉ từ thời-đại, tiêu-sử, đến nhân - cách tư - tưởng và nghệ-thuật.

Sửa hình, sửa tiếng

Người đời thường hay tin những lời nói vu-vơ, không bằng cứ, do đây sự xét-đoán nhiều khi rất thiên-lệch. Người Trung-Hoa dùng câu : « *nhất khuyến phê hình, đa khuyến phê thanh* », có nghĩa là một con chó thấy có hình mới sửa, mà nhiều con chó chỉ nghe tiếng đã sửa, nói tắt : « *phê hình, phê thanh* », để chỉ những người hàm-hồ nói trên.

Một ý-kiến tỏ rằng tác-giả đã chịu khó nhận xét là sự phân biệt *thơ có khẩu khí* và *thơ khẩu khí*. *Thơ có khẩu khí* là thơ không có ý gởi gắm khẩu khí trong đó mà tự nhiên làm cho người đọc đoán được vận-mệnh của thi-nhân (như bài *Thơ tràng pháo* của Nguyễn-Hữu-Chinh); còn *thơ khẩu khí* là thơ gò gắm cho có khẩu khí dù đề tài chẳng liên-quan gì đến khẩu khí đó cả, như các bài : *Thăng bù-nhìn*, *Cái chồi*, *Thăng mỗ* của Lê-Thánh-Tông.

Phê-bình thơ khẩu khí của Lê-Thánh-Tông, tác-giả viết :

« Đọc thơ Lê-Thánh-Tông, một nghi-vấn sẽ nảy ngay trong cảm - quan, trong óc ta : Lê - Thánh Tông e ngại gì ai mà chẳng nói thẳng đến mình, lại phải đi mượn cái lối của sự vật ? Trước hết ta nên nhớ rằng đây là một thủ đoạn kỹ-thuật, mà cũng vừa là một hành - vi hàm mục-đích chính-trị. Sau là Lê-Thánh-Tông khi làm thơ đã sẵn có một định ý phô trương cái cao quý, cái uy lực của mình, cũng như bênh vực chiếc ngai vàng của mình. Nhưng thường tình thì bao giờ nói đến mình cũng khó nói, và có nói thì người ta vẫn ít muốn nghe. Phải ẩn mình một chút mới khéo gọi được hiểu kỳ. Song rủi là thơ khẩu khí thất bại ngay trong trứng nên Lê-Thánh-Tông chẳng giữ nổi hứng thú cho người đọc. Người ta thấy đó là một trò chơi và là một trò chơi nguy-hiềm nên thành ra người sau chẳng mấy ai noi theo. Thơ Lê-Thánh-Tông vẫn là một hiện tượng trơ vơ trong văn - học - sử Việt-Nam ».

Ông bảo nó là một trò chơi. Tôi thấy nó còn là một trò cười. Sở dĩ nó còn được lưu lại chỉ nhờ tác-giả của nó ; và

ngày nay nó có chút giá-trị gì chỉ là ở phương-diện tâm-lý-học, chứ không phải văn-học.

Trang tổng luận về Nguyễn-Trãi, đọc cũng húng thú, tuy là văn hơi gò gắm. Tôi muốn chép lại đây, chỉ ngại nó hơi dài. Tác giả tóm tắt khuynh hướng chủ yếu của văn thơ Nguyễn-Trãi trong bốn tiếng : *đạo lý trứ trình*. Đúng ; ông có thể đặt *trứ tình* lên trước. Ôi ! Cái tình mênh mông với tổ-quốc, với gia-đình, với muôn dân, với thiên-nhiên, với văn thơ, tình đó chỉ Nguyễn - Trãi mới có. Còn phả đạo lý, như Phạm-quân đã nói, chỉ là « khuynh hướng chung của văn đàn thời đại ». Trong lịch-sử Việt-Nam tôi ít thấy vĩ-nhân nào có tâm hồn đáng kính đáng yêu như vị danh tướng kiêm thi-sĩ đó.

Tác-giả đã đưa ra nghi-vấn này « có lẽ ông (Nguyễn-Trãi) là người đầu tiên đem thử thách, thí-nghiệm trong tác-phẩm mình để tìm một khuôn khổ nhạc-điệu mới, ứng-hợp với rung cảm mới của dân-tộc, của quốc-gia lớn mạnh từ thời Trần » Điều đó rất quan-trọng, các học-giả nên nghiên-cứu thêm.

Tôi cũng muốn đưa một nghi-vấn nữa. Tôi nhận thấy thơ Nguyễn-Trãi không đều. Hầu hết những bài bát cú thì vụng về, chẳng hạn :

Ở thế nhiều phen thấy khóc cười,
.....
Lòng người một sự yên chung một,
.....
Ai ai đều có hai con mắt,
Xanh, bạc dầu chung mặt chúng
người.

(Bài 120 Quốc-Âm thi-tập 473)

Ngàn dặm xem mây nhớ quê
Chẳng chờ gói ả gượng xin về
.....

Dẫn suốt nước đầy cái trúc,
Quầy trăng, túi nặng thàng hề.
Đã ngoài chừng thế, đâu hơn thiệt,
.....

(Bài 155 trang 473)

Tiêu sái mấy lòng đã mặc được,
Bảo chẳng khứng mặc một lòng thom
(Bài 97 trang 477)

Giữ bao nhiêu bụi, bụi lăm,
Dơ tay áo đến từng-lâm
(Bài 5 trang 478)

Vậy mà giọng thơ trong *Gia huấn ca*,
nhất là trong bài *Tự-thán* :

Chiếc thuyền lơ lửng bên sông,
Biết đem tâm-sự ngỏ cùng ai hay ?
Chắc chi thiên-hạ đời nay,
Mà đem non nước làm rầy chiêm bao ?
Đã buồn về trận mưa rào,
Lại đau về nỗi ào-ào gió đông.
Mây trôi nước chảy xuôi giòng,
Chiếc thuyền hờ-hững trên sông một
mình.

Và bài *Chợ Trời* :

Trái bao vật đổi với sao dời,
Chẳng thú gì hơn thú chợ trời.
Buổi sớm sương tan, trưa gió quạt,
Ban chiều mây hợp, tối trăng chơi.
Bầy hàng hoa quả quanh năm đủ,
Sắp gánh giang-san tám mặt ngồi.
Bán lợi mua danh nào những kẻ ?
Lại đây mà-cả một đôi lời.

thì sao mà chài-chuốt thế ?

Vì đâu có sự cách biệt lạ-lùng như vậy ?
Những câu trong *Quốc-âm thi tập* tôi trích

ở trên làm vào hồi Nguyễn-Trãi về hưu,
đã ngoài năm chục tuổi, có thể đồng thời
với những bài *Tự-thán* và *Chợ trời*, hoặc
có trước chẳng nữa thì nhiều lắm là năm,
mười năm (vì Nguyễn-Trãi mất năm 63
tuổi), thì có lẽ nào thơ Nguyễn-Trãi tiến
mau đến thế ? Giọng *Quốc-âm thi tập* là
giọng đời Trần, mà giọng *Tự-thán* và
Chợ trời là giọng Lê-Mạt, Nguyễn-Sở ;
trong năm, mười năm mà nghệ-thuật vượt
được ba, bốn thế-kỷ ư ?

Hay là hai bài sau và cả tập *Gia-
huấn ca* nữa đã được hậu thế điểm
xuyết ? Điểm đó cũng nên xét lại.

Chúng ta phải cảm ơn thêm tác-giả về
hai tài-liệu quý :

— một là bản chụp bìa cuốn *Nhật
dụng thường đàm* của Phạm-Đình-
Hồ, cuốn tự vựng Hán Việt đầu tiên
(in năm 1857) của nước ta. Phạm-Đình-
Hồ người xã Đan-Loan, làng tổ thợ
nhuộm, tỉnh Hải-Dương, mất cách đây
mới 121 năm. Làng đó là quê ngoại của
tôi ; đầu thế chiến vừa rồi có dịp về thăm,
tôi đề ý tìm những sách cổ của Phạm-
Đình-Hồ, mà thất vọng. Nay mới được
thấy hình-thức cuốn *Nhật dụng thường
đàm*. Tiếc rằng tác-giả không chụp thêm
một trang ruột để chúng ta biết rõ hơn về
tự-úch, nội-dung cuốn đó.

— hai là một sắc chỉ ở đầu thế-kỷ
XVIII của Trịnh-Cương, chép trong
Lịch triều tạp ký trong đó có đoạn :

" Những sách vở cần-thiết để giáo-hóa
dân chúng thì có thể cho in ra để phổ-cập.
Gần đây nhiều kẻ bất-lương thâu nhặt
những câu ca lời truyện bằng tiếng Nôm,
không phân biệt hay dở phải trái, đem
khắc bản và in bán khắp nơi. Điều ấy

phải cấm ngặt. Từ nay về sau, kẻ nào tàng-trữ những bản khắc ấy hay những sách vở ấy thì phải kê-khai cho nhà chức-trách biết để thủ-tiêu ».

Tài-liệu sau này quan-trọng vì nó có thể giảng được tại sao trong khoảng hơn 100 năm, từ hồi Trịnh - Tùng xưng chúa (1599) đến khi Trịnh-Giang lên ngôi (1729) thơ Nôm không phát đạt : nó bị nhà cầm quyền đàn áp ; và đến khi nhà Trịnh suy, không còn sức đàn áp nữa thì nó phát-triển mạnh mẽ, để đạt tới trình-độ rất cao ở cuối Lê đầu Nguyễn.

*
*

Vậy tác-giả đã đạt được mục - đích phụng-sự sự thực trong phần Văn-học thành văn.

Phần Văn-học truyền-khẩu không thành công bằng, hơi dài quá, nhưng cũng chứa nhiều nhận xét đúng-đắn và can-đảm, nhờ ông đứng trên lập-trường Việt-Nam, không có óc đảng-phái.

Trên hai chục năm nay, từ hồi Kinh-Thi Việt-Nam xuất-hiện nhiều người lấy của Trương-Tửu cái bệnh mị bình dân, mà cho ca-dao là toàn-thiện toàn-mỹ, chỉ có bình-dân mới làm nổi. Có kẻ trích vài bài ca dao mĩa mai một thầy đồ hoặc một ông sư, một thiếu-phụ góa chồng... mà dựng đứng lên cái thuyết rằng giới bình-dân Việt-Nam đã đảo cả Nho lẫn Phật, đã-đảo chế độ đại gia đình, nền luân lý khắt khe của bọn có học, chê tất cả, từ vua chúa đến quan lại, chê cả những đàn bà giữ trính - tiết, những người hy-sinh cho tổ-quốc, gia-đình. Nghe họ ta tưởng chừng bình-dân Việt-Nam không có một tin-tưởng gì cả, hoàn

toàn sống theo bản-năng, một thứ bản-năng rùng rú. Lỗ-bịch nhất là một giáo-sư nọ trong một cuốn khảo về văn-chương bình-dân, đã được tái bản, dẫn những lời ca chanh chua mà các thôn-nữ thường dùng để chửi nhau với con trai, có những câu như :

Nhất bền là dây bồ nâu

Chị còn giết đứt nữa đầu chúng bay

.....

Cha đời chuột nhất chúng bay

Hòn đá tảng rơi xuống thì mày gãy xương.

.....

Không thèm ăn gỏi cá chầy,

Không thèm nói với thằng thầy mày đầu

.....

Mồ cha con bướm trắng để mẹ con ong xanh,

Khen ai uốn lưỡi cho ranh nói càn.

.....

rồi kết-luận rằng :

« Thực là cò kìm chưa có một tiểu-thuyết hay vở kịch nào có được cái lối văn đáp kỳ diệu như vậy. Quả là những viên ngọc bất chấp hết những nghệ-thuật mới mẻ ngày nay ». Nghĩa là hơn cả những kịch của Racine, của Shakespeare đấy.

Tôi xấu hổ quá ! Nếu một người ngoại-quốc nào đọc những hàng đó thì tôi không hiểu họ sẽ nghĩ gì về dân tộc và nền văn-hóa của chúng ta ?

Ông Phạm-Văn-Điêu không mắc lỗi đó, mà cũng không nhận rằng nền văn chương truyền khẩu là của bình-dân sáng tác. Ông viết :

« Sự thật trước kia thì anh đi cày, chị đi cấy, chú lái đò vô học sống trong cái không khí văn hiến xưa, nghiêm-nhiên mang lấy được ít nhiều tập truyền văn-chương, đã cố công học hỏi, phò-cập và lưu-truyền những câu hát, những lời ca nòng nân của hạng dân nông từng học ít nhiều nghĩa lý văn thơ ngày bé nhỏ, của những kẻ sĩ nơi hương đảng, nông thôn, của các nhà nho giản-dị, bình-dân, nặng tình quê hương dân tộc, mà bọn họ hằng ghi nhớ, mến yêu. Tất nhiên, kinh qua những luyện tập, chiêm-nghiệm, học hỏi lâu dài từ hồi trẻ về ngôn tập truyền xướng-họa văn-chương trong các cuộc tỷ-thí ca hát giữa trăng sông, gió nước, hoặc giữa đồng ruộng trời cao, nam nữ đôi bên, xúc cảnh sinh tình, bất-giác họ cũng đã sửa đổi, kết hợp ít nhiều câu thơ lấy trong cái « vốn hát » của mình mà làm cho thuận tình hợp cảnh để hát đánh thép hoặc say sưa hơn ; và thảng hoặc cũng có ít kẻ nòi tình tài hoa « bẻ » được, hoặc phóng-tác một đôi bài, thì đấy chỉ là một số ít mà thôi. (...)

« Vậy nên văn học truyền khẩu trong dân gian mà nhiều người đã gọi là văn-chương bình-dân, và thường dùng để chỉ tục-ngữ, ca-dao, chung qui chẳng qua là một nền văn học thích-hợp với quần-chúng chất phác và hồn-hậu. Những chữ bình-dân hoặc chữ dân gian cần phải được hiểu là nhu-cầu tâm-lý bình-dân, biểu thị tâm-lý dân gian mà thôi ».

Rất đúng. Bình-dân có người rất thông-minh, tài hoa, và khi uất ức, đau xót có thể phát ra được những câu như :

Tầm đâu tầm chẳng ăn dâu,
Tầm đòi ăn ruộng ăn trâu ăn bò.

hoặc :

Vì gì một lá trâu cay,
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không.

Còn những bài từ sáu bảy câu trở lên, có mở, có kết, có mạch lạc, lời chải chuốt thì không phải là các anh thợ gặt, các chị lái đò vô học có thể làm được ; nếu có làm được thì lời cũng vụng về, phải có một thư-sinh nào đó trong cái « nòi tình » điềm xuyết cho thì mới hay, mới đáng cho ta thưởng thức. Cái thuật làm thơ, có khiêu mà đủ đâu, phải tốn nhiều công học tập nữa chứ. Tôi hoàn-toàn đồng ý với tác-giả ở điềm đó.

Tuy vậy, tôi thấy ông vẫn hình như hơi thiên về ca-dao. Phê-bình Gia huấn ca của Nguyễn-Trãi, ông chê rằng :

« ...lắm khi đưa ta đến một khung đời thấp-thỏi, cùng những bần phận vụn vặt, những lý-tưởng hẹp hòi, nhỏ nhen, bần chạt của thời mực tàu giấy bản, của thời lều chõng bút nghiên danh lợi ngày xưa ». mà xét giá-trị luân-lý ca-dao, thì tôi không thấy ông chê chỗ nào cả. Trong ca-dao thiếu gì những bài khuyên :

Trai thì đọc sách ngâm thơ,

.....

đề mong một ngày kia :

Võng anh đi trước, võng nàng đi sau.

Mà hẹp hòi thì gì bằng câu :

Anh em như thề tay chân (1),
Vợ chồng như áo đòi thay nên lia.

(Trang 208)

(1) Đã in lộn : như thề chân tay thì mới văn với đòi thay.

Tôi không chê phần luân-lý đó trong ca-dao, mà cũng không chê phần luân-lý « hẹp hòi » trong *Gia-huấn-ca* (vì trải bốn, năm thế-kỷ, tất nhiên quan-niệm về luân-lý của chúng ta phải có chỗ khác cỡ nhân), nhưng nếu muốn chê thì phải chê cả hai như vậy mới công-bằng.

Tôi hiểu rằng tác-giả đứng trên quan-điểm nhân-chúng và xã-hội mà xét ca-dao, để chứng thực rằng ca-dao là cả một gia-tài văn-hóa thôn dã ; nhưng điều đó có cần-thiết trong một cuốn khảo về văn-học không ? Nếu nó cần thiết thì ta cũng phải đứng trên quan-điểm nhân-chúng và xã-hội mà xét phần văn-học thành văn vì phần này cũng là cả một gia-tài văn-hóa thành-thị và thôn-dã nữa. Mà đã đứng trên quan-điểm nhân-chúng và xã-hội còn chê phần luân-lý trong *Gia-huấn-ca* làm chi ?

Cái lối viết lối *Gia-huấn-ca* hồi xưa như vậy. Bài « Trị gia cách-ngôn » của Chu-Bá-Lư cũng không có gì cao xa cả.

Một điểm nữa tôi không đồng ý với ông là ông đã chứng-minh những điều mà theo tôi chẳng cần phải chứng-minh, chẳng hạn rằng ca-dao biết dùng điển-tích, và các phép tu-từ như lộng-ngữ, ám-tí, thậm-xưng, phản-ngữ v. v... vì vậy ông đã phải lựa những bài hoặc câu rất tầm-thường :

Người nào là vợ anh Vân-Tiên ?
Nói cho tôi biết tôi chào liền chị dâu.
Còn người nào là người nghĩa tôi
dâu ?
Nói cho tôi biết tôi gởi câu ân tình.
hoặc :

Đội ân tình nghĩa muôn ngàn,
Có lòng thương kẻ hồng-nhan lỗ-làng.

Em xin hỏi tạm anh chàng,
Năm nay bao tuổi song đường còn
không ?

Anh em được mấy người cùng ?
Lúa đôi duyên kết tơ-hồng cùng ai ?

Tôi tưởng về ca-dao ta chỉ cần lựa ít bài thật hay, hoặc có những ý rất tài tình sâu sắc, như bài *Thăng Bần có cái quạt mo*, bài *Buồn trông* (trang 281), bài :

Đồn rằng quan tướng có danh,
Cỡi ngựa một mình chẳng phải vịn ai

.....
(Trang 170)

hoặc những bài chứa một ý lạ lùng không ai nghĩ ra được như bài :

Ngồi buồn đốt một đồng rơm
Khói lên nghi ngút chẳng thơm chút nào !
Khói lên thẩu đến Thiên-tào,
Ngọc-Hoàng phán hỏi : — Đứa nào
đốt rơm ?

(Tôi nhớ Phan-Khôi đã phê-bình bài này một cách rất lý thú trong báo *Tao-Đàn* khoảng 1939).

Ta cũng nên trích những câu rất tình tứ :
Thuyền ai lơ lững bên sông (1),
Cho quá giang hộ chút lòng nhớ quê.
(trang 188)

rất chua xót :

Duyên sao các có hội duyên ?
Cầm gương : gương tối ; cầm vàng :
vàng phai.
(trang 235)

Đêm qua mới thực là đêm,
Ruột xót như muối, dạ mềm như dưa.
(trang 165)

(1) Câu này xuất hiện trước hay sau câu đầu trong bài *Tự thán* của Nguyễn-Trãi ?

(Nguyễn-Bính đã phỏng hai câu đó, mà dùng nhiều hơn, có phần khéo hơn viết lại :

*Đêm qua mới thực là đêm,
Ai đem trăng rải lên trên vườn chè.*
mà làm nổi bật cả bài thơ của ông ta).
hoặc những câu :

*Cầm vàng mà lội qua sông,
Vàng trôi không tiếc, tiếc công cầm vàng.*

Giá - trị nghệ - thuật ca - dao ở đó : lời mộc mạc mà ý tân kỳ, tình thấm thiết mà lòng đôn hậu, giọng điệu thuần túy Việt-Nam. Còn như những phép tu từ, những phép tỉ, phú, húng đầu phải là những đặc sắc của ca-dao; văn-học thành văn cũng dùng

Giá-trị về phong-tục, luân-lý cũng chỉ nên xét qua loa, như vậy mới là truyền được cái đẹp, cái đẹp thuần túy, mà tránh được sự trích dẫn những bài kém nghệ-thuật.

Nhưng có lẽ chúng tôi đã quá khe-khắt. Sách viết cho giáo-sư và học-sinh thì phần dẫn dắt phép tu từ đó không phải là vô ích ; nó giúp học-sinh hiểu được kỹ-thuật làm văn, thơ.

(Còn một kỳ)

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

★ Trừng phạt không chỉ là một quyền, mà còn là một bổn-phận nhiều khi làm cho người ta phải khổ tâm, song người ta vẫn không có quyền trốn tránh. Phải làm sao để cho người bị trừng phạt thấy rằng không phải kẻ bề trên, mà chính luật-lệ đã trừng-trị họ khi họ làm sai luật-lệ ; kẻ bề trên chỉ là đại-diện của luật-lệ.

★ Dưới đây là mấy lời khuyên của tướng Maud'huy :

— Không bao giờ trách phạt trong lúc nóng giận ; thường nên để lui tới ngày hôm sau hãy quyết-định trách phạt.

— Nghe kẻ phạm lỗi, thành thật cùng với họ tìm ra những trường-hợp, hoàn-cảnh có thể giảm lỗi cho họ.

— Khi chắc chắn kẻ phạm lỗi là kẻ thật có ác-ý, phải thẳng tay tới cùng, cho tới khi họ đòi tính hay bỏ đi.

— Cố gắng không để cho những phần tử xấu kết-tụ với nhau, vì kẻ tốt cũng như kẻ xấu, khi kết tụ được với nhau, đều có thể gây thành sức mạnh.

— Không bao giờ nghi-ngờ kẻ dưới một cách vô lý, đó là một cách sỉ-nhục họ. Thẳng hoặc khi ta thấy họ khi trá, ta có quyền trừng phạt họ, trừng phạt nặng-nề nữa, vì ta đã tỏ ra tin cậy họ.

LẠC MAI - HOA và MAI - HOA - LẠC

Việt-Điền THÁI-VĂN-KIỀM

SAU khi đăng bài « Tìm dấu cây Bạch-Mai » trong Bách-Khoa số 78 ngày 1-4-1960, tôi có nhận được một biên khảo khá dài về « Hình tượng cốt cách « loại mai » của thi-nhân họa-sĩ của Ông Quốc-Nghi, Trương-Cam-Khai ở Chợ-Quán, Saigon.

Tôi rất cảm ơn ông Quốc-Nghi đã chịu khó đọc rất kỹ bài của tôi cũng như bài của Đông-hồ tiên-sinh trong Bách-Khoa số 76 (1-3-1960) và đã nêu lên mấy điểm chính cần được thảo-luận thêm như sau :

1) Sau khi đã phân loại các thứ mai trong Nam, ngoài Bắc, bên Trung-quốc, tôi có trích một số thi-ca của các thi-nhân Nam, Bắc, Trung-Hoa về hoa mai, mà không có nói rõ thơ này nói về thứ mai trắng, thơ kia nói về thứ mai vàng, thơ nọ nói về thứ mai mù-u v. v... là vì tôi quan-niệm rằng sau khi đã phân loại và chỉ rõ các địa điểm của những giống mai, thì không cần phải làm cái việc đối chiếu

thơ nào với mai này làm chi nữa, vì tôi tin tưởng hoàn toàn nơi kiến-thức và trí phán đoán của độc-giả.

2) Ông Quốc-nghi có rủ mấy ông bạn về đồn Cây Mai xem cây « Bạch Mai » và chê thứ mai này « tuy tuổi có già mà thân cây trần-trần vẫn thấy nhiều chất thịt nặng nề. Từ thân cây cho đến cành lớn, nhánh nhỏ, lá cây, kết cấu một cách tầm thường mà tục, tưởng như hóa công cũng túng quẫn trong việc giàn giá bỏ cục loại mai này. »

Tôi rất tiếc rằng ông Quốc-Nghi đi xem mai nhằm lúc mai không có hoa, chẳng thấy hình dáng của cành hoa mai trắng như thế nào, và thơm đến bậc nào. Hơn nữa, cây Bạch Mai ở đồn Cây Mai là một lão mai đã từng sống một vài thế kỷ (có lẽ nhiều hơn, vì từ đời xưa nơi đây đã có ngôi chùa Chân-Lạp, rồi sau người Việt di dân vào mới lập chùa Mai-Khâu-Tự hay là Mai-Sơn-Tự) và cây lão

mai này đã chịu đựng nhiều phong sương bom đạn, nhất là từ khi nơi này trở thành một vị-trí quân sự trọng yếu.

Chúng tôi thiết-tưởng chỉ nên chiêm-ngưỡng cây mai khi nó trở hoa mà thôi, thì mới thưởng-thức được cái cảnh :

*Tuyết đọng nhành tiên in sắc trắng,
Sương sa bóng nguyệt ánh màu ngân.*
(Sương-Nguyệt-Anh)

*Cội ẩm bóng im lòa nét bạc,
Nhành sương lá tuyết ánh màu ngân.*
(Vô-Sâm)

*Viên mai biếu bạch, cúc sưu hoàng,
Phồn thép trần-sinh thảo mộng mang.*
Trịnh-Hoài-Đức (1765-1825)

Còn như bình nhật, thì cây nào cũng như cây nào : cây mai mà không trở hoa thì xem nó cũng chẳng hơn gì cây chè, cây ổi, hay là « cây vối, cây thị », đúng như sự nhận xét khắt-khe và chua-chát của ông Quốc-Nghi đối với cây lão-mai của Thiệu-tá Phạm-văn-Sơn.

3) Về hai câu thơ :

*Tiên-dao vui thú sơn-hà,
Mai là cảnh cũ, hạc là bạn quen*
mà người ta đã gán cho Cụ Nguyễn-Du (?), sở-dĩ tôi không dùng những chữ yên hà, bạn cũ, người quen, là vì tôi tán-đồng quan-điểm của nhà văn Mặc-Thu, ghi nơi chú-thích của bài « Bộ chén trà năm Giáp-Tý (1804) » của Vương-Hồng-Sển, đang trong Bách-Khoa số 73 ra ngày 15-1-1960.

4) Còn về việc xếp hạng các thứ hoa, thì đại-khái xưa nay người ta thường dẫn ra các công-thức đã có sẵn như :

— Lan vì vương giả hương (Lời Đức Khổng-Tử trong Cầm-thảo)

— Cúc : hoa chi ẩn dật dã

— Mầu-đơn : hoa chi phú quý dã

— Liên : hoa chi quân-tử dã

(Xem bài « Ái-liên-thuyết » của Chu-Thuần-Hy, người đời Tống, chép vào sách Cổ-văn quyển 8 trang 16).

Tuy nhiên, việc xếp hạng ấy còn tùy theo sở thích của từng người và của từng thời-đại, nhất là về phạm-vi màu sắc và mùi-vị, thiết tưởng không nên bàn cãi đông dài, là vì « De gustibus et coloribus non disputandum » như một cổ-ngữ la-tinh đã nói.

Vả lại, chuyện bên Tàu mà đem áp-dụng hoàn toàn qua Việt-Nam thì cũng nên suy ngẫm câu châm-ngôn rất có ý-nghĩa của Pascal là : « Vérité en deca des Pyrénées, erreur au-delà » (Trúng bên này núi Pyrénées mà trật bên kia !)

* *

5) Trên kia là những điểm vụn vặt không đáng kể. Đáng kể và đáng được thảo luận chẳng là 2 câu thơ sau đây của Lý-Bạch :

*Hoàng-hạc-lâu trung xuy ngọc-địch,
Giang-thành ngũ nguyệt lạc mai-hoa.*

mà tôi đã dịch là :

*Sáo ngọc thổi trong lầu Hoàng-hạc,
Tháng năm mai rụng chốn Giang-thành.*

Hai câu thơ của Lý-Bạch trích trong bài « Dữ sử-lang-trung ẩm thính Hoàng-hạc-lâu »

*Nhất vi thiên khách khứ Trường-Sa,
Tây vọng Trường-An bất kiến gia.
Hoàng-hạc lâu-trung xuy ngọc-địch,
Giang-thành ngũ-nguyệt lạc mai-hoa.*

Ông Quốc-Nghi cho rằng tôi đã « dịch sai » câu sau vì, theo ông thì lạc-mai-hoa đây là một khúc nhạc do người Khương phá vào ống địch, chứ không phải là hoa mai rụng vào thán năm.

Ông Quốc-Nghi hiểu một cách mà chúng tôi lại hiểu một cách khác.

Sở dĩ chúng tôi không dịch như ông là vì chúng tôi từng dư biết là có khúc nhạc ấy, nhưng chúng tôi đã dịch là hoa mai rụng là vì chúng tôi căn cứ trên các điểm sau đây :

1) — Ông bạn Quốc-Nghi nói rằng có khúc nhạc lạc-mai hay là lạc-mai-hoa, nhưng tra cứu trong Từ-nguyên chỉ có khúc nhạc « mai-hoa-lạc », chứ không thấy có khúc nhạc « lạc-mai-hoa ». Khúc mai-hoa-lạc này là khúc nhạc do đời Hán đặt ra để thổi ống địch. Đời Đường chế khúc Đại-giác cũng có những khúc Đại-thuyền-vu, Tiểu-thuyền-vu, đại-mai-hoa, tiểu-mai-hoa.

2) — Hai câu thơ của Lý-Bạch là song đối :

— Hoàng-hạc đối âm với Giang-thành
— Xuy là thổi (động từ) đối với lạc là rụng (cũng là động từ)

— Ngọc-địch (danh từ kép) đối với mai-hoa (cũng là danh từ kép).

Như vậy, hai câu này không phải là câu dưới tiếp liền với câu trên (enjambement) như trong thơ Tây-phương hoặc thơ mới, mà lại là song đối (parallélisme).

Trong những bài thất ngôn tứ tuyệt, Lý-bạch cũng thường hay dùng song đối trong những câu thơ 3 và 4, như =

*Địa chuyển Cẩm-giang thành Vĩ-thủy,
Thiên hồi Ngọc-lũy tác Trường-An.*

(Thuận Hoàng tây tuần Nam-kinh kỳ nhất)

dịch là :

*Đất chuyển Cẩm-giang thành Vĩ-thủy
Trời xoay Ngọc-lũy hóa Trường-An*

(Đỗ-Bàng-Đoàn và Bùi-khánh-Đân dịch)

3) — Nếu như câu dưới mà tiếp nối câu trên, chứ không phải song đối, thì lầu Hoàng-hạc và Giang-thành phải ở liền một nơi với nhau mới được. Đằng này Hoàng-hạc-lâu ở tây-nam huyện Vũ-xương, tỉnh Hồ-Bắc; còn Giang-thành tức Giang-hoài thuộc về tỉnh Giang tô, xa cách nhau hàng nghìn dặm kia mà ! Làm cách nào cho tiếng sáo ở Hoàng-hạc-lâu mà nghe tận Giang-hoài được.

4) — Sở dĩ chúng tôi quả quyết Giang-thành và Giang-hoài là một — và đây cũng là then chốt của vấn đề — là vì có điển tích sau đây trích trong sách Quảng sự loại :

Theo *Quảng-sự-loại* về mục chữ Mai có câu :

Giang-Phong biểu-tín ; dưới có chú-thích : Phong-tục thông nghĩa (tên sách) nói ngũ nguyệt hữu lạc mai phong, Giang-hoài dĩ vi tín phong : tháng 5 có gió rụng mai, ở miền Giang-hoài cho là tín-phong (gió báo tin). Như thế là cho đến tháng 5, hoa mai vẫn còn nở, chứ không riêng gì về tháng Giêng ngày Tết, như ông Quốc Nghi đã nói.

Khi Lý-Bạch ngồi uống rượu cùng quan sử-lang-trung trên lầu Hoàng-hạc mà

nghe tiếng địch, đã nghĩ đến xứ Giang-hoài (cách đó xa lắm) là nơi có ngọn gió làm rụng hoa mai về tháng năm. Cảnh trí này rất có thể là nguồn cảm hứng của văn-nhân, thi-sĩ, họa-sĩ và nhạc-sĩ. Và rất có thể do cảnh trí này mà nhạc-sĩ đã tác thành bản nhạc mai-hoa-lạc. Đó là mối liên-hệ giữa lạc mai-hoa và mai-hoa-lạc vậy.

Vả lại theo Từ-nguyên, chúng ta được biết thêm rằng vùng Giang - tô, An - huy có =

Mai-hoa-lãnh : ở ngoài cửa Quảng-trừ, huyện Giang-đô, tỉnh Giang-tô

Mai-sơn : 1.— ở phía đông-nam huyện Lô-giang, Tỉnh An-huy 30 dặm, đây là núi Mai mà khi Tào-Tháo hành-quân đến đây, trông mai mà hết khát nước,

2.— ở phía tây-nam huyện Thư-Thành, tỉnh An-huy 70 dặm trên có động Mai-tiên, là chỗ Mai-phước đời nhà Hán bỏ quan về ẩn trú.

Mai-lãnh : ở Giang-tây, tức là núi Đại-dũ.

Lạc-mai-phong : Phong tục thông nghĩa nói : tháng năm có gió lạc-mai, ở Giang-hoài cho là tín phong.

Vì ông Quốc-Nghi có nói rằng không có « Quảng - sử - loại » để xem, chúng tôi xin mời ông bạn ghé lại tòa-soạn Văn-hóa Nguyệt-san,, số 266 đường Công-lý, Saigon, để thảo-luận thêm cùng với quý Cụ Cử Tu - trai Nguyễn - Tạc, Cụ Tú Đặng-Chu-Kinh, Cụ Á-Nam Trần - tuần-Khai, văn-hữu Tổ-nguyên Nguyễn-thọ-Dực và Giáo-sư Bửu-Cầm là những bậc

đàn anh về Hán-học đã hoàn toàn tán đồng quan-điểm của chúng tôi, tuy nó không giống với quan-điểm của nhiều dịch-giả khác và chúng tôi cũng không nói là người khác dịch sai bao giờ cả.

*
*
*

Nhân nói đến hoa mai, chúng tôi xin đăng lại sau đây mấy bài thơ thưởng vịnh mai, đã có trích đăng mấy câu ở phần trên bài này, của Sương-nguyệt-Anh, Võ-Sâm và Trịnh-hoài-Đức.

Thưởng Bạch-Mai (1)

*Non linh đất phước trở hoa thần.
Riêng chiếm vườn hồng một cảnh xuân.
Tuyết đượm nhành tiên in sắc trắng
Sương sa bóng nguyệt ánh màu ngân.
Mây lành gió tạnh nưong hơi chánh,
Vóc ngọc mình băng bật khỏi trần.
Sắc nước hương trời nên cảm mến
Non linh đất phước trở hoa thần.*

Bài họa lại của Võ-Sâm, một thi-sĩ miền Nam.

*Đem mình mai-một chốn non thần,
Cái vóc hoa lành cảm bấy xuân.
Cội ẩm bóng im lòa nét bạc,
Nhành sương lá tuyết ánh màu ngân.
Hương thơm đẹp ý người du cảnh,
Ngút sạch vui chân khách lạc trần.
Nỡ chẳng vẽ hình nơi cửa sổ,
Đem mình mai-một chốn non thần.(2)*

1) Theo Nam-Xuân-Thọ. tác-giả quyền « Sương-nguyệt-Anh » (Tân-Việt xuất-bản) thì đây là cây bạch-mai của núi Điện-Bà (Tây-Ninh)

(2) Xem « Sương-Nguyệt-Anh » của Nam Xuân Thọ.

MAI,

Sẽ giới - thiệu với bạn đọc Bách-khoa một số sáng-tác đặc sắc của những nhà văn đã từng được bạn đọc tin yêu và một số cây bút tươi trẻ, độc đáo mà các bạn hằng mong đợi:

VĂN-TRANG — PHAN-VĂN-TẠO — NGUYỄN — NGUYỄN-HOẠT — ĐỖ-TẤN — PHẠM-TẮNG — XUÂN-TÙNG — VÕ-PHIỂN — VŨ-HÂN — HOÀI-HƯƠNG — BỬU-KẾ — THIÊN-GIANG — VŨ-HẠNH — PHAN-DU — ĐOÀN-THÊM — NGUYỄN-HỮU-NGŨ — CÔ-PHƯƠNG-THẢO — TRÚC-LIÊN — HOÀNG-THÁI-LINH — BÙI-KHÁNH-ĐÁN — YÃ-HẠC NGUYỄN-VĂN-TRUNG — NGUYỄN-VĂN-XUÂN — KIM-THU — BÙI-GIÁNG — NGUYỄN-VĂN-XUNG...

MAI,

Tạp chí tổ chức theo một thể tài hoàn toàn mới mẻ.

..

SỐ RA MẮT: 10-7-1960
24 trang, in 2 màu giá 7\$.

Bài « Ký hoài Hoàng-Ngọc-Uẩn Hối-sơn Chân-lạp hành » của Trịnh-Hoài-Đức làm năm 1786, cũng nói đến vườn Bạch-Mai.

*Viên mai biếu bạch, cúc sưu hoàng,
Phồn tháp trầu sinh thảo mộng mang.
Đắc lộ còn bằng nam tử hải.
Ly quần hồng nhận dạ minh sương
Thạch thành túy phồng chung mai tích
Kim-tháp nhàn bình bố hệ phương.
Lạc ngã Võ lâu tăng ý vọng,
Thế mê lãnh thọ thủy thương mang.*

Ông Ngạc-Xuyên Ca-Văn-Thỉnh dịch :
Ký gởi Hoàng-Ngọc-Uẩn tự Hối-sơn đi Chân-lạp :

*Vườn mai phơi bạc, cúc khoe vàng,
Bụi đông vạc trần, (1) giấc mộng hoang.
Rời biển còn bằng nam gặp hội,
Kêu sương hồng-nhận tối chia đàn,
Thạch-thành hồi tích chôn chuông cổ,
Kim-tháp bàn phương buộc vải mảnh.
Tở nhọc hàng trông lâu Võ-lượng (2)
Tít mù mon uối, nước mênh mang !*

Câu chuyện Hoa Mai xin tạm ngưng nơi đây và chúng tôi ước ao sẽ có dịp gặp gỡ ông bạn Quốc-nghi để thảo-luận lại vài điểm về bài: « Hình tượng và cốt cách loại mai của thi-nhân họa-sĩ. »

Gia-Định, 18-6-1960

Việt-Điều THÁI-VĂN-KIỂM

(1) Lấy điển Trần-Phồn và Từ-Trí đời Hậu Hán. Trần nhà nghèo, trong nhà có một bộ vạc (chồng) tre, thường ngắt rút dây treo lên, đợi Từ Trí mới hạ xuống cùng ngồi đàm đạo mà thôi.

(2) Đây ý nói nhớ thương bạn tri-ký lên cao ngóng trông mỗi mắt, Có câu trong bài « Bạch-vân-phủ »: « Dạ-dăng Võ-lượng chi lâu, nguyệt minh thiên lý. Mộ nhập Lương-vương chi uyển, tuyết mãn quần sơn ». Nghĩa: Đêm lên lầu Võ-lượng, trăng sáng nghìn dặm. Chiều vào vườn Lương-Vương, tuyết phủ đầy non.

Khi viết
về giặc Chày Vôi
Ông Nguyễn=Quang hay tôi
ai đã xuyên-tạc lịch-sử ?

★ BỬU-KẾ

TRONG tạp-chí Đại-Học số 6 tháng 11-58 và số 8 tháng 3-59 tôi có viết một bài nhan đề là « Từ việc Hồng-Bảo bị truất-phế đến việc phản nghịch ở kinh-thành ». Gần đây, ông Nguyễn-Quang cũng lại viết trong tạp - chí Phổ-Thông số 31 và 32 ngày 1 và 15 tháng 4-60, cùng một việc, nhưng dưới một đầu-đề khác : Giặc chày vôi của Đoàn-Trung mưu toan truất-phế vua Tự-Đức như thế nào ?

Nhiều người cùng viết chung một đề-tài là việc rất thường, nhưng vì ông Nguyễn-Quang đã kêu đến tên tôi trong khi viết, buộc lòng tôi phải có lời phân-trần lại.

Người thì viết cho tạp-chí Đại-Học, kẻ viết cho tạp-chí Phổ-Thông, nay bỗng dưng tôi xách câu chuyện ấy ra trình bày trên

Tạp-chí Bách-Khoa, độc-giả không khỏi bỡ-ngờ.

Cũng vì thế nên tôi tưởng cần tóm-tắt lại những điểm quan-yếu trong bài của tôi cũng như bài của ông Nguyễn-Quang, để bạn đọc có được một khái-niệm tổng-quát.

Mở đầu tôi đem những bằng cứ lịch-sử để chứng-minh rằng việc phế truất lập thứ là một việc không có gì lạ cả (Đinh-Tiên-Hoàng bỏ con trưởng lập con út là Hạng-Lang ; Lê-Hoàng cho người con thứ ba là Long-Việt làm Thái-tử ; Lạng-sơn-Vương vì người mẹ có tội nên phải truất ngôi thái-tử ; Trịnh-Sâm say-dắm Đặng-thị-Huệ, bỏ con trưởng là Trịnh-Khai để lập con của Thị-Huệ là Trịnh - Cán làm Thế-tử v.v...

Sở dĩ có những việc tranh giành, truất-phế như thế vì không có sẵn một luật-lệ gì *cứng-rắn* : theo thói - thường thì Hoàng-trưởng tử là người kế-vị nhưng vua cha vẫn có quyền truất đi để lập hoàng-tử khác.

Kể đó tôi xét đến việc vua Thiệu-Trị truất ngôi của An-Phong Công-Hồng-Bảo và cho vua Tự-Đức lên nối ngôi. *Tôi dẫn một đoạn sử của Trần - Trọng - Kim chứ không phải tự mình viết đoạn ấy.* Theo Trần-Trọng-Kim thì Hồng-Bảo bị truất-phế vì phóng-dăng không chịu học-hành cho nên không được lập.

Đoạn tôi liền viết về An-Phong-Công với những câu : Công tuy sức học kém vua Tự-Đức nhưng vẫn là người có học, khoẻ mạnh và có lẽ đẹp hơn vua Tự - Đức. Lại còn một điều này nữa : Năm Thiệu-Trị thứ 7 nhân dịp An-Phong Công-sinh Ung Đạo (sau đổi ra họ Đinh, họ mẹ) vua Thiệu-Trị mừng lắm, thân tự bồng cháu qua trình-diện với bà Thuận-thiên Thái-hoàng Thái-Hậu, vợ vua Gia-Long.

Lúc Hồng-Bảo bị vua Thiệu-Trị truất-phế để nhường ngôi lại cho Hồng-Nhậm là vua Tự-Đức, *tôi cũng không tự viết mà mượn một đoạn ở Quốc - triều toát - yếu đại-y* : Lúc gần thăng-hà, vua Thiệu-Trị đòi Cổ mạng lưỡng thần là Trương-Đăng-Quế và các đại-thần là Võ-Văn-Giải, Nguyễn - Tri - Phương, Lâm-Duy-Thiếp, vào chầu và nói rằng : Hồng-Bảo tuy lớn nhưng vì thứ xuất mà lại ngu-độn ít học, chỉ ham vui chơi nổi nghiệp không dặng ; con thứ hai là Phước-Tuy-Công, thông minh ham học giống in như ta, đáng nối ngôi làm vua ; hôm trước đã phê vào di-chiếu để trong long đồng....

Đến đây muốn được công bằng tôi đưa ra những luồng dư-luận không chứng cứ, giải thích việc lên ngôi của vua Tự-Đức.

1.— Trương phu-nhìn vì được tự-do ra vào nơi cung cấm nên đã đánh tráo con mình thay thế con của vua Thiệu-Trị.

2.— Trương-Đăng-Quế đã tư - thông với bà Từ-Dũ mà sinh ra vua Tự-Đức.

Vì khách - quan trong lúc viết tôi mới đưa câu chuyện này vào, mặc dầu tôi biết rằng hết sức vô lý. Cho nên tôi đã dùng những chữ : « Những kẻ có ác-tâm, độc mồm độc miệng phao ra ». Muốn giết chó thì bảo nó là chó dại. Biết bao người đã vin vào câu : « Không có lửa, lấy đâu có khói » để phao vu cho kẻ khác, tha hồ mà ăn hô nói thừa, vì họ cho rằng nói xấu thật nhiều thế nào cũng còn sót lại nhiều ít.

Sau khi mất ngôi báu Hồng-Bảo đã phải hứng bằng cách quan thông với người Tây-Phương định lật đổ vua Tự-Đức. Việc phát giác, An-Phong bị bắt hạ ngục rồi tự ải chết trong ngục.

Về đoạn Hồng-Bảo tìm cách tranh lại ngôi báu tôi đã dùng tài-liệu của Ông Orban đăng trong kỷ yếu Viễn-Đông Bác Cổ, của Giám-Mục Pellerin, của Giám-Mục Retord, của Ông Galy, toàn là những người đã được biết rõ câu chuyện này, và cũng là người mà tôi tin rằng sẵn sàng bênh vực cho Hồng-Bảo.

Chắc Ông Nguyễn-Quang cũng đồng ý với tôi : Lúc ấy ở Huế chia ra hai phe, lẽ tất nhiên phe nọ nói xấu phe kia để giành lẽ phải về phần mình. Người Pháp thì quyết nhiên về phe Ông An-Phong rồi không còn chối cãi gì nữa, vì vua Tự-Đức thù ghét

Pháp, còn An-Phong cầu-viện Pháp. Sau khi bị truất, An-Phong đã cố kiếm cách cầu cứu với Pháp, cầu-cứu với Anh hy vọng đoạt lại ngôi báu.

Ông Galy viết :...Tàu và ghe thuyền bị tịch-thu ; khí giới và các thức cần dùng để tích-trữ khiến người ta không thể nào không nghi-ngờ về ý-định của ông được. Dưới triều Minh-Mạng thì bị xử tội lăng-trì rồi đây, nhưng tôi không hiểu tại sao lính chỉ được lệnh phải coi chừng mà thôi...

Vua (Tự-Đức) lại cho Hồng Bảo được trả thù những kẻ phản-bội đã hèn-hạ tổ-cáo mình. Muốn cho ông anh yên tâm hơn nữa, vua... hứa sẽ đùm-bọc để ông anh được sung-túc. Ngoài ra vua quyết-định nuôi con Hồng Bảo làm con nuôi,... lại ban cho 100 thoi bạc và 1 thoi vàng.

Đối với một kẻ phản-ngịch mà hậu đãi như thế hỏi còn đòi gì nữa ? Cho nên Galy đã viết tiếp : Cử-chỉ khoan-hồng này đã làm vinh-dự cho vua Tự-Đức nhiều lắm.

Trong các tài-liệu tôi vừa nêu ra ở trên, không có một lời nào ca-tụng An-Phong Công cả.

Lúc bấy giờ những kẻ tay sai của Pháp, tay chân của An-Phong Công, những kẻ thù ghét vua Tự Đức, có những chuyện gì xấu xa của nhà vua lẽ tất nhiên sẽ bươi móc ra mà nói, và trong những bức thư gởi về chánh quốc thể nào người Pháp cũng động cập đến những việc bất chánh như việc Trương-Đăng-Quế tư-thông với bà Từ-Dũ chẳng hạn nhưng đảng này, tuyệt nhiên ta không thấy. Như thế đủ rõ, việc vu khống này về sau người ta bịa đặt ra

chứ kẻ đương thời không bao giờ có cái ác-tâm ấy.

Xem việc vua Tự-Đức đối xử với An-Phong, không riêng gì tôi, mà ai cũng phải công nhận là đại lượng. Cho nên tôi trích một đoạn nói về đức độ của Vua Tự Đức mà tác giả là Tổng-Đốc Thân-trọng-Huế, người đã biết rõ vua Tự-Đức.: Và, ngay sử gia Trần-trọng-Kim cũng hạ bút phê bình: Ngài....không phải là một ông vua tàn ác như người ta thường nói. Chỉ vì ngài làm vua về một thời đại khó khăn.

Đâu phải chỉ Thân-trọng-Huế, kẻ bề tôi của vua Tự-Đức, mà Ông Galy là người ngoại-quốc cũng ca tụng vua Tự-Đức như ta vừa đọc ở đoạn trên, còn Giám-mục Pellerin thì đã chỉ-trích Hồng - Bảo : ...Bạn có biết ông ấy (Hồng Bảo) đã nhiều lần tìm cách điều đình với tôi... An-Phong không chịu an phận, cứ luôn luôn kiếm cách để giành ngôi lại với em... Ông quyến rũ những kẻ bất đắc chí, những kẻ tham lam mà ông đưa ra nhiều hứa hẹn. Một hôm ông nhóm những người trong đảng lại bắt uống máu ăn thề.

Bài khá dài, nhưng ta có thể chia thành hai đoạn mặc dầu hai đoạn ấy có tương quan với nhau. Đoạn đầu nói về việc An Phong Công bị truất phế và đoạn sau nói đến việc Đoàn Trưng khởi loạn nhắm mục đích lật đổ vua Tự-Đức, đem con Hồng Bảo lên nối ngôi.

Trên đây, tôi đã nêu lên những điểm chính trong bài của tôi, nay tôi xin tiếp tục trình bày những điều của ông Nguyễn-Quan đã đăng trên Phổ Thông tạp chí :

Mới đọc cái nhan đề của Ông Nguyễn-Quan tôi đã không đồng ý rồi. «Giặc

Chày vôi của Đoàn Trưng mưu toan truất phế vua Tự-Đức như thế nào » ? Truất là bãi đi, đuổi đi, không cho ở chức vị cũ nữa ;

Phế là bỏ đi. Đây có nghĩa dùng võ lực hay dùng uy-quyền chính-trị để bỏ một người nào. Sự thật thì Giặc Chày-vôi cổ tâm sát hại vua Tự-Đức thì có chứ phải truất-phế nhà vua đâu !

Trong số 31 thoát vào Ông Nguyễn-Quang đã giành phần hơn về ông : « Nhưng tôi không khỏi ngạc-nhiên, khi « thấy tác-giả [tức là tôi] nhận định một « cách hơi chủ-quan. . chúng tôi xin mạn « phép trình-bày thô-sơ quan-điểm khách- « quan của chúng tôi. »

Thật là rõ ràng : Ông khách-quan, còn tôi chủ-quan. Viết lịch-sử mà chủ-quan thì thật một điều vô-lý hết sức, xưa nay tôi chưa bao giờ dám làm cái việc đó, nay bỗng dưng lại được Ông Nguyễn-Quang gán cho. Vậy sau khi trình bày xong câu chuyện, tôi xin nhường phần xét đoán lại độc-giả.

« Theo ngoại sử [Ông viết tiếp, và « in bằng thứ chữ đậm] vua Tự-Đức « Hồng-Nhậm không phải con đẻ của vua « Thiệu-Trị. »

Ông Nguyễn-Quang đã dùng đến hai chữ ngoại sử. Vậy ngoại sử là gì ? Theo chỗ chúng tôi biết thì Ngoại-sử nghĩa là thứ sử chép những việc vụn-vặt như quyển Bát-hoàng ngoại sử và Thiên-lộc các ngoại sử, nhưng ngoại sử cũng còn có nghĩa là sách tiểu-thuyết như : Nho lâm ngoại sử, Yên-sơn ngoại sử v.v... Tôi được cái may mắn làm việc ở Thư-viện, hơn mười mấy năm gần gũi sách sử,

nhưng chưa bao giờ được cái may mắn đọc quyển ngoại sử nào chép rằng vua Tự-Đức Hồng-Nhậm không phải con đẻ của vua Thiệu-Trị. Không biết quyển ấy tên nó là gì ? xuất-bản năm nào ? Nếu Ông cho chúng tôi đủ bằng chứng thì tôi cảm ơn lắm. Nhưng tôi tin rằng Ông không có.

Ông Nguyễn - Quang tiếp :... « Việc « truất-phế Hồng-Bảo để tôn Hồng-Nhậm « (Tự-Đức) lên ngôi quả thật là do ý vua « Thiệu-Trị chăng ? Hay là do cuộc âm- « mưu của các đại thần. trong đó, theo « Sử, ông Trương-Đăng-Quế là người « có nhiều uy-thể và quyền hành hơn cả.

« Vì Hồng-Nhậm lên ngôi, lấy hiệu « Tự-Đức, thì Trương-Đăng-Quế được « phong chức lớn lao đầu triều. nắm cả « quyền thế trong tay. Thế nên, người ta « có thể nói ngay thẳng rằng : việc chọn « Hồng-Nhậm nối ngôi không phải tôn « ý của vua Thiệu-Trị. Vì nhà vua đâu « lại làm một việc trái hẳn luật-lệ Hoàng « triều xưa nay ?

« Vì những lý lẽ để tôn Hồng-Nhậm « xét ra không được sáng tỏ, thì người ta « có thể hỏi rằng trong lúc vua Thiệu-Trị « chọn Hồng-Nhậm nối ngôi, có nhân « chứng nào đã biết trước không ?

« Thêm vào đó, lúc bấy giờ trong « Triều, phe của Trương-Đăng-Quế « mạnh hơn, nên người ta có thể tin chắc « việc tráo đổi di chiếu để loại Hồng-Bảo, « là một việc có thể thực hiện được.

« Ngoại sử nói thêm rằng Hồng-Nhậm « (Tự-Đức) là con của Trương-Đăng-Quế « thông dâm bà Từ-Dũ... (chữ đậm),

« một nàng phi được vua Thiệu-Trị yêu
« mến nhất.

« Cừ xem Hồng-Nhậm lên ngôi, Trương-
« Đãng-Quế được trọng dụng nhất và
« được phong tước cao nhất, mặc dầu chỉ có
« công dẹp được Lê-Văn-Khôi, so với
« Hoàng-Kế-Viêm, Nguyễn-Tri-Phương,
« Phan-Thanh-Giản vẫn còn chưa thấm
« vào đâu.»

Sau khi trích đoạn trên, tôi xin lần lược
trả lời ông Nguyễn-Quang và cũng nhân
tiện minh oan cho một người, đã một thời,
được tôn là mẫu nghi thiên hạ. Người ấy
than ôi ! ngày nay, ông Nguyễn-Quang của
báo Phổ-Thông buộc vào một cái tội không
thể tha thứ được là tội thông dâm.

Ông Nguyễn-Quang nêu lên một câu
hỏi : Việc truất phế Hồng-Bảo để tôn
Hồng-Nhậm lên ngôi quả thật ý của Vua-
Thiệu-Trị hay là do cuộc âm mưu của các
đại thần ? Thế rồi ông trả lời rằng việc
truất phế ấy không phải ý của vua Thiệu-
Trị vì lẽ, sau khi vua Tự-Đức lên ngôi
Trương-Đãng-Quế được phong tước cao,
và hỏi khi vua Thiệu-Trị chọn Hồng-Nhậm
nổi ngôi, có nhân chứng nào không ?

Ông Nguyễn-Quang, trong lúc viết,
cũng đã nhìn nhận rằng bà Từ-Dũ là
một nàng phi được vua yêu mến nhất.
Tôi không phải nhắc lại ở đây nữa, trong
lịch sử ta cũng đã từng xảy ra việc vua
cha vì yêu một bà phi nào đó, mà truất
con trưởng để con bà phi ấy nối ngôi.
Trong bài của tôi đã dẫn chứng, chắc ông
Nguyễn-Quang cũng đã đọc. Thì vua
Thiệu-Trị vì mến yêu bà Từ-Dũ mà cho
vua Tự-Đức lên nối ngôi cũng chẳng có

gì lạ cả. Nhưng đây chỉ mới là một yếu
tố. Việc phế lập này còn nhiều yếu tố khác
nữa.

Ông hỏi việc chọn Hồng-Nhậm có nhân
chứng nào không ? Tôi xin thưa rằng :
Có. Lúc vua lâm bệnh đã cho gọi Trương-
Đãng-Quế, Võ-Văn-Giải, Nguyễn-Tri-
Phương, Lâm-Duy-Thiếp vào chầu và cho
biết sẽ truất Hồng-Bảo, vì ngu độn, ít
học, ham vui chơi v.v .. Vua cho biết
mình đã để di chiếu cho Tự-Đức nối
ngôi. Lời trời trần của vua có phải riêng
gì đối với Trương-Đãng-Quế mà hồng
tự-tiện thay đổi. Các vị đại thần kia như
Võ-Văn-Giải, Nguyễn-Tri-Phương, Lâm-
Duy-Thiếp không lẽ cũng lại vào một
phe với họ Trương để tôn một người
không phải là con vua Thiệu-Trị ? (Vì
việc thông dâm này, Ông Nguyễn-Quang
sanh thời bấy giờ mà còn biết thay,
huống các vị đồng liêu ấy !)

Ông bảo rằng : Trương - Đãng - Quế
được trọng dụng nhất và được phong
tước cao nhất, mặc dầu chỉ có công dẹp
được Lê-Văn-Khôi, so với Hoàng-Kế-
Viêm, Nguyễn-Tri-Phương, Phan-Thanh-
Giản còn chưa thấm vào đâu. » Chỉ một
câu này đủ tố Ông không chịu đọc lại
lịch-sử nước nhà trước khi viết. Trương-
Đãng-Quế đánh giặc Lê-Văn-Khôi bao
giờ ? Tôi chỉ thấy rằng sau khi Lê-Văn-
Khôi nổi loạn, triều đình phái Tổng-
Phúc-Lương, Nguyễn-Xuân với đầy đủ
quyền bính trong tay để thảo trừ nguy
đang. Và Thái-Công-Triều giữ chức
Trung quân của Lê-Văn-Khôi về với triều
đình trở lại dẹp loạn, chứ không hề thấy
nói đến việc Trương-Đãng-Quế đem quân
đi tiêu trừ kẻ phản nghịch. Còn Ông

bảo Trương-Đăng-Quế thua xa các ông kia, không rõ thua về phương-diện nào? Đâu phải nhờ vua Tự-Đức lên ngôi Trương-Đăng-Quế mới được quyền cao chức trọng? Ngay từ năm Thiệu-Trị nguyên niên (1811) Trương-Đăng-Quế đã giữ chức Văn-minh điện-dại học-sĩ, gia hàm Thái-bảo và khi vua sắp thăng hà Ngài gởi gắm con lại cho vị Đại-thần họ Trương ấy (Cổ mạng lương thần). Về vấn-đề hơn kém, Ông Nguyễn-Quang bình phẩm quá vội vã, muốn cho ai hơn thì hơn, ai kém thì kém. Như thế mà Ông lại bảo chúng tôi là thiên vị còn Ông thì khách-quan, hỏi còn ai tin được!

Vua Tự-Đức có phong thêm chức tước cho Trương-Đăng-Quế ta cũng không nên lấy thế làm lạ. Lúc bấy giờ Trương đã là Cổ mạng lương thần rồi hưởng hồ trong triều như có hai phe, một phe ủng hộ Hồng-Bảo, một phe ủng hộ vua Tự-Đức. Khi lên ngôi lẽ tất nhiên không thể nào quên ơn người đã ủng hộ mình, dầu Ông hay tôi ở vào địa vị ấy cũng phải xử sự như vậy. Tôi tưởng nên nhắc lại ở đây việc Tô-Hiến-Thành « Khi vua Anh-Tông mất, Thái-tử Long-Cán chưa đầy 3 tuổi, bà Chiêu-Linh Thái hậu muốn lập người con trưởng là con mình tức Long Xưởng lên làm vua, đút lót tiền bạc nhưng Ông nhất thiết không chịu, cứ theo di chiếu mà lập Long-Cán là con thứ. Nếu ta xét đoán một

cách hồ đồ và có ác ý thì ta cũng có thể bảo rằng ở đây hẳn cũng có một vụ thông dâm mà Long-Cán là con Tô-Hiến-Thành không còn chối cãi gì nữa.

Về những đoạn Ông Nguyễn-Quan chỉ trích vua Tự-Đức làm hư hỏng việc nước, và ngay cả vua Minh-Mạng (?) cũng vậy không nằm trong phạm vi bài này nên tôi không đề cập đến, làm gì, mặc dầu có những điểm tôi không đồng ý.

Thế rồi qua sổ Phổ-thông 32, Ông Nguyễn-Quang cũng nhắc lại vụ thông dâm một lần nữa và viết: « Trương-Đăng-Quế thông dâm với « bà Từ-Dũ là đúng được phần nào.

« Cũng như đời nhà Trần, Trần-Cảnh lấy bà Lý-Chiêu-Hoàng đó vậy. »

Đọc đến đây tôi buồn quá. Buồn vì một việc hết sức thông thường trong lịch sử mà Ông cũng viết liều mạng. Sao ông không đọc sử cho cẩn thận đã rồi hãy viết? Ai lại chẳng biết Trần-Thủ-Độ muốn cướp ngôi nhà Lý, nên cho cháu là Trần-Cảnh vào làm chức Chính Thủ, và sau đó thì Chiêu-Hoàng lấy Trần-Cảnh và truyền ngôi cho chồng. Trần-Cảnh lúc bấy giờ mới có 8 tuổi. Thế mà Ông cũng cho ngay là một vụ thông dâm thì thật không còn sử sách nào nữa!

(còn một kỳ nữa)
BỮU-KẾ

✱ Chỉ một cái nhìn, một câu nói, một nụ cười hay một nét nhăn là đủ để cho một người cầm đầu yêu mến diễn-tả được hết sự hoan-hỉ hay sự chê bai. Nếu người cầm đầu trước sau giữ được xứng đáng như vậy thì người ấy có trách phạt để làm gương, chắc chắn người ấy sẽ đạt được mục-dích.

Thành-tích

năm mươi năm khoa-học

(1900-1950)

(Xin xem B K. từ số 81)

NHỮNG KHOA SINH-VẬT HỌC

(*Les Sciences Biologiques*)

CHÚNG ta có thể tạm chia khoa sinh-vật học ra làm hai ngành.

1) *Ngành Sinh-vật-học quy-tắc* (biologie normative) chuyên khảo về những guồng máy và những cơ năng của sự sống (fonctions vitales).

2) *Ngành sinh-vật học miêu-tả* (biologie descriptive) chú trọng đến sự tả rõ ràng các vật sống trên cõi đất và có thể coi như là một ngành khoa-học thừa hưởng của ngành vạn-vật học đời trước (thế-kỷ thứ 19)

..

SINH-VẬT-HỌC QUY TẮC :

— **Động-tác của sức sống**
(*Le Fonctionnement vital*)

Các cơ-chế của sự sống. (*Les mécanismes de la vie*)

Vào khoảng đầu thế-kỷ thứ 20, khoa cơ-thể học miêu-tả (anatomie descriptive) chẳng còn cho ta biết thêm cái gì mới lạ nữa.

Chỉ còn có hai bộ phận trong người hầy còn bí-mật, ấy là thần-kinh-hệ (Système nerveux) và óc (*encéphale*, có thể dịch là não, đại não, tủy não hay não tủy).

Kể từ năm 1899 đến tận bây giờ (1960) người ta vẫn chăm chú nghiên-cứu về bộ óc của loài người và của những động vật lớn. Ta phải nói đầu tiên đến công cuộc của ông Elliot Smith. Ông Elliot đã tốn nhiều công-phu để tìm tòi và tả rõ ràng lá hậu-đầu (lobe occipital) của bộ óc, (chữ occipital ở chữ la-tinh occiput mà ra, chữ occiput do chữ *ob* nghĩa là trái lại, đối lại, và chữ *caput* nghĩa là đầu, ông Elliot đã dựa vào những kết-quả ông thu được trong khi ông khảo-sát về bộ óc của loài người và của các loài khỉ. Ông đã nêu ra vấn - đề khảo - cứu phần *Neopallium* (Tân não bì chất) là một phần vỏ óc rất quan hệ vì là « trụ sở » của nhiều giác-quan và của tinh thần (psychisme) con người. Cùng với ông

Elliot Smith, còn có ông R. Anthony (1910-1925) cũng tìm tòi về bộ phận *opercule* của óc (não cái, hay biền cái). Trong 5 năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất, (1914-1918) ngành giải-phẫu đã tiến rất nhiều và cùng một lúc, người ta đã khám phá thêm được nhiều điều mới lạ trong khi giải-phẫu những chiến sĩ bị thương ở đầu hay trong óc, những nhà bác học có danh tiếng như *Wernicke*, *Marie* và *Von Monakow* đã tìm ra được nhiều địa-điểm trong óc có liên quan mật thiết với tâm-lý con người. Về sau, khoa tâm-lý giải phẫu (psycho-chirurgie) đã chứng thực những điểm ấy và dần dà người ta đã có thể vẽ phác qua được « địa dư » của khối óc con người.

Với sự diễn tiến của sinh-vật học, ngành cơ-thể học đã để lại chỗ cho ngành sinh-lý học (physiologie). Việc ấy rất dễ hiểu, vì từ xưa, khoa khảo-cứu về cơ-thể (anatomic) chỉ hoàn toàn dựa vào sự tìm tòi thu nhặt được trên xác chết mà thôi. Muốn hiểu bí mật của sự sống, các nhà bác-học không còn thể nhờ cậy vào con người đã chết, mà trái lại phải cố tìm hiểu sức sống trong những con người đang sống hay những

động-vật đang sống. Cũng vì thế, mà từ đó trở đi, những thí-nghiệm về sinh-lý học càng ngày càng nhiều, và những giống vật bị huy-sinh như thỏ, chó, chuột bạch, khỉ v. v.. thường bị đem ra làm vật thí-nghiệm để đẩy mạnh nền sinh-lý học đi đến chỗ giải thích được sự sống. Người ta cũng không quên khảo sát các loài cây cối, hoa-thảo, vì người ta hiểu rằng loài thảo mộc cũng là những vật sống. Ông Prianichnikof học về sự dinh dưỡng của các rễ cây, và nhiều nhà sinh-lý học để ý vào công việc nghiên-cứu cơ-năng của lục-diệp tố mà ông Richard Willstätter đã tìm ra từ năm 1906 (xin xem đoạn trên đã có nói qua).

Năm 1930, ông Wurmser đã phân tách được chất a-xít các-bô-ních ra khỏi được lục-diệp tố (chlorophylle) và năm 1936, ông Stoll nghiệm thấy rằng trong quá-trình của chất lục-diệp, khinh-khí (hydrogène) đã giữ một địa-vị quan-trọng. Từ năm 1930 trở đi, các nhà bác-học như Van Niel, Roelofsen, Muller, Gaffron đã nghiên-cứu các loại vi sinh thể (micro-organismes) và đã kiểm ra được các loại vi-trùng đỏ thắm và xanh (bactéries pourpres

Dĩ độc trị độc

Y-học thái-tây cổ-diễn có châm-ngôn : « *Contraria contrariis curantur* », dùng cái trái nghịch để chữa cái trái nghịch ; châm-ngôn trên hợp với châm-ngôn của y-học đông-phương : « *Dĩ độc chử độc* », lấy thuốc độc để trị thứ thuốc độc khác, và đối lập với châm-ngôn : « *Similia similibus curantur* », dùng cái tương-tự để chữa cái tương-tự.

et vertes) nhờ phương pháp quang-hợp thành (photosynthèse) với thể-thức yếm-khí (anaérobie) (1).

Nói đến yếm-khí, ta lại nghĩ ngay đến bộ máy hô-hấp. Trong địa-hạt này, các nhà khảo-cứu đã tiến rất nhiều và đã hiểu rõ thực-trạng của sự hô-hấp cùng với sự quan trọng của dưỡng-khí, của chất đường « glucose » trong thân thể. Người ta cũng biết rõ hơn một phần nào, sự lưu-hành của khinh-khí (Hydrogène) trong bộ máy hô-hấp, theo 2 chu-kỳ đã được khám phá ra là chu-kỳ Szent - György và chu-kỳ Krebs (cycle Szent-György et cycle de KREBS).

Về cuối thế-kỷ thứ 19 đã có mở ra nhiều phòng thí-nghiệm để nghiên-cứu sự dinh-dưỡng của cơ-thể (nutrition). Những sự trao đổi về tinh-lực (échanges énergétiques) đã được đem ra đo-lường trong những phòng riêng mệnh danh là phòng đo nóng của Atwater và Rosa (Chambres calorimétriques d'Atwater et Rosa) từ năm 1899. Năm 1929, ông Lefevre và Auguet cũng sáng-chế ra một kiểu phòng khác nữa, và ngay từ năm 1906, ông Lefevre đã tìm ra phương-pháp để đo « cơ-sở đại-tạ » của con người. « Cơ-sở đại-tạ » (Métabolisme basal) chỉ cho ta biết số tinh-lực ít nhất mà thân-thể của ta cần phải có để đủ sống, không cần

hoạt-động gì khác nữa. Năm 1915, hai ông Du Bois và Bénédicet lại khảo-cứu vấn-đề này một lần nữa và tìm thấy liên-hệ của « cơ-sở đại-tạ » với sinh-lý của sự làm việc (physiologie du travail). Trong nhóm các nhà bác-học khảo về sinh-lý của sự làm việc, ta phải kể đến công-trình của ông E. Atzler. Như trên đã nói, sự tìm kiếm được sinh-tổ, một phần lớn cũng do công cuộc thí-nghiệm của nhiều nhà sinh-lý học, và ngay từ năm 1901, ông Grijns đã tiên-đoán là bệnh cước-khí (béri-béri) chắc do sự thiếu một vật gì mà thời đó chưa ai tìm thấy được. Về sự đông máu (coagulation sanguine) các nhà sinh-lý học đã khám phá ra các loại máu (O, A, B, AB..) và tính-cách « sung-khắc » của những loại đó (công cuộc của ông Landsteiner năm 1900). Nhờ có sự tìm hiểu về tính-chất của máu mà từ đó người ta mới giảng giải được tại sao trong nhiều trường-hợp sự truyền máu (transfusion sanguine) đã đưa đến nhiều tai-nạn hiểm-nghèo. Người ta đã biết là máu chia ra làm 4 loại A, B, O, và AB. Loại máu A lại còn chia ra làm A₁, A₂ và A₃. Ngoài ra lại còn thêm nhiều yếu-tố khác cũng liên-can đến sự đông máu, như yếu-tố M, và yếu-tố N. Sau cùng, năm 1937, ông Landsteiner và ông Wiener lại khám phá thêm ra yếu-tố Rhésus (facteur Rhésus, viết tắt là Rh) và được biết thêm là từ 20 đến 30 phần trăm chúng ta, thiếu yếu-tố Rh đó và vì thế mới có nhiều truyện « hữu sinh vô dưỡng », xảy, hay dễ non mà trước kia không ai biết nguyên nhân chính là ở đâu và tại sao mà ra? Nhờ có yếu tố Rh mà bên luật-pháp người ta mới có thêm tài-liệu để dự-đoán một cách chắc-chắn hơn, xem một đứa bé thuộc về một giòng máu nào.

(1) Tiểu đây xin giới thiệu cùng độc-giả quyền « Vi-trùng học » của B.S Nguyễn-văn-Ái, — Nhà Xuất-bản Đại-Học. Huế — Quyển thứ nhất, — Những danh từ như vi-sinh thể (microorganismes), vi-trùng (bactéries) và yếm-khí (anaérobies), tôi đều mượn trong tập danh từ Vi-trùng học, ở đoạn cuối sách ấy. Tuy tập danh từ này chỉ có 15 trang, nhưng cũng đã có nhiều y-ngữ rất thông-dụng. N.T.H.

Ngành Nội-phân-tiết-học (endocrinologie) chuyên nghiên-cứu vấn-đề những tuyến nội-tiết (glandes endocrines, hay là glandes internes) sản-xuất những chất oóc - môn (hormones), đã tiến mạnh và giúp các thầy thuốc chữa được nhiều bệnh xưa kia rất khó mà khỏi được. Nhờ có công cuộc của những người như Brown-Sequard, Guder-natsch, Zondeck, Ascheim, Roussy, Mosinger mà những nội-tiết tuyến như : gan, lá lách, tuyến tụy - tạng (pancréas) tuyến tính - dục (glandes génitales) về đàn ông và đàn bà, tuyến ti - muýt (thymus) tuyến ti - rô - ít (thyroïde), v.v... được biết rõ ràng hơn,

tuy rằng đến nay người ta cũng vẫn chưa hoàn-toàn hiểu rõ tác-dụng của tất cả các tuyến nội-tiết đó. Trong những tuyến hầy còn bí mật, ta phải nói đến tuyến i-pô-phi (hypophyse) và tuyến ê-pi-phi (épiphyse). (Trung - Hoa và Nhật dịch Hypophyse là *Thùy - thể*, Thùy nghĩa là hạ xuống — còn Épiphyse thì họ dịch là *Tùng-quả thể*, giống như quả tùng, quả thông hay là *Não-thượng thể*).

(Còn tiếp)

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

Hậu sinh đối với cô nhân

Nhà hiền triết Aristote có nói một câu rất đáng ghi nhớ về tinh thần độc lập của hậu sinh đối với cô nhân : « *Amicus Plato, sed magis amica veritas* », (Platon m'est cher, mais la vérité me l'est encore davantage) Ta thân-thiết với Platon lắm, nhưng ta còn thân-thiết với chân-lý hơn. Nhà danh-sĩ Lương-Khải-Siêu cũng nói một câu, ý nghĩa in hệt : « Ta có tai, ta nghe ; ta có mắt, ta trông ; ta có tâm tư, ta suy nghĩ ; đối với cô nhân, có lúc ta thờ như thầy, có lúc ta kính như bạn, có lúc ta kinh địch như hằn thù. Ta theo công lý, nhất quyết không làm tôi tớ cô-nhân. »

- ✱ Người cầm đầu luôn luôn la-hét và luôn luôn hăm-dọa thường tự làm mất uy tín rất mau (L.M. Courtois).
- ✱ Không có gì hủy hoại lòng tin cậy và chí cố gắng bằng những lời khiển-trách nhắc đi nhắc lại mãi và những lời mỉa mai khiến người ta phải tủi nhục (L.M. Courtois).
- ✱ Lương-y không chỉ ngừa bệnh và trị bệnh bằng thuốc mà thôi. Lương-y thường khi còn dùng những phương-thể tự-nhiên của hoàn-cảnh thuận-lợi, khiến cho bệnh nhân có thể nhờ tinh-thần phấn khởi mà chữa hay chống bệnh.

CƠ GIỚI CHỈ HUY

☆ CÔ-LIÊU

NGÀY nay ở đâu cũng thấy nói đến óc điện-tử mỗi giây đồng hồ làm xong cả trăm ngàn con tính khúc-mắc, đèn máy có thể phiên dịch một quyển sách ra thứ tiếng khác, đèn máy có thể suy nghĩ và quyết-định, đèn máy thay người chỉ-huy cả một cơ-xưởng. Đối với bác-học hay kỹ-thuật-gia những sự việc đó đều có ý-nghĩa nhất-định giới-hạn trong một phạm-vi hoạt - động máy móc nào đó, nhưng đối với nhiều người không phải chuyên-gia thì không khỏi gợi ra những ý-niệm sai lầm về khả-năng của khoa-học.

Trước khi tìm hiểu vấn-đề chúng ta cần tìm hiểu danh-từ cơ-giới chỉ-huy bao hàm những ý-nghĩa gì?

Cơ-giới chỉ-huy là gì?

Danh - từ cơ - giới chỉ - huy chúng tôi tạm dịch chữ cybernétique của

Pháp. Danh-từ cybernétique xưa kia người Hy-Lạp đã dùng để chỉ nghệ-thuật điều - khiển hiệu theo nghĩa rất rộng, dù là điều-khiển một đồ vật như chiếc thuyền, cái máy, hay điều-khiển người như một gia-đình, một quốc-gia. Hai trường hợp sau có nghĩa là quản-trị, cầm quyền.

Ta thử phân-tích công việc điều-khiển một cái thuyền. Người thủy-thủ phải biết mình định đi đến đâu, đường xa bao nhiêu, những trở ngại giữa đường, tức là công việc thu thập tài-liệu. Có những tài-liệu ấy họ dự liệu cách đi, tức là phác-họa một chương-trình hành-động. Sau cùng đến giai-đoạn thi-hành người thủy thủ vận-dụng sức lực bấp thập để chèo thuyền, đưa thuyền đi theo trình-tự đã tính trước.

Lược-đồ : nghiên-cứu, thiết - kế, thực hiện vẫn có giá-trị khi dùng cơ-

khí làm động-lực, vì cơ-khí chỉ thay sức lực của bắp thịt để đẩy thuyền đi. Suy rộng ra, lược-đồ ấy có tính cách phổ biến, có thể đem áp-dụng cho bất cứ một loại công việc nào từ nhỏ nhất đơn giản như may một cái áo, xây một bức tường, đến to tát như điều-khiển một xí - nghiệp kỹ - nghệ, lãnh - đạo một quốc-gia.

Từ thuở có văn-minh đến đầu thế-kỷ thứ 20 cơ-khí chỉ được sử-dụng như một nguồn động-lực để thay thế sức lực của bắp thịt người. Vì thế cơ-khí không thể tự lực điều khiển để chế biến đồ vật từ lúc còn là nhiên liệu đến lúc thành một dụng-cụ, phải cần người tính toán, cất đặt, điều-hành và kiểm-soát. Danh-từ cơ-giới chỉ huy chỉ được dùng một phần ý nghĩa nó bao hàm, và có nghĩa là áp-dụng cơ-khí để giảm nhân - lực mà thôi.

Ngày nay với sự tiến bộ của kỹ-thuật và khoa-học, cao vọng tận dụng khả-năng của máy móc đặt đến cao vọng tận dụng ý nghĩa chữ cybernétique mà chúng tôi tạm dịch là cơ-giới chỉ huy. Người ta muốn để cho máy móc tự điều khiển một loại công việc. Máy biết thu thập tài-liệu (nghiên-cứu), hoạch định chương-trình hành-động (thiết kế), áp - dụng và kiểm - soát chương-trình ấy (thực hiện).

*
* *

Khả-năng và giới hạn của sự cơ-giới chỉ-huy

Sự dự định ấy có thể thực hiện được vì người ta đã biết làm những

máy móc có cảm-giác nhân-tạo, đúng hơn là những máy biết thấu nhận (như máy thấu thanh thấu nhận luồng sóng V.T.Đ.). Thực ra những máy thấu nhận ấy mới là những thứ ngũ-quan nhân-tạo thô sơ khác hẳn ngũ-quan của người, nó chỉ biết thấu nhận một loại sự kiện cần dùng cho một công việc nhất định. Như người máy dùng để kiểm - soát áp - lực của một chất lỏng đựng trong một cái bồn thì tai mắt của nó là một miếng đá thạch anh (quartz) gắn vào thành bồn. Vì có sức ép của chất lỏng đó làm phát sinh một luồng điện đá sẽ tác-động như một chiếc pin điện, điện thế mạnh yếu tùy theo sức ép của chất lỏng vào miếng thạch anh mạnh hay yếu. Dùng điện tử phóng đại luồng điện truyền ra để tùy tiện dùng vào công việc nào đó. Cũng như trong một bộ máy tiện hay bộ máy cắt tự-động, bộ phận thấu nhận sẽ là một thứ thước đo, đo biết dài biết ngắn bao nhiêu sẽ biến đổi thành những luồng điện, luồng điện đó sẽ dùng để điều-khiển máy tiện hay máy cắt để hoàn - thành một tác-phẩm đúng với kiểu mẫu đưa ra. Hình dáng và khuôn khổ mẫu đó đã có mắt điện-tử nhận xét rồi truyền lệnh cho thước đo.

Tóm lại kỹ-thuật-gia đã biết đem kỹ-thuật Vô Tuyến Điện (thấu nhận, phóng đại và đổi tăng số sóng hertz) áp-dụng vào kỹ-nghệ. Họ có thể làm ra những máy biết tự điều-khiển khi nhận được hiệu lệnh. Nó trực tiếp nhận những hiệu lệnh ấy của bộ phận thấu nhận nói trên.

Hơn thế, máy có thể tập hợp nhiều tài-liệu do nhiều bộ phận thu nhận đưa đến rồi tính toán lập kế - hoạch hành-động. Cơ-quan làm việc tính toán ấy được đặt tên là « Óc điện-tử ». Thực ra danh-từ óc điện-tử kém khiêm tốn và không đúng lắm. Đây không phải là một bộ óc, đây mới là những máy tính tinh-vi nhưng không thể làm gì hơn những máy tính thường.

Kiểu máy tính thông thường nhất là công-tơ cây số xe hơi hay máy tính của các hãng buôn mà cái cổ nhất là máy của Pascal sáng - chế ra năm 1842. Người ta nói rằng máy tính điện-tử cũng không thêm vào công dụng tính toán xưa kia yếu-tố nào mới lạ, chỉ được cái mau lẹ gấp bội và làm được nhiều phép tính (mỗi con số được biến thành một luồng điện truyền đi với tốc-lực ánh sáng 300.000 cây số giây)

Một máy tính chỉ biết căn cứ vào những tài-liệu người ta đem lại cho nó để làm một công việc nhất định người ta khiến nó làm.

Một công-tơ xe hơi chỉ có thể trực tiếp nhận tài-liệu đơn-giản, óc điện-tử có thể gián-tiếp thu nhận nhiều loại tài-liệu do nhiều bộ-phận tiếp nhận gán vào nó truyền lại cho. Trong một xưởng kỹ-nghệ người ta có thể đặt một hệ-thống bộ-phận tiếp nhận để thu tất cả những tài-liệu cần-thiết cho tất cả các loại công việc của xưởng. Căn-cứ vào những tài-liệu ấy óc điện-tử sẽ tính công việc cho từng

cái máy. Nguyên-tắc tự-động điều khiển ấy mở một kỷ-nguyên mới cho kỹ-nghệ. Trong một tương - lai có lẽ gần đây, sẽ có những cơ xưởng, những cơ - quan quản - trị tự-động, chúng nhận chỉ thị của người rồi tự-động làm việc theo sách lược người ta dự liệu để đạt những mục-tiêu nhất định.

Ta nên để ý đến hai sự kiện quan-trọng trong công việc điều khiển tự động của máy móc :

1) làm theo sách-lược của người liệu định, máy chỉ quyết định lầy trong phạm-vi sách-lược ấy.

2) tác-động của máy chỉ hướng về một mục-tiêu rõ rệt và nhất định.

Cho đến ngày nay những công việc do người máy làm được không thể đem so sánh với công việc của người được. Nói rộng ra, khi người ta chế ra một bộ máy tự-động chỉ huy một cơ xưởng, những máy ấy chỉ có thể căn cứ vào những tài-liệu nhất định để tính toán một hệ-thống hoạt động tựa tựa như áp-dụng một công thức.

Bộ máy người khác hẳn. Bộ máy người có tính cách phổ-biến, trường hoạt-động so với máy rộng lớn bao quát hơn vô cùng. Con mắt của ta có 140 triệu tế-bào truyền xúc-cảm thị-giác về khỏi óc, một tổ-chức nhiệm mầu với 8 tỉ tế-bào. Nhìn theo góc cạnh kỹ-thuật thì bộ óc là một bộ máy tối-thượng. Thật vậy, bộ óc là hình ảnh thu hẹp của ngoại giới.

Chúng ta lưu-trữ trong óc ta cả một kho tài-liệu hùng-hậu về ngoại giới, chúng ta có thể theo ý muốn ta hoạch-định bất cứ chương-trình nào để tác-động đến ngoại giới, chúng ta có thể điều-khiển bất cứ hệ-thống tổ-chức nào để đạt bất cứ mục-đích nào.

Trong số những máy móc ta có hiện nay không có một bộ máy nào có tính cách phổ-biến như vậy, mặc dầu nó có cả trăm ngàn hệ-thống tác-động. Đó mới là hình ảnh thô-sơ nghèo-nàn của một vài hiện-tượng riêng biệt địa-phương mà thôi. Một bộ máy có tầm hoạt-động phức-tạp và phổ-biến như bộ óc người sẽ phải lớn bằng diện-tích một tỉnh, trong khi óc người chỉ cân nặng xấp-xỉ hai kí-lô.

Như vậy sự cơ-giới chỉ-huy có thể giới-hạn trong phạm-vi những máy thu nhận được một loại tài-liệu do người dự liệu trước, với những tài-liệu ấy máy sẽ thực-hiện những công-tác cũng do người dự liệu.

Tuy - nhiên đây không phải đầu châm hết của kỹ-thuật cơ-giới tự-động. Người ta đi xa hơn.

Trong một bộ máy điều-khiển tự-động người ta gắn thêm một bộ phận có khả-năng rút kinh - nghiệm ngoại giới để ứng-biến tùy theo hoàn cảnh. Bộ phận ấy thu nhận thường-trực được hình ảnh ngoại giới như ngũ-quan ta, tuy rằng thô-sơ hơn nhiều nhưng cũng đã có tính cách phổ-biến.

Thí-dụ điển-hình của loại máy này là con cáo điện-tử thực-hiện cách

đây không lâu. Hệ-thống truyền điện của cáo-điện-tử có thể tự-động biến đổi cách nào để luôn luôn đưa đến « óc » của nó hình ảnh của ngoại giới tuy quá thô-sơ nhưng phù-hợp với thực cảnh.

Sau này người ta tìm cách hoàn-thiện những sáng-kiến sơ-khởi đó.

Xếp loại những khả-năng của mọi phương-pháp cấu tạo các hệ - thống máy rồi tìm cách phân-tách và phối-trí theo hình ảnh bộ óc người để máy có thể suy nghĩ được. Khoa-học mới mẻ đó tiếp-tục công việc của khoa cơ - giới chỉ-huy và đã được người ta mệnh danh là « intellectuelle » (tiếng Pháp). Khoa-học mới mẻ này liệu có thể làm được cái gì mà cơ-giới chỉ-huy không làm nổi chẳng ? Máy có thể suy-tưởng như người ? Sẽ có một nền kỹ-nghệ suy-tưởng ? Có thể lắm, nhưng trường suy - tưởng của máy dù rộng đến đâu cũng không thể giống bộ óc người được. Bộ óc người chỉ có thể là tác-phẩm của tạo hóa.

* * *

Tự-do của con người và cơ-giới chỉ-huy

Cơ-giới chỉ-huy đang phát - triển mạnh, tầm hoạt-động xâm-nhập nhiều lãnh-vực trước đây chỉ có khối óc người làm được.

Nhiều nhà sinh - vật - học hiện - đại nhận-định rằng tác-động và phản-ứng của máy cũng như của người. Ngoại giới tác - động đến ta như một sự

thức-giục, thần-kinh-hệ của ta trả lời. Về đại-thể mọi người đều phản-ứng như nhau trước ngoại giới. Như vậy cơ-giới chỉ-huy điều-hòa « bộ máy người » của ta mà thôi. Và chẳng nếu những dự-tính của cơ-giới chỉ-huy không đúng với một số người nào đó thì đã có luật đa số làm cho những dự-tính đó có giá-trị. Cái gì không đúng cho một vài người lẻ-tẻ vẫn đúng với một dân-tộc, với nhân-loại.

Những hiện-tượng xã-hội đều diễn-biến theo luật-lệ xã-hội học. Tìm ra những luật-lệ ấy và những công-thức áp-dụng là mục-tiêu của chánh-trị, chính-trị hiệu theo nghĩa chân-chính. Do đó người ta quan-niệm rằng có thể nhờ óc điện-tử giải-quyết những vấn-đề xã-hội theo những công-thức đã tìm ra. Bác-học và kỹ-thuật-gia suy rộng dần cùng cực thì đi đến kết-luận là một ngày kia có thể dùng máy suy-tưởng, máy tính, máy cai-trị để chỉ-huy thế-giới loài người. Cơ-giới chỉ-huy sẽ làm chủ thế vũ-trụ !

Có thể có những bác-học và kỹ-thuật-gia cho hiện tượng đó là sự

tiền-bộ cao hơn hết, là trình-độ văn-minh tốt đẹp nhất của nhân loại.

Nhưng chúng ta nghĩ sao khi để cho máy cai-trị người ?

Nếu chỉ xét người về phương-diện phản-ứng và tác-động như một cái máy thì cơ-giới chỉ-huy là phương-tiện lý-tưởng để dẫn giết. Nhưng người còn là tinh-thần, linh-hồn, trí-tuệ, tình-cảm. Người còn có đời sống tự-do tinh-thần và biết yêu thương, người còn có những giá-trị thiêng-liêng vượt lên trên giá-trị đời sống để dẫn giết dòng sống tiến lên những bước vượt tầm hiểu biết của mình, cho nên cơ-giới chỉ-huy không thể chỉ-huy được loài người. Cơ-giới chỉ-huy có thể cho ta những điều chỉ dẫn hữu-ích, thực-tiễn, quyền-quyết định tối-cao phải để cho người. Nhờ có sự linh-ứng với tạo-hóa người sẽ tự-tạo lấy hướng đi của mình. Phải chăng đó là ý thức tự-do phản-ánh của sự thật tối-thượng.

CÔ-LIÊU

Viết theo tài liệu của Albert Ducrocq
báo Ecclesia. Tháng 11-1959

★ Nhất là không bao giờ nên để cho một người có cảm-giác bị « theo dõi » (dù có cần phải quan-sát người ấy một cách đặc-biệt nữa cũng vậy) và hết mọi hành-vi của họ đều bị chỉ trích nghiêm-nghặt. Trái lại phải cho họ thấy rằng, một khi họ làm công-việc chu-đáo, họ sẽ được tán-thưởng nhiệt-liệt. Đó là bước đầu trong việc cải-hóa người (Poumeyrol)

Nhân bài «Vài thắc mắc...» của ô. Bùi-Thu-Trinh và lá thư giải đáp của ô. Nguyễn - Phụng

TRẦN-VĂN-KHẾ

TÔI có nhận được nguyệt-san « *Văn-Hữu* » số 3, do nhạc-sĩ Phạm-Duy gửi cho vì trong đó có bài của Phạm-Duy viết về dân-ca Việt-Nam. Ngoài những bài tiểu-luận về âm-nhạc Việt khác, có bài của ông Nguyễn-Phụng về « Con đường tiến-triển của nhạc Việt ». Kể tôi được tòa - soạn « *Bách-Khoa* » gửi mấy số báo trong đó có bài « Vài thắc mắc... » của ông Bùi-Thu-Trinh và lá thư giải đáp của ông Nguyễn-Phụng. Tôi thấy có bốn phần phải viết bài này để mời độc-giả nghe thêm một tiếng chuông nữa về nhạc-sử nước Việt và để thảo-luận về cách viết bài loại nghiên-cứu, và về vài danh-từ dùng trong âm-nhạc.

Trước hết, tôi nói qua về bài của ông Nguyễn - Phụng đăng trong nguyệt - san *Văn-Hữu* số 3, rồi sau sẽ bàn từng điểm trong lá thư giải đáp đăng trong *Bách-Khoa* số 80.

..

BÁCH KHOA LXXXIV

I. - Về bài của ông Nguyễn - Phụng đăng trong nguyệt - san « *Văn - Hữu* » số 3

Tôi có gặp ông Nguyễn-Phụng vào tháng 10 năm 1958, lúc ông sang Ba-Lê dự Đại - hội âm - nhạc. Trong lúc nói chuyện, tôi nhận thấy dường như ông chưa kịp nghiên-cứu nhạc-sử Việt, và ông ngỏ ý muốn có một bản luận-án của tôi về Việt nhạc cổ truyền.

Ông Nguyễn-Phụng viết bài đăng trong nguyệt - san « *Văn - Hữu* », là đầu năm 1960, không biết ông có đọc qua mấy bộ Đại-Việt sử-ký toàn-thư, An-Nam chí-lược, Vũ-trung tùy-bút (ba bộ này viết bằng chữ Hán) hay là những bản dịch An-Nam chí-lược của Sainson, bản dịch Vũ-trung tùy-bút của Đông-Châu hay chẳng ? Nếu ông đã đọc được các bộ sách ấy, sau khi kết hợp tất cả tài-liệu rải-rác, để đi đến những kết-luận mà giống với kết-luận

của tôi viết trong luận-án như hai anh em sanh đôi Tân - Sinh và Lang - Sinh trong tích Trầu - Cau - Vôi, thì kể cũng là một việc lạ-lùng hiếm có. Huống chi, nếu ai chịu khó đem đối-chiếu từng câu bài của ông Nguyễn-Phụng và đoạn về nhạc-sử trong quyển luận-án của tôi, thì sẽ thấy ngoài năm, ba câu để đối-chiếu một giai đoạn nhạc-sử Việt với một giai-đoạn nhạc-sử Âu-Châu, tất cả bài không phải viết theo tài-liệu tôi đưa ra trong luận-án mà là nhiều đoạn dịch nguyên văn những câu trong luận-án của tôi mà ghép lại (1) — Chuyện đó rất rõ-rệt, từ những điều khó-khăn trở ngại vấp phải khi khảo-cứu nhạc-sử nước Việt, cho đến cách chia Việt nhạc-sử ra 3 thời kỳ, cho đến việc lộn năm 1279 thay vì năm 1307, — mà ông Bùi-Thu-Trinh có nêu ra điểm ấy — tất cả đều có trong luận-án của tôi. Thành ra thiết tưởng không cần đặt câu hỏi: ông Nguyễn-Phụng có dịch luận-án của tôi hay không, mà chỉ coi ông Nguyễn-Phụng có quyền dịch và dịch có đúng không?

Ông Nguyễn-Phụng có quyền hoặc phỏng theo tài-liệu tôi nêu ra, hoặc dịch nguyên-văn nhiều đoạn trong luận-án của tôi, để viết một bài loại khảo-cứu, với điều kiện là phải nói rõ những câu nào, ý nào.

(1) Xem lại trang 3 bài của ô Nguyễn-Phụng, và trang 9, 10 trong luận-án của tôi.

Trang 4 bài ô. Nguyễn-Phụng và trang 11, 36, 37, — 71, 47, 18 trong luận-án của tôi.

Trang 5 bài ô Nguyễn-Phụng và trang 18, 23 trong luận-án của tôi.

Trang 6 bài ô. Nguyễn-Phụng và trang 23, 24, 25 trong luận-án của tôi.

Trang 7 bài ô. Nguyễn-Phụng và trang 26, 27, 28 trong luận-án của tôi.

Trang 8 bài ô Nguyễn-Phụng và trang 28, 29, 30 trong luận-án của tôi.

Trang 9 bài ô. Nguyễn-Phụng và trang 31, 35 trong luận-án của tôi.

của tôi mà ông dịch ra hoặc lặp lại và phải để những dấu kép trước và sau câu ấy, hay là ý ấy. (2). Đó là một thông lệ hết sức tầm thường trong việc khảo-cứu.

Tôi xin ghi lại đại-ý của câu kết-luận bài do giáo-sư Jacques Chailley viết về môn nghiên-cứu nhạc. « Có hai nguyên-tắc chánh :

1) « Nguyên tắc về sự chính-trực, trí-thức » : mỗi khi đưa ra một ý-kiến hay một bằng-chứng phải cho biết mình gặp ý-kiến hay bằng chứng ấy ở đâu cho độc-giả có phương-tiện để kiểm-tra các bằng-chứng ấy — tức là phải chua rõ trong quyển sách nào, ở trang nào, tờ nào có những tài-liệu tác-giả đã gặp.

2) « Nguyên-tắc về sự chính-trực tinh-thần » (hay là chính-trực luân-lý) : tất cả sự phát-minh nào, kết-quả của những sự tìm tòi nào, cho đến tất cả ý-kiến nào, chưa phải thuộc về « công sản » (domaine public) nếu ý đó không phải do tác-giả phát biểu đầu tiên thì tác-giả phải nói rõ, ai là người đã phát biểu ý - kiến ấy đầu tiên. » (3)

(2) Jacques Chailley. — *Précis de musicologie*: trang XX : Aucun emprunt ne doit être fait à des publications antérieures sans être mentionné ; et cela en des termes qui en fassent connaître exactement l'étendue »

(3) Id. Ibid. (Quyển trên)

Ces prescriptions traduisent deux principes fondamentaux

— l'un est une règle d'honnêteté intellectuelle consistant à ne rien avancer qui ne puisse être vérifié, en fournissant les moyens de procéder à cette vérification.

— la seconde est une règle d'honnêteté morale à savoir que non seulement toute découverte ou tout résultat de recherches quelconques, mais même toute idée non considérée comme du domaine public et qui à la connaissance de l'auteur n'est pas exprimée pour la première fois doit être accompagnée, dans son expression, de la mention de quiconque la exprimée auparavant.

Tôi tin rằng lời ông Nguyễn-Phụng viết trong lá thư giải đáp là thật : ông « tỏm lảnh hạng trí thức lưu manh với lối đoạt của người làm của mình » thì ông không bao giờ nghĩ đến việc « đạo-văn ». Ông tưởng rằng chỉ nhắc đến hai lần luận-án của tôi trong bài viết ký tên ông là ông đủ bổn phận của một nhà khảo-cứu. Nên tôi muốn nhắc lại một chỗ thiếu sót của ông trong công việc nghiên cứu, để sau này những bài nghiên cứu của ông nếu có thể được dịch ra các tiếng ngoại-quốc, người ta không thấy chỗ sơ sót đó.

Đầu tháng này, trong cuộc gặp-gỡ giữa Các nhà nghiên cứu nhạc tại Ba-Lê, giáo-sư Bartha, dạy nhạc tại Budapest, trong bài thuyết-trình về đặc điểm hoà âm của nhạc sĩ Bartok có nói rõ : « Tất cả những sự nhận xét trong bài này đều do một người bạn và một người học trò tôi đưa ra. Tôi không chuyên về cách hoà âm của nhạc-sĩ Bartok, nhưng là người được mời tham dự cuộc gặp gỡ tại Ba-Lê. Xin các đồng nghiệp nhớ rõ rằng tất cả bài này viết ra nhờ tài liệu của v.v... »

Ai bắt buộc ông phải nói rõ như thế. Nếu ông bảo là những điều nhận xét đó của ông thì ngay bây giờ có mấy ai đọc được sách viết bằng tiếng Hung-Gia-Lợi về nhạc-sĩ Bartok ? Huống chi những nhận xét ấy cũng có phần nào của ông vì ông điều khiển công việc nghiên cứu của học trò ông. Nhưng nguyên tắc chính trực về mặt tinh thần rất quan trọng. Ông giáo-sư Bartha là một nhà thông thái không thể coi thường nguyên tắc ấy.

Thành ra, điểm thứ nhứt tôi muốn nêu ra về bài của ông Nguyễn-Phụng đăng trong nguyệt-san Văn-Hữu số 3 là tác giả

hoặc chưa biết, hoặc đã biết mà áp dụng chưa đúng nguyên tắc tôi vừa nói trên.

Điểm thứ nhì là trong lúc dịch nhiều đoạn trong luận án của tôi, hoặc dùng tài liệu của tôi đã nêu ra trong luận án, ông Nguyễn-Phụng đã làm sai ý của tôi và có thể, làm cho độc giả có những ý niệm sai về nhạc sử. Nhất là trong lá thư giải đáp có nhiều chỗ sai lầm được nhấn mạnh thêm, nên đứng về mặt nghiên cứu nhạc, tôi cần viết bài này để độc giả nghe thêm một tiếng chuông.

Tôi không nhắc lại những chỗ sơ-sót khi ông Nguyễn-Phụng cho in đàn Kín, triều Song, triều T'ang, những chỗ sai lầm của ông về trống phạn-cổ, tức là trống cơm (1) hay là cách dùng chữ không đúng. Những điểm đó, ông Bùi-Thu-Trinh đã nói rõ trong bài « Vài thắc mắc »... và tôi rất đồng ý với ông Bùi-Thu-Trinh. Hôm nay, tôi chỉ muốn nhân lá thư giải-đáp mà thảo luận về vài điểm theo tôi có quan hệ đến nhạc-sử nước Việt hoặc đến công việc nghiên cứu nhạc nói chung và luôn tiện nói rõ ông Nguyễn-Phụng đã làm sai ý của tôi về chỗ nào.

II— Về lá thư giải đáp của ông Nguyễn-Phụng.

Trong đoạn A về danh từ và lối viết thái quá và đoạn B về vấn đề phỏng dịch, ông Nguyễn-Phụng đã giải bày tại sao ông chưa thêm chữ Pháp và tại sao ông lại chưa « musique profane et populaire » khi nói về ban Tiểu-nhạc.

Về chỗ chưa thêm tiếng Pháp, thì theo tôi, người viết chỉ chưa tiếng Pháp khi nào

(1) Xin quý vị độc giả xem bài tôi viết về Trống cơm đăng trong Bách-Khoa số 78.

danh từ Việt chưa được qui định mà tác-giả muốn cho độc giả khỏi hiểu lầm hoặc khi tác-giả dịch một danh từ Pháp mà chưa chắc chữ dịch của mình đúng nguyên văn. Như thế khi ông Nguyễn-Phụng viết « thể kỷ vĩ đại của Hợp-tấu khúc » rồi chưa thêm « Le grand siècle de la Symphonie » tôi rất đồng ý vì một lẽ chữ « Symphonie » dịch ra tiếng Việt là « hợp tấu khúc », « hoà tấu khúc » hay là theo bản danh từ Trung-Hoa « Giao-hưởng khúc », chưa có tiếng nào được toàn thể nhạc-sĩ Việt áp-dụng, nên tốt hơn chưa thêm chữ symphonie để cho người hay dùng chữ hòa-tấu khúc, hay giao-hưởng khúc biết « hợp tấu khúc » là gì. Nhưng khi chưa « Tiểu bạt » (Petites cymbales) hay là Nam thiên lạc (La joie sous le ciel méridional) thì tôi thấy không ích lợi bằng chưa Tiểu bạt (chập chĩa nhỏ). Nam thiên lạc (Niềm vui dưới trời Nam) chẳng hạn. Nếu cần phải chưa tiếng Pháp cho những người đang học chương-trình phổ-thông Pháp hay là cho ngoại kiều có Pháp tịch thì còn bao nhiêu chữ nữa cũng khó không kém chữ Tiểu bạt như « Việt-Nam văn-hóa sử-cương », như « Khảo-luận về hát ả-dào » v.v..., tại sao không chưa cả ?

Nếu chưa đúng thì tuy không nhằm chỗ cũng không hại. Hại nhất là chưa mà làm sai sự thật như trường-hợp của chữ « ban Tiểu nhạc » mà ông Nguyễn-Phụng chưa thêm (Musique profane et populaire). Hại hơn nữa là trong lá thư giải đáp ông đã mách hộ ông Bùi-Thu-Trinh rằng « ban Tiểu nhạc của ta hồi xưa không phải chỉ chuyên chú về thể nhạc tế-lễ » và « loại nhạc tế-lễ của ban Tiểu nhạc đã thay hình biến điệu từ khi truyền ra khỏi lăng miếu và triều-đình (khác với loại nhạc lễ của ban Đại nhạc), nó đã bị ít nhiều ảnh-hưởng

của thể tục hay nói một cách khác khác hơn là đã bị phạm tục hoá (?) qua lời đàn, điệu tấu, tiếng hát lời ca của nhân-dân, khiến nó mất dần-dần tính-cách thần tụy Tôn-giáo để biến thành một thể nhạc có tính-cách nặng về dân-tộc hơn là Tôn-giáo. Tôi thú thật đã đọc qua quyển An-Nam chí lược của Lê-Tắc, và quyển Việt-kiểu thư do ông Hoàng-Xuân-Hân cho mượn, tôi đã nghe ông Hoàng-Xuân-Hân giảng rõ đoạn viết về Đại nhạc, Tiểu nhạc, tôi đã xem bản dịch ra tiếng Pháp của Sainson về đoạn ấy. Đến nay, chỉ mấy quyển kể trên có nói đến Đại-nhạc, Tiểu-nhạc mà tôi chưa thấy đoạn nào nói rõ về chỗ « thay hình biến điệu » của ban Tiểu-nhạc một cách rõ rệt như ông Nguyễn-Phụng đã nói trong lá thư giải đáp. Nếu trong công cuộc khảo cứu của ông Nguyễn-Phụng về Việt-nhạc, ông có gặp tài liệu nào rõ về ban Tiểu-nhạc, xin ông cho biết xuất xứ để tôi bổ khuyết đoạn về Tiểu-nhạc, trước khi luận-án của tôi được ấn hành.

Ông lại bảo rằng « về phương-diện nhạc sử, phải xếp nó vào loại nhạc ngoại-tôn ». Ngoại-tôn là ở ngoài một tôn-giáo, mà tôn-giáo nào? Bên Âu-Châu, nhất là vào thời Trung-cổ, tôn-giáo thịnh hành nhất là Thiên-Chúa-giáo. Có những bài hát dùng để hát trong lúc hành lễ (xin phép chưa thêm chants liturgiques) có những bài nhạc, bài hát để hát trong nhà thờ trong lúc hay sau khi hành lễ (người Âu-Châu gọi là musique sacrée). Sau, người ta thường lấy những nhạc-khúc của mấy bài hát trong giáo-đường hay có tánh cách tôn-giáo, đặt lời khác mà hát nên bên Âu-Châu người ta thường sắp những bài hát ấy vào loại nhạc thể-tục hay là « nhạc ngoại-tôn » (theo bản danh từ của Tống-Ngọc-Hạp) Ngoại-tôn đây có

nghĩa là ngoài các giáo đường. Trong nước Việt, những ban nhạc được ghi trong sách-sử hầu hết là để dùng vào các việc tế lễ. Đại-nhạc theo sách An-Nam chỉ lược của Lê-Tắc, chỉ có Vua mới được dùng. Các quan hoặc trong hàng tôn-thất ngoài việc cúng tế không được dùng còn tiểu-nhạc thì người quí sang hèn đều dùng được cả (1). Lý-Văn-Phượng đời Gia-Tĩnh triều Minh (1540) trong quyển về phong tục của bộ Việt-kiểu-thư có chép lại đoạn về Đại-nhạc, Tiểu-nhạc cũng viết như thế (2). Dưới đời Lê thì có hai bộ Đồng-văn, Nhã-nhạc dùng trong việc tế lễ tại Triều-đình, còn ban giáo phường dùng trong dân chúng (3). Nhưng sau rồi trong các buổi tế-lễ tại Triều-đình cũng có ban giáo-phường. Đến đời Nguyễn, để dùng trong Triều-đình có ban cổ xúy đại-nhạc, nhã-nhạc hoà thanh thư, ti trúc tế nhạc (4), trong dân chúng có phường bát âm (ngoài Bắc) phường ngũ âm (trong Nam) và phường kèn. Tất cả các giàn nhạc ấy đều dùng vào việc tế-lễ. Mà tế-lễ thì đầu cho nhà Vua tế trời đất trong dịp lễ Giao, tế các bậc Tiên đế trong Thái-Miếu hay là dân chúng tế thần sở tại, hoặc ông bà cha mẹ trong dịp đám cúng đám ma đều là nhạc lễ (musique rituelle) cả. Mà có thứ dùng trong Triều-đình (musique rituelle de Cour) cũng như có thứ dùng trong dân chúng (chữ musique rituelle à l'usage du peuple của ông Bùi-Thu-Trình rất đúng vào chỗ này). Chưa có tài liệu

nào chứng rằng ban Tiểu-nhạc « chuyên tâm vào các loại nhạc ngoại tôn và bình-dân » như ông Nguyễn-Phụng đã viết trong lá thư giải đáp. Đó chỉ là một giả-thuyết không căn-cứ trên tài-liệu lịch-sử nào. Vả lại, nói rằng ban Tiểu nhạc là một loại nhạc bình dân (musique populaire) thì không đúng vì trong dân chúng làm gì có nhiều người biết đàn cầm (5 hoặc 7 dây), đàn tranh đàn tì-bà v.v... Nhạc bình dân phát sanh trong dân chúng là những lời ca câu hát đi đôi với sự sanh-hoạt hằng ngày, những câu hò cấy, hò mái đẩy, hò đập nước, hò kéo gỗ, hay là những lối hát hội như cò lả, trống quân, quan họ. Ban tiểu nhạc có thể là một ban nhạc nhà nghề dùng vào việc tế-lễ trong dân chúng, chớ nói rằng đó là một loại nhạc bình dân tức là không nhớ rằng các nhạc khí như đàn cầm, đàn tì-bà, v.v... đều do người Trung-Hoa mang sang.

Ông Nguyễn-Phụng lại đem nhạc-sử của các nước từ Âu sang Á để chứng minh rằng « ... thường thường nhạc ngoại tôn và nhạc bình dân hay phát-sinh từ các thể nhạc tôn-giáo hoặc nhạc lễ ». Ý đó chỉ đúng một phần nào. Trong nhạc sử nước Việt, các điệu hò, điệu lý, điệu trống quân là những lối nhạc bình dân phát-sinh từ thể nhạc tôn-giáo hay nhạc lễ nào? Trong nhạc sử Âu-Châu, những bài hát của Virgile do nơi lối nhạc tôn-giáo nào mà có? hay là những bài hát đặc-biệt cho các nghề, bài hát của thợ mộc, thợ rèn v.v... do lối nhạc tôn-giáo nào mà ra? Mà ngược lại, cũng có lắm khi nhạc tôn-giáo do nhạc ngoại tôn mà ra. Khi thánh Ambroise cho hát những bài hát loại psalme trong giáo-đường, những bài hát đó lấy trong dân chúng.

(1) Lê Tắc Annam chỉ lược. Quyển 4 tờ 12 a, b.

(2) Quyển Việt-Kiến thư bản chép tay trong tủ sách riêng của ông Hoàng-Xuân-Hân

(3) Phạm-Đình-Hồ Vũ-Trung tùy bút tờ 39 b, 40 a, từ 43 a, b.

(4) Khâm định đại nam hội điển sự lệ Quyển 99 tờ 34 a, b, 35 a, b, 36 a, b.

Cũng như dưới thời-kỳ Phục-hưng (thế-kỷ thứ XV, XVI), có nhiều nhạc-sĩ viết nhạc phẩm dùng vào lễ mi-sa trong giáo-đường (messe) mà lại phỏng theo một bài hát ngoài thể-tục : « Suzanne un jour... » (Một hôm nọ, cô Suzanne...). Như thế căn-cứ vào nhạc sử Á, Âu, chúng ta không thể nói rằng nhạc ngoại tôn phát-sinh từ nhạc tôn-giáo một cách tuyệt đối và cũng không thể dựa vào đó mà nói rằng ban Tiểu nhạc của ta dưới đời Trần là do một lối nhạc lễ « thay hình biến điệu ».

Về Trịnh-Trọng-Tử. Ông Nguyễn-Phụng nhìn nhận đã « căn-cứ vào tài-liệu soạn bằng Pháp văn trong số ấy Luận-án nhạc học... » của tôi để giải-thích tại sao ông viết trong Văn Hữu số 3 trang 8 « Trịnh-Trọng-Tử bèn tụ họp các binh lính do ông chỉ-huy tại *Triều Thiên-tử...* » Về điểm này có 3 điều tôi cần nêu ra :

1) Theo ông Nguyễn-Phụng thì có những tài-liệu soạn bằng Pháp văn nói về Trịnh-Trọng-Tử, trong số ấy có luận-án của tôi. Chữ trong số ấy làm tôi nghĩ rằng có lẽ có nhiều tài-liệu bằng Pháp văn nói về Trịnh-Trọng-Tử mà tôi không biết. Tôi cứ tưởng rằng tôi là người đầu tiên viết bằng Pháp văn đoạn về Trịnh-Trọng-Tử. Nếu ông Nguyễn-Phụng đã căn-cứ trên *những* tài-liệu nào khác xin cho tôi biết rõ tên tác-giả và bài về Trịnh-Trọng-Tử đăng vào sách nào để, nếu cần, tôi sẽ ghi thêm những tài-liệu ấy.

2) Ông Nguyễn - Phụng cho rằng chữ *sân* không thanh-lịch bằng chữ Triều-đình, và ông nghĩ rằng không ai « ...khờ khếch đến nỗi nghĩ lầm rằng Trịnh-Trọng-Tử đã

tụ họp binh lính trong nhà bếp của cung-điện ». Nhưng ông Nguyễn-Phụng viết là « Triều Thiên-Tử » trong khi thật ra đó là sân Thiên-Trì. Có lẽ ông Nguyễn-Phụng không rõ rằng ngoài sân Thiên-trì còn có sân *Đan-trì* và dưới triều Lê trong các dịp lễ Hoàng - tử tức-vị, lễ Thánh - tiết, lễ Nguyên-đán, các ban nhạc tề tựu lại và đặt nhạc khí hai phía tả hữu của sân *Đan-trì* (1). Và lại khi nào dùng một tài-liệu lịch-sử phải đi sát với tài-liệu ấy.

3) Ông Nguyễn-Phụng viết rằng ông Trịnh-Trọng-Tử « ...bắt bọn chúng đồng xướng bài « Long ngâm » ở ngoài đường cách xa đền vua... » chẳng biết ông căn-cứ vào tài-liệu nào mà biết quân lính bắt cách xa đền vua. Theo tài-liệu của Đại Việt-sử-ký toàn-thư thì Trịnh-Trọng-Tử đến sân Thiên-trì bày quân lính *giữa sân* và sai hát mấy câu khúc Long-ngâm ». (2)

Về điểm này, ông Nguyễn-Phụng đã viết khác với tài-liệu của tôi trong luận-án nên tôi thấy cần phải hỏi lại cho rõ ông căn-cứ ở tài-liệu chữ Pháp nào ngoài luận-án của tôi để viết đoạn ấy, và nếu chỉ có phỏng theo tài-liệu của tôi thì tại sao lại không đi đúng với tài-liệu lịch-sử, lại cho quân lính của Trịnh-Trọng-Tử *hát xa đền vua* chớ không phải ở giữa sân Thiên-trì? Về danh-từ ca-sĩ... về nguyên-tắc, tôi đồng-ý với ông Bùi-Thu-Trinh rằng danh-từ ca-sĩ không thể dùng để chỉ những *đào-nương* thời Cảnh-Hưng. Lấy một thí-dụ khác : người Trung-Hoa từ xưa đã biết 12 luật-lữ tức là 12 bán-cung trong một bát-độ (octave hay là bát-trình hay là

(1) Lê-triều hội-diễn. Quyển 3 tờ 16^a

Quyển 3 tờ 50^a tờ 51^a

(2) Đại-Việt - sử - ký toàn - thư. Quyển 6. tờ 26^{a,b}

quãng-tám tùy theo người dùng). Nhưng khi nói đến hệ-thống âm-giai 12 bán-cung ấy, người Âu-Châu phải viết « échelle des 12 lyres » hoặc « échelle des 12 sons », chứ không thể dùng « échelle dodécaphonique » vì danh-từ này mới được áp-dụng gần đây không thể dùng để chỉ một việc đã có từ-xưa.

Ngoài ra vấn-đề nguyên-tắc dùng chữ, còn có vấn-đề tài-liệu lịch-sử. Theo bản Vũ-trung tùy-bút chép tay, cũng như theo bản dịch của Đông-Châu đăng trong tạp-chí Nam-Phong, thì « Từ năm Cảnh-Hưng trở về trước hầy còn được ít nhiều xoang điệu cổ ấy, sau đến cuối đời Lê chỉ có *ả-đào* già mới hát được, hoặc đem bắt những *ả-đào* non hát thử thì lè lưởi xin chịu ngay không thể nào hát được ». (1) Trong bản chánh, cụ Phạm-Đình-Hồ đã dùng chữ *ả-đào*, vừa xác-đáng vừa đúng nghĩa. Tại sao lại phải đổi ra chữ ca-sĩ là một danh-từ của thế-kỷ XX?

Ngoài ra còn vài điểm sai nhỏ thuộc về chi-tiết, chúng tôi thấy không cần đề-cập tới.

Mục - đích chúng tôi viết bài này để giúp độc-giả, đã xem qua bài *Thắc-mắc...* của ông Bùi - Thu - Trinh và lá thư giải đáp của ông Nguyễn-Phụng, có thêm một ít tài-liệu về nhạc sử nước Việt do chúng tôi sưu thập và nghiên-cứu trong sáu, bảy năm trời. Chúng tôi thấy có bổn-phận đem ra ánh-sáng những sử-liệu mà, theo chúng tôi, đúng với sự thật. Và luôn tiện, chúng tôi có dịp thảo-luận về những nguyên tắc căn bản cần phải nhớ trong khi đang nghiên-cứu và viết nhạc sử.

Ba-Lê, hè 1960

TRẦN-VĂN-KHÊ

(1) Phạm-Đình-Hồ. — Vũ-Trung tùy - bút. Bản dịch của Đông-Châu — Nam-Phong, tháng 10 năm 927. Trang 4366.

PHIM 16^{mm}

KÍNH MỜI Các đoàn thể :

Học-sinh — Quân-nhân
Công-nhân — Đoàn điền
và các Tư Gia v. v...

HÃY TIẾP XÚC VỚI :

Hãng Phim Columbia

23 ĐƯỜNG GIA-LONG SAIGON

Đ.T. 24.710

Quý vị sẽ tìm được những phim ưa thích để cùng thưởng thức trong những buổi chiếu hè.

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hăng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm ừ 300\$ đồng trở lên.

CHUNG QUANH VAN-ĐỀ:

NAGASENA

Có nguy biện không ?

• THÍCH-THIỆN-CHÂU

ĐỌC bài đáp lại của Ông Thâm-Thệ-Hà, chúng tôi thấy cần phải làm sáng tỏ một vài vấn-đề rộng lớn hơn việc xác định chủ - nghĩa mà chúng tôi đã làm trong Phồ-Thông số 31.

Trước khi nhận xét về bài đăng trong số 33, tưởng cũng nên kiểm điểm lại vài điều mà Ông Thâm-Thệ-Hà đã viết trong Phồ-Thông số 26 dưới nhan đề là « Án Tử và Nagasena nguy biện » Ông Thâm-Thệ-Hà nêu lên phép tỷ luận, lấy đoạn văn Án Tử làm mẫu mực, rồi chuyển đến đoạn kinh trình-bày đạo lý Vô-ngã trong « Di-Lan-Đà vấn đáp ». Ông dẫn vài đoạn và vạch những chỗ mà Ông cho là sai lầm trong phương-pháp tỷ luận vì trong những câu hỏi

của Vua Milinda đều dùng tiếng *Cửa* mà câu hỏi của Đức Nagasena lại dùng tiếng *Là*.

Nguyên văn của Ông Thâm-Thệ-Hà như sau : « Nagasena đã đặt vấn-đề sai. Nếu đối chiếu với câu hỏi của nhà vua, Nagasena phải hỏi rằng : « Gọng xe kia có phải của xe không ? ». Hỏi như thế mới đúng phép tỷ luận. Và nếu hỏi cho đúng phép như thế, chắc hẳn nhà vua sẽ trả lời « phải ». Rõ ràng Nagasena đã cố ý đặt sai vấn-đề để đi đến một kết-luận trái ngược ».

Trong Phồ-Thông số 31, chúng tôi dẫn 3 bản kinh chữ Hán, Pháp, Việt để chứng minh Vua Milinda không dùng chữ *Cửa* mà

đã dùng chữ *Là* : « Tóc kia có phải Là Nagasena không ? » ...Đức Nagasena khi hỏi vặn lại cũng dùng chữ *Là*. Như thế thì có gì là sai với phép tỷ luận và ngụ biện ?

1) Trong P.T. số 33, Ông Thăm-Thệ-Hà nhìn nhận có quyền thì dùng chữ *Là*, có quyền lại dùng chữ *Của*. Như trong bản dịch của L. Finot và của Đoàn-Trung-Còn thì đều dùng chữ *Là*, còn những sách khảo-cứu của Ông Phan - Văn - Hùm, Nguyễn-Văn-Trung, và Hoàng - Chính - Văn đều dùng chữ *Của*.

Khi nêu ra sự mâu thuẫn ấy phải chăng Ông Thăm-Thệ-Hà muốn cho biết không có tiêu chuẩn nhất định về vấn-đề Kinh-văn, và đã không cố tiêu - chuẩn thì dầu vua Milinda có dùng chữ *Của* hay chữ *Là* chẳng nữa, người đọc cũng không thể quyết được.

Về điểm này xin Ông Thăm-Thệ-Hà hiểu cho rằng : người khảo-cứu đứng-dẫn, nên căn-cứ vào các bản dịch, nếu không thể đọc ngay nguyên văn. Bản dịch bao giờ cũng sát nguyên văn hơn sách khảo-cứu. Mà hai bản dịch của L. Finot và Đoàn-Trung-Còn (và bản chữ Hán nữa) đều dùng chữ *Là*, thì theo tôi, không thể lấy chữ *Của* thay vào mà nói đó là chính văn của Kinh, dầu rằng chữ *Của* ấy đã được dùng trong sách của nhiều người mà Ông Thăm-Thệ-Hà tưởng là đứng-dẫn.

2) Trong P.T số 33, Ông Thăm-Thệ-Hà còn cho biết : ngoài việc dùng 3 bản của nhà khảo-cứu, Ông còn dùng trí duy đoán để thấy chữ *Của* là đúng. Ông viết : « Giả sử Milinda hỏi ; Nếu không có người Nagasena thì tóc kia có phải là Nagasena

không ? thì rõ ràng là một câu hỏi ngớ-ngẩn đến buồn cười ».

Trước khi xác định câu hỏi « Tóc kia có phải là Nagasena không ? » là hữu-lý hay vô-lý, xin Ông Thăm-Thệ-Hà đọc lại một cách đầy đủ câu chuyện vấn đạo giữa vua Milinda và đức Nagasena ; (chúng tôi xin lỗi quý vị độc-giả đã có đọc qua câu chuyện này, phải đọc lại ở đây một lần nữa, nhưng chúng tôi thấy không gì chứng-minh một cách hùng hồn lý-luận xác đáng của đức Nagasena bằng thuật lại đầy đủ cuộc vấn đáp giữa nhà vua và vị luận-chủ ấy).

« Vua Milinda lại gần Nagasena và sau « khi chào hỏi theo thông-lệ, ngồi cạnh vị tu-sĩ. Nagasena đáp lễ, làm cho nhà vua « sanh tâm hoan-hỷ. Nhà vua bèn vào « câu chuyện :

« — Bạch Đại-Đức, người ta gọi Đại-Đức như thế nào ? Quý danh là chi ?

« — Người ta gọi tôi là Nagasena : « đó là lối các bạn đồng tu với tôi dùng « để chỉ tôi. Nhưng, tâu Hoàng-Thượng, « dù cha mẹ đặt cho con những tên như « Nâgasena, Surasena, Virasena, thì đó chỉ « là một lời gọi, một ý-thức thông thường, « một tục-ngữ, một danh-từ suông : dưới « những tên đó, không có một cá-nhân « nào hết.

« — Nay năm trăm quan chức, tám « chục ngàn tu-sĩ ! Các ngài nghe rõ chớ ! « Đại-Đức Nâgasena bảo : « Không có « một cá-nhân nào hết ! Có thể nhận một lời « quả quyết như thế không ? Nhưng này bạch « Đại-Đức Nâgasena, nếu không có cá-nhân « nào hết, vậy ai cúng dường quần áo,

« thức ăn, chỗ ở, thuốc men, vật dụng,
 « và ai thọ hưởng những vật ấy ? Ai tu
 « đức ? Ai tham thiền ? Ai chứng Đạo ?
 « chứng quả, chứng Niết bàn ? Ai phạm
 « giới sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối,
 « uống rượu ? Ai phạm ngũ giới cấm ấy ?
 « Vậy ra không có thiện có ác, không có
 « người gây hay người xúi nghiệp lành,
 « nghiệp dữ, không có quả báo, cũng không
 « có thực quả của nghiệp lành, nghiệp dữ
 « sao ? Bạch Đại-đức, giả sử Đại-đức bị ám
 « sát, nhưng theo Đại-đức, kẻ sát nhân
 « không thực có, vậy không có tội sát sanh
 « ư ! Ở ngay tịnh-xá của Đại-đức đây
 « cũng phải không có gì cả : không thầy,
 « không ai dạy ai, cũng không có sự truyền
 « quy giới ! Khi Đại-đức nói : « Các bạn
 « đồng tu với tôi gọi tôi là Nâgasena »,
 « vậy Đại-đức muốn nói Nâgasena nào đó ?
 « Phải tức là Nâgasena không ?

— Tâu Hoàng-thượng, không phải.

— Có phải lông, móng, răng, da, thịt,
 gân, xương, tủy, thận, tim, tỳ, phổi, ruột-
 non, ruột-già, đồ-ăn không tiêu, phần, mật,
 đờm, mủ, máu, mồ-hôi, mỡ, nước-mắt,
 lớp dầu ngoài da, nước-miếng, nước-mũi,
 nước-giã, nước-tiểu, bộ óc là Nâgasena
 không ?

— Tâu Hoàng-thượng không phải.

— Hay là hình tướng, cảm giác, tư
 tưởng, hành động, hay biết là Nâgasena ?

— Tâu Hoàng-thượng, không phải.

— Hay là một cái gì riêng biệt với năm
 « uẩn » vừa kể ?

— Tâu Hoàng-thượng cũng không phải.

— Hỏi mãi mà vẫn vô hiệu : tôi không
 thấy Nâgasena ở đâu cả. Vậy Nâgasena là

gì ? Chỉ là một tiếng nói vậy thôi, có gì
 lạ hơn đâu. Bạch Đại-đức, Đại-đức đã
 nói sai, nói dối; quả không có Nâgasena
 mà !

— Tâu Hoàng-thượng, Hoàng-thượng
 đi chân hay dùng xe mà đến đây ?

— Bạch Đại-đức, tôi không đi chân,
 tôi đến đây bằng xe.

— Hoàng-thượng đã đến bằng xe, vậy
 xin Hoàng-thượng nói cho tôi biết coi xe là
 gì. Phải cái gọng là xe không ?

— Bạch Đại-Đức không phải.

— Phải trục, bánh, thùng, mui, ách,
 dây cương . . . là xe không ?

— Bạch Đại-Đức không phải.

— Tôi hỏi Hoàng-thượng mãi mà vẫn
 không thấy cái xe. Vậy xe là gì ? Một tiếng
 nói thôi, có gì lạ hơn đâu. Trong cõi Diêm-
 phù-đề này, Hoàng-thượng là vị đế-vương
 bậc nhất, vậy Hoàng-thượng sợ gì mà phải
 nói dối như thế ? Nay năm trăm quan-chức
 và tám ngàn tu-sĩ ! Hoàng-đế Milinda,
 hiện trước mặt chúng ta đây, đã nói : « Tôi
 đến bằng xe ». Nhưng khi tôi xin Ngài xác
 định thế nào là chiếc xe thì Ngài không
 thể chứng tỏ sự hiện hữu của xe. Có thể
 nghe được như vậy không ?

Nghe xong, năm trăm quan-chức hoan-
 hô Nâgasena và nói với Vua Milinda :
 « Bây giờ xin Hoàng - thượng trả lời đi,
 nếu được ».

Nhà vua nói :

— Bạch Đại-đức, tôi không nói dối
 đâu : nguyên vì có gọng, trục, bánh, thùng,
 v.v... mà có sanh ra lời gọi, cái ý-thức
 chung, tục-ngữ, cái tên « xe ».

— Hay lắm ! Tâu Hoàng - thượng, Hoàng-thượng biết xe là gì rồi. Cũng thế, nguyên vì có tóc, lông, móng v.v... mà có sanh ra lời gọi, cái ý-thức chung, tục-ngữ, cái tên « Nâgasena », chớ thật ra, nào có cá - nhân. Nữ tu-sĩ Vajirâ đã bạch với Phật :

Vì các bộ phận được phối hợp, được ráp lại nên mới nảy sanh danh-từ « xe »,

Cũng thế, vì năm « uần » phối hợp nên mới nảy sanh danh-từ « chúng-sanh » (1).

*
* *

Qua câu chuyện trên, ai cũng thấy rõ cơ sở lý luận của hai bên. Ở nhà vua là « Hữu ngã ». Ở Đức Nâgasena là « Vô ngã. »

Với lòng tin cố-định ở thuyết « Hữu ngã », nhà vua cho rằng nếu không có một Nâgasena thì làm sao có người đối thoại đề mình gọi là Nâgasena. Vì thế mặc dầu Đức Nâgasena đã bảo rằng không có Nâgasena, nhà vua vẫn hỏi thêm : « Hay là tóc trên đầu là Nâgasena ? » và thừa biết Đức Nâgasena sẽ trả lời « không » nhưng nhà vua yên trí là nếu trả lời không thì Đức Nâgasena phải thừa nhận có một thực thể « Người » do những yếu-tố thể-chất, tinh-thần hợp lại hoặc một đại ngã hay một thân ngã ngoài cái thân ngũ-uần. Nhưng Đức Nâgasena đều trả lời « không ».

Vậy thì câu hỏi « Hay là tóc trên đầu có phải là Nâgasena » của nhà vua không ngó-ngần như câu : « Lá kia có phải là cây không ? » mà Ông Thâm - Thệ - Hà cho là trẻ con cũng không hỏi như vậy.

(1) Dịch sát nguyên văn bản Les questions de Milinda ; bản dịch này dịch từ văn Pali ra.

Tự nhiên mà hỏi như vậy thì ngó ngần hân rồi, nhưng đây nhà vua hỏi với một chủ-ý muốn đức Nâgasena thừa nhận có Nâgasena, thì không ngó ngần chút nào cả. Sở-dĩ ngó ngần là vì Ông Thâm-thệ-Hà đã cắt xén câu « Tóc kia có phải là Nâgasena không ? » ra khỏi toàn thể câu chuyện.

— Nếu nhà vua chỉ con người ra từng bộ phận, từng yếu-tố đề hỏi Đức Nâgasena và mong Đức Nâgasena thừa nhận con người mà ông cho là một thực-tế toàn-diện gồm thể-xác, tinh-thần thì Đức Nâgasena lại dùng ngay lối chia chẻ đó (phép phân-tích) với tỷ dụ cái xe để đưa đến kết-luận ngược lại là không có Nâgasena, là vô ngã.

Những câu kệ tổng hợp cuối cùng này chứng minh cho điều ấy. Nếu không hiểu được như thế mà bám chặt vào cái vỏ của văn-tự, bỏ nghĩa sâu xa thì sẽ thấy lối lập luận vô-lý ; và nếu căn cứ vào sách khảo-cứu chép sai thì không làm sao hiểu được thâm-ý của vua Milinda và đạo ý của Đức Nâgasena qua những lời hỏi, đáp. Một Tò Sư đã dạy : « Y kinh mà giải-nghĩa là oan gia của chư Phật ba đời, mà lìa kinh một chữ tức là lý-thuyết của ma ».

3) Ở mục 3, Ông Thâm thệ-Hà viết : « Tóm lại, theo quan-điểm của chúng tôi, dầu vua Milinda có dùng chữ Cửa hay chữ Là, câu chuyện vấn-đạo của nhà vua vẫn không thoát khỏi tính cách nguy-biến ».

Trong Phồ-Thông số 26, Ông Thâm-Thệ-Hà bảo Đức Nâgasena nguy-biến, vì Đức Nâgasena đã đặt lại những câu hỏi với chữ Là, trong khi những câu hỏi của vua Milinda đều dùng chữ Cửa. Thế mà

trong Phồ-Thông số 33 Ông lại bảo :
 « ...dầu vua Milinda có dùng chữ *Của*
 hay chữ *Là*, câu chuyện của nhà vua
 cũng không thoát khỏi tính cách nguy-
 biệ*n* ». Thật tôi không biết nói sao cho
 phải với cái lý-luận trước sau bất nhất của
 Ông Thăm-Thệ-Hà !

Theo chúng tôi, nếu vua Milinda dùng
 chữ *Của* trong các câu hỏi dưới thì quả
 thật Đức Nâgasena có phạm phép tỷ-luận
 và nguy-biệ*n*. Còn nếu vua Milinda dùng
 chữ *Là* thì Đức Nâgasena không phạm
 phép tỷ-luận và không nguy-biệ*n*.

Ông Thăm-Thệ-Hà còn cho Đức Nâ-
 gasena nguy-biệ*n* vì Đức Nâgasena trả lời
 « Không » cho những câu hỏi của vua
 Milinda như câu « Tóc kia có phải của
 Nâgasena không ? » Ông đã lý-luận trong
 Phồ-Thông số 26 : « Nếu đề thuyết-minh
 sự tổng-hợp duy-nhất về con người thì
 tóc kia là của con người Nâgasena chớ
 của ai ? Nếu đề biểu-dương thuyết vô-
 ngã, thì Nâgasena bằng xương bằng thịt
 kia là cái hữu-ngã tạm thời để phân-biệt
 với con người khác. »

Về điểm này, Ông Thăm-Thệ-Hà vì
 không thông hiểu đạo-lý « vô-ngã » nên

mới quan-niệm như vậy. Là một vị A-La-
 Hán, một vị đã chứng-ngộ hoàn-toàn về
 đạo-lý vô-ngã, Đức Nâgasena không thể
 nào chấp-nhận được sự tổng-hợp
 tạm-thời của tóc, da, xương v. v... là
Thực-Hữu. Đạo-lý vô-ngã là đạo-lý phủ-
 nhận cái Thực-Hữu-Ngã, nghĩa là không
 có một thực-thể « Người » thuần-nhất, bất
 biến mà chỉ sự tụ-tán vô-thường của ngũ-
 uân, chữ đạo-lý vô-ngã không phủ-nhận sự
 hiện-hữu giả-dối, tạm-bợ của sự vật.

Trong phạm-vi bài này, chúng tôi không
 thể nói nhiều, Ông Thăm-Thệ-Hà có thể
 xem những kinh-luận giải về vấn-đề vô-
 ngã một cách tinh-vi và đầy đủ hơn. Ngay
 quyển « Di-Lan-Đà vấn đáp » cũng đã
 nói khá rõ-ràng rồi.

*
 *

Thương xác với Ông Thăm-Thệ-Hà về
 vấn-đề Nâgasena có nguy-biệ*n* hay không,
 chủ-đích của tôi không phải để tranh-luận
 hơn thua, mà để đính-chánh một tài-liệu
 giáo-lý của Đạo Phật. Mong Ông Thăm-
 Thệ-Hà hiểu cho.

THÍCH-THIỆN-CHÂU

- ✱ Bẻ gãy một thiện-chí, luôn luôn làm rời-rã con người, và chẳng bao giờ tiêu-diệt được phản-loạn (L.M. Courtis)
- ✱ Có lẽ lỗi lầm sẽ bớt đi nhiều, nếu tinh-thần đoàn-thể và tinh-thần trách-nhiệm của đoàn-thể được vun trồng và mở rộng. Lỗi lầm của một người trở thành lỗi lầm của toàn thể, và đáng lẽ mọi người xúm nhau lại để « hành » một người, thì đều sẵn lòng cố gắng giúp người ấy chuộc lỗi và chỗi dậy. Cũng giống như trong một cuộc kéo co ; lỗi của một người có thể gây thiệt hại cho toàn đội, và việc nâng đỡ, khuyến khích người suy-nhược là việc có lợi cho mỗi người.

CÁC BẠN ĐÓN ĐỌC:

MAI, Số 1

RA NGÀY 10-7-1960

TRUYỆN NGẮN:

VIẾT THƯ BUỔI TRƯA (Võ-Phiến). — CHIỀC QUẦN SA-TEN (Bà Văn-Trang) — BÀI TOÁN KHÓ (Phan-Văn-Tạo) — CHỮ THỦ KÝ (Xuân-Tùng) — TÔI ĐI UỖN TÓC (Cố Trúc-Liên) — TÔI LÀM PHÓNG VIÊN (Bửu-Kế).

TRUYỆN DỊCH:

BÀI LUẬN MẪU (Pitigrilli) (Hoàng-Minh-Tuynh dịch).

TRUYỆN DÀI:

LỬA RỪNG hay TRUYỆN NÀNG Y-KLA (Vũ-Hạnh).

ĐIỂM SÁCH:

NHÌN VÌ SAO LẠC (Nhật-Tiên) (Cố Phương-Thảo).

HƯƠNG XUA:

KIM-TRỌNG, KẺ CHIÊN THẮNG « ĐỊNH MỆNH » (Nguyễn-Văn-Xuân).

CÂU CHUYỆN VĂN-NGHỆ:

CHI TIẾT TRONG TRUYỆN (Võ-Phiến).

CÂU CHUYỆN GIÁO-DỤC:

GÕ ĐI, CỬA SẼ MỞ (Nguyễn-Hiến-Lê).

CÂU CHUYỆN KHOA-HỌC:

GIẤC MƠ VÀ SỨC KHỎE CỦA CÁC BẠN (Cố-Liêu).

THƠ:

TIỀNG NÓI NGÀY MAI (Bùi-Khánh-Đản) — ĐỢI EM (Hoài-Hương) — PHƯƠNG NAO (Tường-Linh) — NẮNG CHIỀU (Đỗ-Tấn) — NGƯỜI BẠN BÊN SÔNG (Phạm-Tăng).

Cùng các mục: TIN VĂN — TIN KHOA-HỌC — NỤ CƯỜI LỢM-LẶT — ĐIỂM NGƯỜI, ĐIỂM VIỆC — và CUỘC PHỎNG VẤN RỘNG RÃI VỀ KẾT QUẢ CUỘC THI TRUNG-HỌC ĐỆ NHẤT CẤP VỪA QUA.

do NGUYỄN-NGU-Í phụ trách.

Tạp-Chí MAI sẽ ra mắt 24 trang: khổ lớn giá 7\$.



ĐÁM MA ANH VĂN

☆ PHAN-VĂN-TẠO

NHÀ Văn ở trên con đường đi tới Bắc-Việt Nghĩa-Trang nên một trong những thú tiêu-khiến của Văn là đứng xem những đám ma đi ngang nhà mình. Thường thường ngày nào cũng có một đám, ngày đông đến ba, bốn đám.

Có đám linh-đình nhộn-nhịp như một thịnh-hội, có đám sơ-sác rạc-rời như một dóm tàn quân, đám nào cũng cho người xem nhiều dấu hiệu về gia thế, nghề-nghiệp cùng về những nỗi thành bại, thăng trầm của người đã chết.

Sáng chủ-nhật đó, nghe từ xa tiếng kèn nức-nở, Văn châm một điều thuốc

lá rồi ra đứng cửa theo thường lệ. Anh còn đang ngắm-nghía bức ảnh đặt trên linh-xa, bỗng thấy người khó chịu, sa-sâm mây mắt, anh vút điều thuốc đi, quay vào trong nhà, nằm lên chiếc ghế dài. Một lát sau chị Văn đang làm cơm trong bếp nghe thấy chồng ngáy khò-khò ở buồng ngoài. Chị lẩm bẩm :

— Chả được cái việc gì ! Chỉ được cái dễ ngủ là không ai bằng !

Gần trưa, thằng Long ra đánh thức bỏ nó dậy ăn cơm, không thấy bố nó trả lời. Chị Văn lại gần, định bụng sẽ đập mạnh lên vai cho chồng giật mình tỉnh giấc, nhưng chị đã sững-sờ

trước sắc mặt khác thường của chồng. Mắt anh nhắm nghiền, môi cắn chặt—Chị cầm tay anh giờ cao lên, lúc bỏ ra, tay vật thõng xuống,

Chị hoảng-hốt kêu thằng Tùng đạp xe đi mời bác-sĩ. Chị giật tóc mai chồng, xoa dầu, gọi ăm-ì. Con Bích lẽ-nhè ngồi khóc một xó, chả lẽ nó không làm gì khi cả nhà tíu-tít.

Bác-sĩ lại khám, cho biết anh Văn đã bị một cơn đau tim nặng và không phương gì cứu chữa được nữa. Có ai tin được không? Chín giờ còn đứng xem đám ma, mười hai giờ đã chết. Ở đời có những sự vô lý mà chỉ có ai phải chịu đựng mới tin được là có thực.

Riêng đối với Văn, cái chết là một sự khám phá kỳ thú. Từ trước đến nay anh đã nghĩ rằng chết là một cái gì tăm tối âm u như một đêm dài vô tận, người chết không còn biết đến cảnh vật chung quanh. Nhưng đến khi chết thật, anh mới rõ cái chết khác hẳn những điều anh tưởng tượng. Anh thấy như mình có thêm một giác-quan mới, cùng một lúc nhìn được khắp chồn khắp nơi, đọc được cả ý nghĩ người bên cạnh. Và anh quyết lợi-dụng cái khả-năng mới này mà nhìn lại cuộc đời cho rõ với những lúc phải trông bằng nhỡn-quan hạn chế của đôi mắt mở sáng.

Bác-sĩ xếp ông nghe vào túi da rồi rửa tay với xà-bông. Văn hơi khó chịu:

— Người ta chết vì tim chứ có vì

vi-trùng đâu mà ông phải rửa tay kỹ thế.

Chị Văn vừa mếu máo vừa đưa bác-sĩ tiền khám bệnh. Anh thấy rõ ông ta đang nghĩ:

— Mình không lấy tiền mới phải. Mình tới coi, hắn đã chết rồi, có phải chữa chạy gì đâu?

Văn đang sung sướng thì bác-sĩ cầm tiền rồi ra về.

Chị Văn bao nhiêu năm nay sống với chồng, không có lúc nào tưởng tượng rằng chồng có thể chết mau đến thế nên chị lúng túng quá. Chị sai thằng Tùng đi báo tin trong họ và đi tìm bác Đào. Đào là một anh bạn thân, tính nết sốt sắng, lại khéo cắt đặt, nên các bạn hễ có việc gì khó khăn đều tới nhờ Đào.

Anh ta đang nằm vừa đọc báo vừa nghe phát-thanh cổ-nhạc thì thằng Tùng lập ló ở cửa.

— Cái gì đây cháu? Bò mày lại muốn rủ bác sang đánh chén phải không?

Tùng nghẹn ngào:

— Bò cháu chết rồi.

— Hừ!

Lúc Đào chạy sang tới nơi, Văn không thể nhịn được cười. Chưa vào đến cửa, Đào đã cất tiếng hỏi, cổ lấy giọng bình tĩnh, thề mà hai đầu gối run lẩy bẩy và trông ngực đánh thành-thình. Đào đứng xa-xa nhìn vào. Văn tưởng bây giờ hét lên được một tiếng, chắc-chắn Đào té xỉu.

Con mèo con vẫn được Đào vuốt ve mỗi khi anh sang chơi, mon men đến cạnh, cọ bộ râu mép vào cánh tay anh làm Đào túm chặt lấy cổ nó kêu lên :

— Nhốt ngay nó lại, hay là gửi nó đi đâu, chứ không lôi-thôi bây giờ.

Đào xếp đặt mấy việc lật-vật xong, chạy đi kiểm cổ áo và mướn xe đò. Qua nhà Sơn, anh tạt vào báo tin Văn chết. Sơn chạy báo Thiệu, và Cầu đang đi ở đường Lê-Lợi bỗng thầy Nhân gọi giật lại :

— Này Cầu, Văn chết rồi.

— Văn nào ?

— Văn « Ba-Kim » (1) chứ còn Văn nào.

Cứ từ người nọ truyền sang người kia như vậy đến buổi chiều hôm đó thì gần hết các bạn thân đã biết tin.

Đêm hôm chủ nhật, Văn nằm sổng-sướt giữa nhà. Lúc còn sống, suốt ngày bị con quấy phá, vợ hỏi dồn, anh thường nói :

— Tao chịu không nổi rồi. Ước gì tao được nằm một mình một chỗ cho sổng cái thân tao.

Bây giờ anh mới thấy mình lắm. Dưới ngọn đèn xanh xao, không có bên mình hơi thở quen thuộc của những người thân yêu, anh thấy thể lượng một cách khó tả. Cái lạnh lẽo của cái chết cũng chưa ghê rợn bằng cái lạnh lẽo của tình thương tắt dụi.

(1) Văn mang tên này từ khi anh mua cái đồng hồ mới rất đúng giờ. B.K. số 82

Ba đưa con anh, vì thiếu chỗ, — anh đã chiếm hết cả phòng ngoài rồi còn đâu, — nằm chúi đầu vào với nhau trên cánh phản nhỏ ở góc phòng trong, trông chẳng khác gì ba con chó con. Nhà bận quá, cũng chẳng ai nghĩ đến mắc màn cho chúng và mấy con muỗi đói đang hút đầy máu trên đùi gầy nhom của thằng Long. Thằng Tùng ngủ say mệt, nó chạy suốt ngày hôm nay còn gì, gác cả đôi chân nặng trĩu lên mặt em Bích.

Anh chợt nghĩ đến những em nhỏ lái nhài mời anh mua vé sò, dai dẳng đến khó chịu, hay lúi húi ở dưới gầm bàn trong các tiệm ăn, ôm căng từng người, đặt lấy được lên trên quai cái hộp gỗ mà đánh đôi giấy. Xin trời phù hộ cho các con anh khỏi phải ném quá sớm tuổi thơ của chúng vào cuộc đời. Bây giờ mà anh sống lại, chúng nó dù có quấy phá, hờn, vùi thề nào cũng mặc, anh nhất định sẽ không đánh mắng chúng nó nữa.

Chị Văn đang cặm cùi may áo xô cho chị và các con. Nỗi buồn đã đến đột ngột quá làm chị không còn đủ sức mà khóc nhưng khuôn mặt chị có những nét cứng rắn khác thường. Văn không biết rồi vợ sẽ loay hoay ra sao trong những ngày sắp tới. Trước đây đã có lúc anh nói với vợ :

— Khi nào anh sắp chết thề nào anh cũng kể hết cho em nghe anh đã chơi bời giàu giềm em như thề nào.

Đến nay lời đó anh cũng không giữ nổi và anh chết đã đem theo đi cả

những câu dối trá nói với vợ những bữa về khuya, hay những chuyện nhiều thù dật để tự bào chữa sau những đêm trác táng.

Anh chợt liên tưởng đến mấy người bạn đã cùng anh chia xẻ những phút đó và Anh nảy ra ý tò mò muốn biết xem giờ này họ đang làm gì và cái chết của anh có thay đổi gì đến nếp sống của họ không. Anh thả hồn rảo đi một vòng. Tất cả các bạn đều đã ngủ kỹ, anh ngáy, anh nói mê. không ai bỏ những thói quen thường nhật. Chỉ còn hai anh thao-thức, Thiệu và Nhân. Thiệu thì đang loay-hoay làm bài thơ để phúng anh. Thiệu mới nghĩ được câu đầu :

« Hôm qua sống mà hôm nay đã chết »

Cái vắn chết này thật là tử vận, Thiệu tìm mãi không ra câu dưới. Nhân không làm thơ nhưng lại nghĩ đến món nợ hai chục ngàn mà Văn đã mượn để sang căn nhà đang ở. Bây giờ Văn chết đi, chị ta một nách ba con, kiếm đủ ăn cũng còn chật-vật nói gì đến chuyện trả nợ.

Sáng thứ hai, ông chủ hăng của Văn lúc tới sở còn chưa biết tin. Không thấy Văn ở bàn giấy, ông cầu-nhầu :

— Lại còn tạt đi làm tô phở gà với ly cà-phê. Không mấy buổi là không đi chậm.

Trong khi đó, các bạn Văn tíu-tít kêu điện-thoại, bắt liên-lạc họp thành

từng nhóm, chia nhau đóng góp mua đồ phúng. Ai này đùn cho người khác công việc đi sắm lễ và mang lại nhà đám, chỉ xin về phần mình được đứng tên trong một danh sách chung.

Người ta đã đặt Văn trong một cái hòm kín mít. Anh tưởng anh sẽ ngột-ngạt khó chịu lắm nhưng không, nằm dài trên một lượt dầy giấy bản và bắc thông êm-ái, anh thấy rất thoải-mái và anh vẫn trông rõ hết những cảnh bên ngoài.

Nếu không chết đi như thế này, không bao giờ anh lại biết anh đã có một đời sống gương mẫu và được nhiều người thương tiếc đến như vậy.

— Người hiền lành, chu đáo quá, thế mà trời bắt tội.

— Ăn ở với anh em, chẳng ai mất lòng cả. Tính nết thật dễ dãi, việc gì cũng chín bỏ làm mười.

Tất cả những lời khen đó làm anh nửa sung-sướng, nửa nghi hoặc. Đúng là anh đã quá nghiêm-khắc với anh rồi, nên phải chờ người khác nói, anh mới biết là mình có bao nhiêu điều hay nết tốt.

Có ông đến phúng anh mà chỉ giương mục kính đi quanh nhà đọc các bức trướng đối, có bà ngấm đi ngấm lại đưa cháu gái của anh mà bà vẫn muốn hỏi cho con giai nhưng bà chưa có dịp nào xem mặt kỹ càng.

Tiếng kèn nghe mới khó chịu làm sao. Mỗi một người vào là nó lại tí tê, nức nở, chẳng ra tiếng khóc mà

cũng chẳng phải điệu nhạc. Nó cứ i eo dai dằng như thể từ sáng đến tối khuya làm Văn nghe kèn mà có cảm giác như bị ai cầm một cái lá dứa nhiều gai rồi nhay đi, kéo lại trên da thịt.

Kèn nổi lên, vợ con anh lại sụp xuống đáp lễ khách. Mấy đứa trẻ lúc đầu còn lễ một cách chăm chỉ, sau mỗi lần, chân xiêu vẹo, khấn một nơi, gây một nẻo.

Sáng hôm thứ ba người ta đưa Văn ra nghĩa trang. Anh chưa bao giờ được đi đứng một cách rảnh rang như vậy. Đời anh đã nhiều lần bức mình về chuyện kẹt xe, nay được làm cho sự lưu thông ứ đọng lại, anh tìm thấy một thích thú riêng.

Trên một chiếc xe hơi nọ, một đôi trai gái đang cãi nhau. Họ đang muốn đi thật nhanh ra khỏi thành phố để tránh những con mắt tò mò, thì bị nghẽn lại ở khúc này. Người con gái, cúi gằm mặt xuống :

— Đã bảo đi đường khác mà không nghe.

— Ai có ngờ đâu lại gặp cái đám ma chết tiệt này.

Một vài người cắt mũ chào anh mà dáng như lo ngại thiên - hạ không nhận thấy cử chỉ lịch sự của mình.

Anh ngoái lại đằng sau nhìn đám người đi theo xe tang. Chị Văn lê lết trên đường, lưng gập xuống như phải vác một cái gì quá nặng. Thằng Tùng đi bên mẹ. Nó đã khá lớn nhưng mới chỉ hiểu một cách mơ hồ là gia đình

nó đang trải qua một biến cố. Thằng Long, con Bích vẫn nhớn nhơ như không, coi việc bỏ chết chẳng khác gì bỏ đi chơi xa.

Các bạn anh quần áo chỉnh tề, nét mặt trầm ngâm, tưởng như sắp làm việc gì quan-trọng lắm.

Đào đi lên, đi xuống, chỉ huy mọi việc. Thiệu vẫn ậm ạch với bài thơ chưa làm xong. Nhân ngờ ngác về món nợ Văn chưa thanh toán. Cầu bầm ngón tay cái lên mấy ngón kia rồi quay sang nói với người bên cạnh :

— Tôi xem tử-vi hắc thì chưa việc gì mới phải. Có Kinh, Đà, Không, Kiếp thật nhưng ngộ Triệt.

Sơn ghé vào tai Tường dáng điệu rất bí mật :

— Cậu xem nghị-định thắng thưởng đã ký chưa ? Có thấy tên tớ không ?

Mỗi nhóm nói một chuyện nhưng tất cả đều sốt ruột mãi chưa thấy đến trạm nghỉ — Trời đã nắng gắt và mồ-hôi bắt đầu đổ giọt làm người ta ngửa ngửa trên lưng.

Hải bước uể oải, chậm dần, chậm dần, đang hàng trên tụt xuống dưới, rồi vừa lúc đến chỗ rẽ nhảy ngoắt lên hè, quay lưng trở lại, nét mặt thần-nhiên như mình không có dính-dáng gì đến đám người đang đi.

Đám ma tới nghĩa-trang, người ta đặt Văn cạnh huyết đã đào sẵn. Miệng huyết đen ngòm và sâu thẳm như sắp nuốt lấy Văn. Ngay bên là đồng đất đầy ù đang chờ đợi xóa trùn mọi vết tích của một cuộc sống.

Thân-nhân của Văn tự nhiên khóc rống lên chẳng khác những con thú bị thương. Con đường mọi người đi tiền Văn đã dừng sững lại trước cửa huyết này.

Đã mấy hôm nay, Văn vẫn đùa nghịch với cái chết của mình, nhìn lại người sống, nhìn lại cuộc đời với con mắt giễu cợt. Nhưng trước miệng huyết, anh mới chợt thấy cái chết nghiêm khắc phủ phàng hơn anh tưởng.

Chim chóc riu rít ngoài trời, một cái máy bay vừa cất cánh ở phi-trường gần đây, những tiếng ồn ào của thành phố nhịp-nhộn, tất cả những âm thanh đó dội vào tai Văn làm anh thấy mình thêm thuổng cuộc đời như một người uống chưa đã khát.

Những người phu đòn không để anh nhớ tiếc lâu. Họ bỏ thông anh xuống huyết, lấp đất vào, dận thình-thình trên ngực anh. Những hòn đất mà bạn bè thân thuộc ném lộp-độp lên trên anh như còn muốn dìm anh xuống sâu nữa trong lòng đất.

Một màn đen tối-xám phủ chặt lấy mắt anh. Anh không trông thấy gì nữa. Anh cũng không nghe thấy gì nữa. Một sự im lặng mênh mông như từ vạn cổ trôi về cuốn anh đi mất. Thề là hết. Hết hẳn.

*
*

Văn sợ quá giật mình tỉnh dậy, bàng hoàng một hồi lâu, rồi mới chợt nhận ra mình đã ngủ quên đi và đã nằm mê trong giấc ngủ.

Ngoài trời, ánh sáng chói lòa, sức sống đang chỗi lên từ ngọn cỏ, từ búp cây. Mấy đứa con anh đang chụm đầu vào với nhau chơi chơi đùa. Anh lại gần các con, và chẳng có duyên cớ gì, phát lên mông mỗi đứa một cái. Anh vào trong bếp — Vợ vẫn đứng làm cơm và đang gọt củ đậu (củ-sắn) nhanh thoăn-thoắt. Anh đưa một tay ra đập vào lưng vợ, còn tay kia nhặt một miếng củ đậu bỏ vào miệng nhai ngau ngáu. Chưa bữa nào anh thấy củ đậu ngọt và mát như hôm nay.

P.V.T.

VOYAGEZ PAR QUADRI-MOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS - RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON - SAIGON

TÉL: { 22.102
SGN.34

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaouv Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

SAIGON

135, *Đại-lộ* NGUYỄN - HUỆ
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. E 5

PHNOM - PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(Ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B. P. 122

Succursale de Hongkong

8/8 *A Queen's Road Central*

Tel. 21.000 et 23.000

P. O. Box no 763

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

VƯƠNG-LONG

(WANG LUNG)

PEARL. S. BUCK

NGUYỄN (dịch)

(Xin xem từ B.K. số 83)

TỪ hôm đó trở đi anh ta ghét tất cả. Anh ghét đất đai đã làm anh tàn đời, bắt anh phải làm lụng càng ngày càng cực nhọc. Anh ghét hàng xóm láng giềng mà anh không làm sao bày tỏ được nỗi lo sợ của mình; anh ghét người làng người nước vì họ an phận thủ thường chịu sống như tổ-tiên của họ, mặc áo thô ăn cơm gạo đỏ suốt đời. Anh ghét đô-thị vì phố xá đầy rẫy những hạng người nhàn hạ, vô tư lự.

Niềm oán giận càng tăng, sự sợ hãi giảm dần. Anh chẳng còn nghe thấy nói đến Cách-mạng và anh lại càng bức tức vì không còn hy-vọng gì kẻ nghèo sẽ trở nên giàu có nữa. Anh nghĩ đến bọn giàu có mà phát ghét. Mỗi năm một lần theo tục lệ anh đến chúc mừng các bậc hương cả, anh thấy cửa thì treo màn lụa, ghế chạm lại có đệm bọc nhiều. Cả đến bọn tôi tớ cũng ăn mặc lượt là. Còn cái thân anh thì từ thuở nhỏ đến giờ chưa hề được nói đến

lụa là, anh chỉ dám nhìn trộm ở hàng vải và biết rằng nó mịn màng lắm mà thôi.

Còn cái lũ ngoại-quốc, gã trẻ tuổi bảo họ là những kẻ giàu hơn hết. Dạo này ở tiệm trà thỉnh thoảng anh nghe thấy những lời bàn tán về họ. Họ ngồi ghế vàng, bàn bạc. Họ dấm lên thắm như không chẳng khác nào như dấm lên cỏ dại lẽ đường. Giường họ trải gấm nạm kim-cương. Bọn cự-phú! Anh lại càng ghét cay ghét đắng bọn người ngoại-quốc kia. Thật là bất công, trong khi họ sống như đế vương mà lại có những người Trung-Hoa nghèo như anh. Mới đầu anh chỉ ước sao kẻ nghèo trở nên giàu có, nhưng nghĩ đến những bất-công anh phải chịu, anh lại càng mong cho bọn giàu có vong gia bại sản.

Cứ nghĩ ngợi lan man mãi như thế, anh làm việc kém hân dỉ. Vì anh không quen suy nghĩ nên anh không thể nào vừa cuộc mà lại vừa nghĩ cùng một lúc. Thành thử lúc nào nghĩ lung quá anh bắt buộc phải

ngủ tay. Vì làm lưng kém sút hẳn xưa kia như thế, anh đã túng lại càng thêm túng. đến nỗi vợ anh phải kêu lên :

— Tôi không biết moi bông ở đâu ra bây giờ để mà nhồi áo lạnh. Làm chỉ đủ nhét vào mồm vào miệng còn có đâu mà lo được đến chuyện may mặc. » Câu nói làm anh giận lắm, giận đến cái độ anh nghiêng rặng kèn kẹt mà không hiểu vì sao.

Một hôm buồn bực quá anh quăng thúng mùng ở tiệm nước nhất định không thềm làm việc hôm ấy nữa, muốn ra sao thì ra, làm lưng mãi mà chẳng thấy gần gũi được sự giàu có chút nào cả. Anh ngồi vào bàn kê ngay cửa, gọi một bát nước chè. Cùng bàn có một người nữa. Một thanh niên mặc áo dài đen, tóc ngắn chải dựng ngược. Vừa lấy khăn lau mặt hẳn vừa nhìn Vương-Long mà nói dụi dằng :

— Đồng chí làm-việc cực-nhọc quá.

Vương-Long thở dài kéo chiếc áo xám vá chằng vá đụp — mà anh đã cời ra vì nóng bức — lên vai và đáp :

— Thật vậy tiên-sinh ạ. Nhưng mà biết làm thế nào ? Thóc gạo thì như vậy mà nhà thì đầy những đàn bà vô tích sự phải nuôi, tôi phải làm quần quật tưởng đến róc xương róc da ra tiên-sinh ạ.

Gã thanh-niên cúi sát Vương-Long thì thào : « Bác nghèo quá, nghèo xác nghèo xơ, thế nào rồi bác cũng giàu ».

Vương-Long lắc đầu. Anh ta không muốn để mình lại bận tâm về cái chữ « giàu » thốt ra từ miệng lưỡi gã trẻ tuổi này nữa. Anh rót bát nước chè, húp suýt soạt, thăm cảm ơn hơi nóng của bát chè làm ấm thân thể gây lạnh của mình một cách nhanh chóng.

Gã trẻ tuổi tiếp :

— Bác làm lưng vất vả mà phải chịu đói khổ trong khi những kẻ khác ăn chơi rộng rãi mà lại sống thừa thãi.

Vương-Long buột miệng :

— Đúng thế.

— Thế mà bác lại là người tốt, xứng đáng hơn họ nhiều.

Vương-Long lại lắc đầu, tủm tỉm cười.

Gã trẻ tuổi quả quyết : « Đúng thế, cứ trông vẻ mặt thực thà của bác cũng đủ rõ. Bác cho phép tôi rót thêm tuần nước ». Hẳn đứng dậy rót nước chè vào bát Vương-Long một cách lễ phép như thề áo của anh ta là áo mới và lành lặn.

Vương-Long đứng dậy cảm ơn, bụng bảo dạ :

— Cậu ta tinh đời thật ! Biết ngay mình là hạng người khá.

Anh ta nói lớn :

— Thưa tiên-sinh, chẳng hay lâu đài của tiên-sinh ở tại đâu ?

Nhưng gã trẻ tuổi đáp :

— Ồ không, tôi cũng là dân nghèo mà bác. Nhưng tôi đến đây để báo cho bác và bạn bè của bác biết là các bác sắp giàu có đến nơi rồi. Lúc quân cách mạng tiến vào thành phố.

Vương-Long lật đật đứng dậy nói ngay : « Tôi không có làm cách mạng. »

Gã thanh niên hạ giọng mơn trớn : « Không, không, bác là người tốt. Tôi biết. »

Vương-Long lại ngồi xuống. Bấy giờ bầu không khí ngọt ngào trở thành giá buốt trên làn da râm rấp mồ hôi của anh. Anh quần chặt cái áo vào người.

Gã thanh niên nói : « Bác nghèo quá. Thật tôi thương bác không biết đề đâu cho hết . »

Vương-Long cảm thấy tủi cho thân phận mình. Từ trước tới giờ chưa có ai thương hại anh. Có kẻ lại còn cho anh là tốt phước, vì dù phải làm lưng vất vả, nhưng vì là con một nên chẳng chóng thì chầy anh sẽ là chủ nhân sáu mẫu ruộng và căn nhà vách đất ba gian. Thành thử chỉ mới nghĩ rằng có người nhận thấy anh nghèo túng vất vả, đáng thương mà nước mắt anh trào lên. Anh nói lạc cả giọng :

« Vâng đúng thế . »

Gã trẻ tuổi tiếp :

— Thế thì thật là bất công, bác là người giỏi giang. Tôi biết. Bác xứng đáng được hưởng cảnh giàu sang. Tôi xin phép được nhắc lại lần nữa như vậy. Cơ-hội mà bác đang tới. Khi quân Cách-mạng vào thành kẻ nghèo sẽ trở nên giàu có, kẻ giàu sẽ lụn-bại nghèo túng.

« Sao ? » Vương-Long cúi về phía trước lắng nghe câu trả lời vì hai người nói rất nhỏ.

Hắn thì thào : « Bọn ngoại-quốc chúng nó giàu nứt đổ đổ vách. Chúng nó quăng bạc đi, chỉ đeo toàn vàng. Tường của chúng nó xây toàn bằng vàng. vàng chúng nó cướp của dân Trung-Hoa mình. Hơn thế nữa lý gì chúng nó lại cứ ở lì trên nước mình chứ ? Sao chúng nó không về nước ? Chúng nó vơ-vét hết cả vàng thành thử bác và tôi mình trần thân trụi. Khi thấy quân Cách-mạng tới, bác hãy sẵn-sàng ! » Gã thanh-niên đứng ngay dậy rời khỏi tiệm nước.

Vương-Long, hồi tưởng lại những chiếc đầu lâu anh đã thấy, chẳng buồn ghi nhớ

những câu nói của hắn ta. Chỉ có những lúc nghĩ tới số vàng của những kẻ khác nhất là lũ ngoại nhân lẽ ra không có quyền hưởng-thụ, là anh cảm thấy cay-đắng xót-xa. Anh tự nhủ thầm : « Chắc-chắn là họ có hàng hòm áo dài xanh như của mình » và bỗng nhiên dường như anh lại thấy chiếc áo dài xanh với tất cả vẻ đẹp lúc ban đầu, và anh thẩn-thờ về cái sự ấm áp và bóng-bầy của nó.

Mãi hơn một tháng sau anh mới nghe nghe phong thanh là quân Cách-mạng đang tiến tới thành phố. Anh không quên lời gã thanh-niên đã nói : chắc là những lời đồn đại bao năm về cách-mạng rồi thế nào cũng thành sự thực. Một hôm trong khi anh ta đang đôi co với khách hàng về một kí cái bắp, thì có người nói nhỏ bên tai : « Mười ng y nữa, chuẩn-bị. »

Quay vội lại, Vương-Long thấy đó là gã thanh-niên đã rũ lòng thương xót anh ta bữa nọ. Chắc đúng là hắn nói nhưng không dừng lại, người khách hàng sốt ruột kêu :

« Hai xu đồng vậy, đồ bắt hết ! »

Vương-Long bắt buộc phải đáp như mọi khi :

« Không được ! Không thề dưới 4 xu, tôi chưa chết đói đâu mà cần. »

Anh ta tự nhủ thầm :

« Mười ngày ? Được đề chờ đến ngày ấy xem sao. »

Thế là anh ta cứ phấp phồng chờ đợi. Nhưng chẳng bao lâu đã có những dấu hiệu chứng tỏ là sắp có chuyện. Quân đội hết toán này đến toán khác lũ lượt kéo vào thành như nước chảy.



Anh ta kinh ngạc, nhìn đoàn quân vô tận đi ngang tiệm nước, anh hỏi gã hầu sáng :

« Cách-mạng đấy hả ? »

Gã hầu sáng lờm cho anh ta một cái nhen thân, xì xào :

« Im, sao mà ngu thế ? Bác muốn cả lũ rơi đầu hả ? Bác không trông thấy xương xẩu họ to lớn, không nghe thấy họ nói tiếng líu-ríu trong cồ hòng, không thấy họ chỉ ăn bánh mỳ mà chê cơm à ? Đây là dân miền Bắc, bọn phản cách-mạng đấy, sợ những thằng ngu đại như bác bêu đầy rẫy ở cầu ấy ».

Rồi thừa dịp cúi xuống lấy cốc, gã rời tai Vương-Long :

« Bảy ngày nữa, chuẩn-bị », đoạn hấp-tấp bỏ đi. Lại câu ấy nữa ! Vương-Long sửng-sốt. Chuẩn-bị cái gì cơ chứ ? Lúc này anh bối rối quá, suốt ngày anh chả dám nói với một ai, anh cứ lăm-lúi bán hàng, tránh những ngã đường lữ người áo xám đang trải qua.

Thế rồi xẩm tối hôm sau, một tiếng nổ kinh-khủng từ trên trời dội xuống. Sấm sét di-dùng, đất cũng phải rung-chuyển. Anh đang ngồi ăn cháo ở bàn với bố và ông, trong khi vợ anh và mấy đứa con gái ngồi đợi. Anh bỏ đĩa xuống để nghe cho rõ hơn, có hai loại tiếng nổ, một loại kêu rất lớn nhưng cách quãng, còn loại kia thì kêu pấp-pấp-pấp liên-tục, làm anh khó chịu vì chưa hề nghe thấy một thứ tiếng gì giống như thế cả. Anh đứng dậy định ra xem nhưng rồi vì nhát gan anh quay ra truyền : « Bu nhà nó ra xem xem cái gì thế ».

Chị vợ len-lét bò theo ven tường ngó ra ngoài. Một vật gì không biết giáng xuống chỗ đất ở gần chân chị ta làm chị ta ngã bở chừng.

Đất bắn tung tóe theo hình rẽ quạt rơi rào rào vào bàn và thức ăn. Hết thầy mọi người đều hết hồn hết vía. Vương-Long chạy ù ra đóng sập chiếc cửa gỗ, gài then cho thật chặt. Cả nhà ngồi trong bóng tối, không dám thắp cả đến một ngọn đèn dầu, lắng nghe tiếng đất rơi rào rào trên mái ngói và những âm thanh xé tai vang lên trong đêm.

Vương - Long bắt mẩn nhủ thầm : « Cách-mạng là thế đấy hả ? Thế thì chết sạch cả lũ, đời mình đến đi dứt vì cái áo xanh ».

Nhưng sáng hôm sau những tiếng nổ xa dần. Vương-Long ló đầu nhòm ra ngoài và tức nghẹn đến cổ. Tất cả những luống rau của anh đều bị sới nát lổ chỗ và bị đất vùi hồng cả. Anh chạy ra mắng trời chửi đất, quên cả niềm sợ hãi đêm trước trong cơn tai biến nay giáng xuống đầu xuống cổ anh. Anh lượm nốt vài cây bắp cải còn sót lại. Cả chỗ ấy chưa được đến một thúng. Anh lừ đừ bước vào nhà.

Anh rầu rĩ bảo vợ :

« Cơ ngơi này thì đến chết mất thôi. Ít nhất sang tháng củ cải mới đủ lớn. Biết lấy gì mà ăn đây ? »

Vợ anh ngồi trên chiếc ghế dài, đu đưa thân mình, lấy tay chùi mắt, thút thít : « Thật tôi muốn chết đi cho rảnh. Suốt một đời tôi chưa được biết sung sướng là gì. Nhưng còn cái rau cái củ để bán thì còn có cái mà nuôi miệng. Bây giờ rập nát cả rồi, chỉ còn nước ngồi rã họng ra mà chờ cho củ cải đủ lớn.

Vương-Long ra tỉnh, lòng hết sức chán-chường. Nhưng đi chưa được một phần ba chặng đường, anh ta đứng sững lại kinh hoàng. Một thầy người nằm ngáng giữa đường ! Anh dương mắt nhìn, nghi hoặc. Máu người đàn ông lan trên cát, mép vung máu cong lên. Để người ta bắt gặp mình đứng bên xác chết là điều chẳng nên. Trong lúc ngừng đầu lên để bước qua, Vương-Long kinh hoảng vì thấy đến hơn một chục cái thầy co quắp nằm chồng chất lên nhau. Để thường tất cả dân thành phố đã bị sát hại trong cơn thịnh nộ của trời đêm qua ? Anh chạy dứt cả hơi qua cổng thành và thấy một đám đông hò hét, hát ngêu ngao đi nườm nượp trên đường phố.

Vương-Long gào lên hỏi những người đi gần phía anh : « Gì thế hở ? cái gì thế hở ? ». Nhưng họ như điên như dại, chen-lấn, xô-dầy và Vương-Long thấy mình bị cuốn vào giữa đám đông và vẫn chưa được trả lời. « Gì thế hở, cái gì thế hở ? » anh tiếp tục gào lên. Nhưng chả một ai bảo anh, và anh không còn có thể tiến hay lui theo ý mình được nữa. « Sao sáng nay mình không bảo con mẹ đi chợ cơ chứ ? » anh ta lăm-băm một mình.

Rồi anh ta nghe thấy một giọng khàn-đặc : « Lối này đến nhà bọn cự-phú ! Lối này đến nhà bọn ngoại quốc ! ».

Ngay lúc đó anh biết là có chuyện gì xảy ra rồi. Cách-mạng đây mà. Tim đập rộn rã, anh để mặc mình trôi theo đám đông, chỉ cố giữ sao cho khỏi bị chà đạp. Giữa đám đông là quân đội, nhưng không phải là những lính chết ở vệ đường. Những người này thấp lùn, gầy gò. Họ hò theo một nhịp :

« Tiến — tiến — giàu — giàu ! »

Anh xây xăm cả mặt mày. Anh chịu chả hiểu tất cả những cái này là thế nào, và đã có những chuyện gì xảy ra. Nhưng anh cứ chạy tới với những người khác, mãi cho đến lúc tới trước một cái cổng cao giữa những bức tường gạch. Căn nhà ở trong một khu phố mà anh ta không nhận ra. Trước kia chẳng bao giờ anh dám tơ tưởng có ngày qua vòm cổng ấy như thế này. Nhưng hôm nay bị đám đông cuồng nhiệt tảo tợn lôi cuốn, anh cảm thấy anh có quyền làm bất cứ chuyện gì.

Hai người lính sấn lên trước và dùng báng súng phá cổng. Anh giương mắt nhìn những người lính, mặt họ đỏ như uống rượu, mắt họ long lên sòng sọc và lóng lánh như thủy-tinh. Họ nện rầm rầm mãi cho tới lúc một mảnh ván bật tung ra. Bây giờ họ mới quay lại phía đám đông. « Bây giờ tất cả là của các bạn », họ nói lớn. Người nghèo sẽ giàu có, kẻ giàu sẽ nghèo khổ. Cách-mạng vạn vạn tuế ! »

Nhưng đám đông dừng lại chần-chừ giây lát. Rồi những kẻ táo gan nhất trong đám người cuồng-nhiệt ấy lách qua lỗ hồng và mở cổng, sau đó đám đông lừ-lừ tiến vào. Vương-Long ở phía ngoài rìa, sau khi len-lách được qua cổng anh đứng thẳng người và tò-mò nhìn thăm cỏ chữ nhật viền cây và một rẫy hoa muôn sắc. Chốn đó thật sạch và tĩnh, không có một bóng người.

Đám đông tản-mát đi về phía căn nhà hai tầng ở cuối tường. Hầu như không có một ai biết phải hành-động như thế nào. Nhưng hai người lính nhẩy lên mấy bậc gạch và đập cửa. Ngay lúc đó có người

mở ra. Vương-Long trông thoáng thấy dáng-dấp một người cao lớn, ăn mặc lạ-lùng và một khuôn mặt bình tĩnh trắng muốt.

Thế rồi đám đông bỗng chực cả lại và tràn vào nhà với những âm-thanh lao-xao bất-tuyệt và lớn như tiếng rống của một con thú trước miếng mồi. Nghe thấy nó, Vương-Long bỗng bị xâm-chiếm bởi một ham muốn mạnh-mẽ gấp bội cái lòng ham muốn miếng cơm manh áo. Anh đột nhiên dữ-tợn hơn một con chó đại và chửi thề như mọi người, anh chạy tới, xô đẩy và chen lấn qua cánh cửa hẹp. Vào đến trong nhà, họ đứng sững lại rồi ủa lên gác.

Tại đó đám đông tản - mát ra, họ chỉ còn là những con thú riêng rẽ tranh-giành một chiến-lợi-phẩm chung Vương - Long cố giành-giật vơ-vét, mặc dầu chẳng có lúc nào anh rõ là mình đang giành giật cái gì. Bao nhiêu thứ chạy qua tay anh : vải, thủy-tinh, giấy, gỗ. Một lần thoáng thấy một mẩu bạc anh vồ lấy, nhưng khi bị giật mất, anh lại quên phứt đi mất và lại vớ được món đồ khác. Anh ta thôi không vơ quàng vơ xiên nữa, và để ý đến những vật đáng lấy hơn.

Mạch máu chảy rần rật, mắt anh nóng bỏng và mờ đi, và cũng như mọi kẻ khác anh luôn miệng hò hét như mê sảng. Lòng tham của anh lớn đến cái độ tâm-hồn anh không còn khoảng trống nào cho các tình-cảm khác. Mỗi lúc một cửa tủ mới hay một ngăn kéo mới được cậy hay mở ra là hàng chục người vật lộn nhau sà xuống, đánh đấm nhau, giành giật và giằng xé. Mặc dầu tay đã đầy những đồ vật, anh quăng đi hết và cuống cuống vơ vét những thứ vừa thấy.

Và rồi, vụt một cái, như một cơn gió mạnh cuốn qua trong một ngày hè, đám đông ùa ra. Vì là một trong những người đầu tiên đặt chân vào nhà, nên bây giờ anh là người chót rời khỏi nơi đó. Anh ta nhận thấy mình rơi lại một mình ở phía sau và như một người tỉnh ngủ, anh nhìn quanh. Căn buồng trơ trụi chẳng còn gì trừ hai cái ghế gãy, một cái bàn nhỏ và một cái tủ có ngăn với những lỗ hồng trống huếch trống hoác vì ngăn kéo đã bị lôi ra cả.

Lúc bấy giờ anh mới hoàn hồn. Anh làm gì ở đây thế này ? Đây là một căn nhà của người ngoại-quốc mà. Anh nhìn hai cái ghế. Chúng đều đóng bằng gỗ thường. Cái bàn cũng vậy, nó làm bằng thứ gỗ tạp chứ không phải bằng vàng, như họ bảo anh. Mặt tường quét vôi trắng xóa và đề trần, sàn thì bằng gỗ xấu phủ một lớp nước sơn.

Lần đầu tiên anh tò mò nhìn những đồ vật trong tay anh. Đây là một bộ quần áo trẻ con bằng vải trắng, một chiếc giày da lớn, hai cuốn sách gáy cứng chỉ chít những chữ kỳ quặc và một cái ví nhỏ rách đựng một đồng Nguyên và mấy đồng xu đồng. Chẳng có cái quái gì na ná như cái áo dài xanh cả.

Anh thở dài và bỗng nhiên thấy mệt phờ, anh quì xuống gói ghém chặt chẽ những món vừa rời lại và quay xuống thang. Hồi nãy anh lên thang dễ dàng và cứ băng băng đi, nhưng bây giờ anh thấy nó trắc trở và xa lạ, vì từ thuở đề chồm đến giờ anh nào có đặt chân lên cầu thang bao giờ. Anh chuyển bọc đồ sang tay kia và bám lấy thành cầu thang mà lò dò đi xuống. Anh mệt phờ người.

Dưới nhà vẫn còn vài mụ đàn bà nhặt nhạnh những món đồ do kẻ khác làm rớt trong lúc vội vàng. Vương - Long dừng lại, nghĩ thầm may ra anh ta có thể tìm thấy vật gì đáng giá chẳng. Nhưng chỉ có những sách là sách la liệt khắp nơi và vài ba cái ghế gỗ, một cái bàn gỗ và một bức ảnh rách bướm bị giày xéo, chả còn xó xỉnh nào có món gì quý giá nữa. Anh thấy một manh vải xám và dừng lại, trong khi hành-động như vậy, anh thấy có một nhóm lơ thơ vài người ở buồng trong.

Họ là những người anh chưa hề thấy bao giờ, một người đàn ông, một người đàn bà, 2 đứa trẻ con, đứng chụm lại với nhau. Quần áo họ tả tơi lem luốc, áo của họ rách không còn một mảnh. Người đàn bà choàng một mảnh vải quanh vai, Trán người đàn ông bị đứt một vết, một giòng máu nhỏ giọt xuống một bên mặt trắng muốt. Vương-Long chưa bao giờ trông thấy máu đỏ đến như thế.

Anh thần người ra nhìn họ, và họ im-lặng nhìn anh đăm đăm, cả đến đứa bé cũng không hé môi. Anh thấy khó lòng chịu nổi cái nhìn ấy. Anh ngoảnh mặt đi rồi lại liếc lại, anh thấy người đàn ông nói gì bằng một thứ tiếng kỳ lạ. Người đàn bà mỉm cười chua chát, và cả ba người tiếp tục nhìn anh đăm đăm với những cặp mắt sáng long lanh.

« Những người này không biết sợ là gì ! » Vương-Long nói lớn, và rồi, nghe thấy chính tiếng mình, anh bỗng dưng hồ thẹn chạy bỏ ra khỏi cổng.

Đường sá vắng tanh, nhưng ở phía xa anh vẫn còn nghe tiếng hò reo của

đám đông. Sau một hồi lưỡng-lự, anh trở gót và mạnh - dạn bước về làng. Vẫn xác những quân - nhân ngồn - ngang trên lộ, và ruồi nhặng bắt đầu bu lại từ lúc mặt trời chói chang. Dân quê nổi đuôi nhau lên tỉnh. Họ hỏi Vương-Long mấy lần là ở trên ấy có chuyện gì xảy ra, nhưng anh ta chỉ lắc đầu. Anh chán ngán tất cả. Anh chẳng còn thiết đến cái gì nữa.

Khi tới nhà, anh đặt gói đồ lên án và bảo vợ :

« Phần của tao trong cuộc Cách-mạng đây ».

Anh vào phòng trong và gieo mình xuống giường. Anh không còn nhớ được gì cho rõ-rệt cả trừ cái nhìn trong-trẻo kỳ-dị của những cặp mắt xa lạ kia. « Họ thực không biết sợ là gì », anh lầm-bầm nói với mình. Đoạn anh trở mình nằm ngửa và nói : « Mình cũng chẳng tin lũ họ là những kẻ giàu có ». Trong phòng ngoài kia anh nghe thấy vợ anh nói lớn : »

« Những cuốn sách này chẳng dùng được vào việc gì cả, chỉ làm đến để giấy là hết, nhưng ít ra đồng Nguyên này cũng đủ nuôi sống nhà ta cho đến lúc củ cải ăn được, »

NGUYỄN

**SOCIÉTÉ FIDUCIAIRE
DU VIETNAM**
55 Đường NGUYỄN-HUYẾ. SAIGON
Agent Exclusif
POUR LE VIETNAM ET LE CAMBODGE



LIEN-XA CÔNG-TY
95, ĐƯỜNG THÔNG-CHẾ DE MATTRE DE TASSIGNY - SAIGON
DISTRIBUTEUR POUR LE VIETNAM

Continental



GIẬN NHAU

Hồi chiều hai đứa giận nhau
Chỉ vì... một bát canh rau giấm nhiều
Hành xào, em lỡ quên tiêu
Và anh quá vội chế liều mấy câu
Chê rằng: « Em nghĩ đâu đâu,
Chẳng bằng cô Thủy, kém sau cô Hoàng... ! »
Vùng vằng, em xuống nhà ngang
Dần đĩa trên bàn, nước mắt rung rung...

Giận em ; anh giận vô chừng,
Anh sang thăm bạn, tối không về nhà.

Bây giờ có lẽ canh ba
Anh còn thao thức nhớ nhà, nhớ em
Chiếc giường trống trải trong đêm
Thiếu hơi quen thuộc càng thêm lạnh lùng.

Đêm đen thăm thẳm vô cùng
Nỗi buồn lan cả một vùng xa xăm
Nhớ em, anh chẳng yên nằm
Lầu hồi từng bước về thăm phà mình.
Nhìn qua tấm liếp rung rinh
Bên đèn, em vẫn lặng thinh ngồi chờ...

Thương nhau, đừng trách vẫu vơ
Đừng chê canh nhạt, đừng ngờ cá thiu
So đo ít, kính nhau nhiều,
Để không còn bữa cơm chiều giận nhau !

Hài-Hương

TRUYỆN-NGẮN

ĐÔI MẮT

☆ PHẠM-PHẠM



Đề tặng anh HUY-LỤC,
tác-giả bài thơ **Đôi Mắt**

VÀO quá nửa đêm, hai con mèo của nhà ai không biết lại đề trên trần nhà của Lân mà hện nhau kéo tới cán lộn. Ở đây, chúng quật nhau rầm rầm và gào thét um sùm.

Lân giật mình tỉnh thức giữa những tiếng động đầu tiên này. Bực dọc vì giấc ngủ bị phá quấy, Lân tức mền ngồi dậy. Rồi mắt nhắm mắt mở, Lân ngó lên nóc mùng mà la :

— Mèo, Hùi, hùi... Mèo, mèo.

Mặc cho chủ nhà la, hai con mèo cứ tỉnh rụi mà tiếp tục gào ó và đấu quyền ạch đụi trên đó. Lân hùi thêm vài lượt nữa. Nhưng... vô hiệu quả. Lân bó gối, thôi ngó nóc mùng và than dài :

— Ừ hự. Mèo vớ mớ. Không để cho ai ngủ hết !

Lân nói dứt câu thì tiếng mèo ấu-đả trên trần nhà cũng im bật. Chỉ trong nháy

mắt, Lân nghe xa xa, trên một nóc nhà kế cận, tiếng găm gù của hai con mèo phá làng phá xóm ấy. Thì ra chúng đã bỏ đi và bỏ đi cũng không phải vì nghe được tiếng than của chàng.

Lân thở ra một cái thoát nạn rồi nằm xuống. Vừa đặt lưng xuống, Lân thoáng nghe bên chiếc đi-văng của vợ con chàng ngủ — chiếc đi-văng này kê cách giường của chàng vài bước — có tiếng lục đục. Ban đầu, Lân tưởng là vợ chàng trở mình. Nhưng về sau Lân bắt mình lầm. Vì tiếp theo những tiếng lục đục đó Lân còn nghe thêm mấy tiếng á ba, á... ba, xen lẫn với tiếng tay vỗ mặt ván kêu bộp bộp nho nhỏ. Đúng là đứa con trai đầu lòng của chàng thức dậy. Nghĩ cũng ngộ ! Đã được mấy bữa rồi cứ cái giấc gần sáng là nó mở mắt ra chơi.

Lân nằm đó không nhúc nhích, tai nghe ngóng... Lạ không ! sao Lân không nghe vợ chàng cựa quậy hay lên tiếng chơi giỡn với nó hết như mấy ngày qua ! Lân nán đợi thêm một lúc nữa... Cũng không thấy vợ chàng động tĩnh. Sốt ruột, Lân ngồi dậy vén màn bước xuống đất đi chầm chậm qua bên chiếc đi-văng. Tới nơi, Lân dán mắt sát màn nhìn vào bên trong.

Ánh sáng của ngọn đèn chong treo trên vách chiếu xuyên qua lưới màn chụp tròn chiếc đi-văng cho Lân thấy : vợ chàng nằm sải tay, ngoẻo đầu, há miệng, ngáy pho pho ; chiếc áo bà ba của nàng không gài nút khiến hai vạt áo banh ra để phơi bộ ngực với hai chiếc nhũ hoa căng sữa no tròn. Bên cạnh mẹ nó, đứa bé nằm ngóc đầu nhìn lên ngọn đèn chong mà kêu á ba khơi khơi.

Lân đứng tần-ngần mà nhìn hình-ảnh này giây phút đoạn vệt mừng chui vào. Kể đó, Lân cúi người đưa hai tay xuống hai bên hông của vợ. Lân định đánh thức vợ chàng dậy để trách nàng vài câu về tội ham ăn ham ngủ bỏ con cháu ? Không. Lân không đánh thức vợ dậy và chẳng những vậy thôi, hai bàn tay kia của Lân lại cẩn-thận kéo hai vạt áo trước của chiếc áo bà ba dồn cục ở dưới đi-văng lên đắp kín cái ngực phơi trần của vợ để ngừa trúng gió độc.

Lân hành-động như vậy vì chàng biết rõ vợ chàng. Vợ Lân có tánh rất say thức. Ngủ thì ngủ vậy chớ ai khua động gì trong nhà nàng đều hay hết. Hôm nay nàng lại ngủ say như chết cho đến đổi mèo cắn lộn rầm rầm trên đầu mà ngủ vẫn ngủ. Như thế chứng tỏ vợ chàng quá mệt mỏi. Mà vợ Lân mệt mỏi thật. Trọn tuần-lễ này, đêm nào y như đêm này, đứa con lên năm tháng của Lân có cái lệ cứ vào khoảng ba bốn giờ khuya là nó mở mắt ra chơi. Giấc này là giấc ngủ ngon. Nhưng nó thức thì vợ Lân phải thức theo để giữ chừng nó. Và thức liên liên tiếp bảy đêm như vậy vợ Lân kiệt sức...

Sau khi đắp kín cái ngực cho vợ, Lân rón rén bước lên chiếc đi-văng. Bảy giờ Lân thay vợ mà chơi với con. Ngồi thu mình vào một góc trên chiếc đi-văng, Lân khom lưng ngó mặt con tróc tróc cái lưới và cười.

Thình lình nghe tiếng tróc lưới, đứa bé cất đầu cao thêm một chút, dáo-dác giương mắt ra tìm. Nó cũng chưa thấy Lân. Lân tróc lưới tiếp. Nó quính lên đến ngo-ngác mà trơ đôi mắt ra. Hiện thời Lân thấy gương mặt của nó dễ

thương lạ. Một chút cảm-xúc trong lòng. Thế rồi Lân gí mắt chàng lại sát mắt nó. Như thấy được chàng, vụt một cái nó mừng rỡ bơi lia hai tay trên mặt ván và cổ nhồi người trườn tới trong lúc miệng nó vừa cười vừa bập bẹ kêu á ba. Tuy-nhiên thân mình của nó vẫn đứng yên một chỗ như bị neo định dưới ván. Và lúc nó ngược mặt cổ bò tới, Lân chú-ý đến đôi mắt của nó. Lân lùi mặt ra một khoảng nhỏ, mọp người xuống ván rồi một tay chống cằm, chàng ngồi như con ếch mà ngó cặp mắt đó. Ban ngày chàng thấy nó không có gì đặc-sắc lắm. Nhưng hiện thời và cũng là lần đầu tiên về đêm nó làm chàng ngạc-nhiên. Tỉnh-táo, sáng rõ, đôi mắt của nó nổi bật lên khuôn mặt với hai tròng đen to lớn long lanh như huyền. Khi nhìn chàng, nó tươi lên và vui ra. Lân ngó say mê. Quả thật vậy, Lân thấy thương đôi mắt của nó quá. Lân thương nó không phải vì nó đẹp, vì nó giống mắt của mẹ nó mà vì nó có một vẻ ngây thơ và dịu hiền kỳ-lạ đến mức khó nói được. Chính cái hiền dịu ấy quyến rũ mắt chàng nhìn nó mà không biết mỏi. Ôi! thương làm sao những con mắt dịu dàng mà ở đó chưa có một tia lửa thù hận, một vàng mây sầu buồn, một ánh kiêu-xa hay một khoé đố-ky; và cũng là những con mắt không « linh-hồn », những con mắt chỉ biết nhìn để mà nhìn, những con mắt chỉ thấy chớ chưa hề phân-biệt được gì là người, gì là vật, gì là cây, gì là cỏ, gì là trời mây, gì là màu sắc...

Trong giây phút bỗng bột xúc-cảm, Lân ôm đầu con hun trơ hun trặc lên đôi mắt của nó. Đứa bé đột ngột bị ôm đầu phát giãy giụa kịch-liệt nhưng không khóc.

Đột nhiên Lân thoáng nghe có tiếng xe tắt máy ngừng trước nhà. Tiếp theo là tiếng cửa xe mở ra và ập vào rất to. Lân vẫn cứ hun con. Ngoài kia im lặng vài giây. Thành lình Lân buông đầu con ra vì vừa nghe có tiếng gõ cửa khá lớn. Lân ngồi yên, bụng hỏi thầm: « Quái! ai lại tới nhà mình giờ này cả? ». Rồi cái nắm tay của cánh cửa lắc mạnh. Lân bây giờ hơi lo vì vừa nghĩ bậy. Cái nắm tay của cánh cửa khua mạnh hơn, và có tiếng người gọi:

— Ba ời, Ba. Ba ời.

Tiếng kêu lớn thì có lớn, nhưng bị tiếng kêu á ba của con chàng xen lẫn nên khó phân biệt được quen hay lạ khiến bụng càng lo.

— Ba ời, Ba... Ba Lân ời. Ngủ thức? Mở cửa coi.

Hiện giờ, Lân thấy cần báo động với vợ chàng. Lân đưa tay dướm đánh thức vợ dậy, nhưng khi nhìn dáng điệu nằm ngủ mệt mỏi của nàng, Lân đâm ra ái-ngại... Cánh cửa bị lắc mạnh hơn nữa rồi tiếng gọi lại to thêm lên:

— Lân. Lân... Lân ời.

Tiếng kêu dập dồn khiến Lân bối rối. Và trong một cử-động vô ý-thức, Lân chụp đại một bàn chũn của vợ mà lay mạnh.

Đương ngủ say, vợ Lân giật mình ngồi dậy một cái thật lẹ, mặt ngơ ngác ngó chàng. Lân đưa một ngón tay lên miệng suýt một tiếng nhỏ như biểu vợ đừng lên tiếng rồi ghé miệng sát vào tai vợ xù-xì:

— Em, không biết ai lại kêu cửa nhà mình giờ này.

Nghe xong câu nói, vợ Lân run liến. Nàng níu vai chồng lại gần đoạn nói nhỏ :

— Anh. Coi chừng. Không khéo...

Mặc dầu câu nói của nàng đến đó bỏ lửng, Lân cũng ngầm hiểu ý vợ muốn nói gì rồi. Vợ chình muốn nhắc cho chàng nhớ đám cướp đã xảy ra cách đây mấy ngày ở cuối con đường chàng ở. Lân gật đầu và ra dấu cho vợ trông chừng con. Đứa bé từ nãy giờ bị bỏ quên vẫn vui chơi một mình. Vợ Lân bồng con lên tay, vạt áo, dứt vú vô miệng của nó. Nàng ngồi ôm chặt lấy đứa bé trong lòng mà hồi-hộp trong lúc Lân khoác mùng chui ra. Chàng nhón gót bước nhẹ ra cửa. Lân đến chỗ thì chỉ còn nghe tiếng lắc của cái nắm tay thôi. Bụng phập-phồng, Lân cúi đầu dòm vào lỗ khóa, hơi thở nén lại. Nhờ ánh sáng đèn đường hắt vào, Lân thấy một thân người mập-mạp đứng án-ngũ trước cửa nhà và ngoài ra không còn thấy gì nữa hết.

Bỗng nhiên cái nắm cửa ngưng khua-động. Người lạ mặt càu-nhàu lên mấy tiếng ồ-ề trong cổ họng rất khó nghe rồi quay lưng bỏ đi. Lân thở ra một cái nhẹ nhõm và vẫn còn dòm lỗ khóa để theo dõi hành-động của hắn. Khi hắn ta ra gần tới lề đường, bấy giờ Lân mới trông rõ nguyên người của hắn. Nhưng nhìn tướng đi của hắn, Lân vụt cất tiếng kêu :

— Ông Bảy. Ông Bảy. Cháu mở cửa đây.

Lân đoán không sai. Người mà chàng tưởng là tướng cướp đó không ai lạ hơn là Ông Bảy, người em của ông Ngoại chàng. Một tay làm cây có tiếng và rất sành-sỏi môn săn bắn. Và giờ này ông đến đây để làm gì, Lân đã hiểu rồi.

Nghe Lân kêu rân ở nhà ngoài, vợ chàng từ trong buồng hồi vói ra :

— Ai đó anh ?

— Ông Bảy. Ông Bảy, em à.

— Vậy à, Trời... vợ Lân nói tới đây thở ra rồi nín lặng.

Lân hồi-hả đi vặn đèn và lấy chìa khóa ra mở cửa.

Cánh cửa sịch mở, tai Lân đã rước ngay một câu :

— Dữ hôn. Ngủ gì mà tợ như chết vậy. Kêu cửa cả buổi mới chịu lên tiếng.

Lân cười hề hề rồi đứng vệt ra một bên để nhường lối cho ông Bảy đi vào. Ông Bảy bước vô nhà, miệng hồi liền :

— Còn ngủ thức ?

— Dạ thức. Hồi nãy giờ tụi cháu tưởng...

— ...Ăn cướp kêu cửa hả ? Ông Bảy cướp lời rồi cổ nói lớn tiếng cho vợ Lân ở buồng trong nghe :

— Tao là ăn cướp đây. Cháu Ba ngồi ở trông có nghe hôn ? Tao tới đánh nhà tụi bây đây.

Nói hết câu Ông Bảy cười dòn rụm.

— Dạ. Hai cháu không dám nói hỗn-hào vậy đâu. Dạ... Ông Bảy tới chơi, vợ Lân đáp.

— Không. Tao không tới chơi mà tới bắt cóc thằng. Cháu Ba có chịu không ?

Biết Ông Bảy vui tánh và hay cà-rỡn, vợ Lân dạ một tiếng rồi cười khúc-khích. Nghe vợ Lân cười, Ông Bảy nheo mắt với Lân.

— Mày thấy hôn ? Được rồi đó. Mày khỏi xin phép xin tắc gì với con nữa hết. Con cười là chịu rồi đó. Vô mang giày đi rồi đi bán với tao coi. Đi bán nai thiệt chớ không phải nai-hai-chưn đâu mà sợ.

Lân đứng lưỡng lự. Thật tình thì Lân cũng muốn đi bán lắm vì chàng ghiền nó như người ta ghiền thuốc lào. Nhưng nghĩ tới cái mặt mũi của vợ, Lân thấy không nỡ bỏ vợ ở nhà một mình và nhứt là lúc này.

— Ủa, ngộ không ! Làm gì mà đứng đực ra đó vậy ?

Lân ngó ông Bảy cười và ấp úng chưa nói ra được lý-do thì ông Bảy nhú mày hỏi :

— A, bộ ở đường này có ăn cướp đánh nhà nào rồi sao ?

— Dạ, mới có một đám cách đây mấy hôm.

— Hèn gì mà mày không muốn bỏ nhà đi với tao là phải. Thôi vô mang giày rồi đi coi.

Với câu nói trái ngược này, Lân nhìn ông Bảy chưng-hửng. Ông Bảy nhìn lại Lân rồi hứ một tiếng.

— Thi-sĩ giàu quá mà. Thế nào ăn cướp cũng đánh nhà tui bây hết. Nó đánh để lấy mấy cái tả cũ của con tui bây vì vợ của tui nó tới ngày lâm-bồn rồi.

Câu nói của ông Bảy chọc vợ Lân cười ngất ở trong buồng và vừa cười nàng vừa nói :

— Chắc không có gì đâu. Anh đi với ông Bảy đi. Em ở nhà một mình được mà.

Lân vẫn đứng ì ra đó để cho đầu óc dần co, nửa muốn đi mà nửa lại không. Thấy vậy, ông Bảy tấn-công bằng cách mỉa mai :

— Phải mà, hai đứa bây dư ăn dư để cho đến đổi tháng nào cũng chạy lại nhà tao mượn tiền hết. Mà ăn cướp đời này nó khủng như tui bây vậy đó. Nó lựa nhà nào như nhà tui bây mà đánh để rui ro có gì ở tù chơi.

Câu nói của ông Bảy khiến Lân chợt nhận ra cái sợ của chàng là vô lối. Nhà thì thiếu trước-hut sau mà đi lo sợ ăn cướp viếng nhà. Lân sợ như vậy có lẽ tại tánh chàng quá nhát nên đâm ra thiếu suy-nghĩ. Bây giờ Lân yên tâm. Rồi để cho đỡ ngượng, Lân ngó ông Bảy mà cười hì hì.

— Nghe được rồi sao ? Ờ, vậy thì đừng có đứng đó chớ.

Vợ Lân phụ họa theo :

— Đi đi anh. Anh để ông Bảy nói hoài sao ?

Thế là Lân ra đi với ông Bảy, sau khi thay đồ và căn dặn vợ vài điều cần thiết.

*
*
*

— Minh đi bán đâu đây, ông Bảy ?

— Bến Vĩnh.

— Lại chỗ hôm trước nữa. Có gì đâu mà bán.

— Không. Minh bữa nay khỏi phải đi xe bò vào đó nữa.

— Chỗ khác... Nhưng đi bộ có xa không ?

— Độ mười, mười lăm phút.

— Không khéo lại uống công thức đêm.

— Kỳ này thì chắc mềm như ba bó một gia vậy. Tao đã dò đường đất rồi. Vì liên

tiếp ba hôm tao theo xe chở củi từ trong rừng ra Bến Vĩnh chuyển nào tao cũng gặp thịt hết.

— Mền ?

— Không, nai. Lớn bằng con bò tơ vậy đó.

Ngã lưng vào thành ghế, Lân vươn vai thở ra một cái khoan khoái và nói :

— A ha ! Thế là ngày mai vợ tôi khỏi tốn tiền đi chợ mua thịt rồi.

Ông Bảy bật cười. Ông cười vì thấy rõ tâm - trạng của Lân, một con người túng thiếu, mà lúc nào cũng nghĩ đến cái ăn cái mặc. Lân không cười và câu chuyện giữa hai người tới đây bế-tắc.

Chiếc xe hơi chở ông Bảy và Lân bấy giờ đã ra khỏi thành-phố Saigon và phóng mau trên con đường đi Biên-Hòa.

Lân ngồi ngó ông Bảy lái xe. Chàng thầm phục ông Bảy. Tuổi của ông đã ngoài năm mươi mà vẫn còn sức khỏe chịu đựng thức đêm và mắt còn sáng để lái xe vững vàng trong đêm tối với một tốc lực khá nhanh.

Tiếng máy xe nổ đều đều và êm ru cùng với gió mát từ bên ngoài thổi vào, Lân nghe nó dễ buồn ngủ làm sao ấy. Mà quả đúng vậy. Khi chiếc xe gần tới chợ Thủ-Đức thì con buồn ngủ trĩ nặng đôi mi của Lân và bắt Lân ngáp mấy cái thật dài.

— Làm một giấc đi. Chừng nào tới trên tao kêu dậy, ông Bảy nói.

Đồng thời với câu nói chấm dứt, chiếc xe ngừng lại một cách cấp bách. Tiếng lết của bốn bánh xe trên đường nhựa kêu rét rét nghe ê răng. Lân chúi nhủi ra phía trước, la lên một tiếng « ái » rồi luôn trớn chồm

người dậy ngó. Cách đầu xe độ hai thước một con chó mực băng ngang qua con đường trong ánh sáng chói lòa của cặp đèn pha.

Ông Bảy lắc đầu, tay sang số cho xe chạy lại.

— Thiệt lái xe không sợ gì hơn là mấy chú chó, chú heo thường hay phóng ẩu qua đường.

Rồi day qua phía Lân, ông vừa cười vừa nói :

— Như vậy cho mầy hết buồn ngủ.

Lân cười hùa theo ông Bảy.

— Vói tay ra băng sau lấy cái « tết-mốt » cà - phê đưa làm một miếng coi ? Ông Bảy sai Lân.

Lân bật đèn trong xe lên, xây người lại rồi chồm người qua lưng ghế. Trên băng sau, cây súng hai lòng nằm theo chiều dài của chiếc băng với cái túi đạn bằng ka-ki vàng và một cái giỏ mây trong đó đựng hai cái « tết-mốt » và một gói giấy trắng.

— Cái « tết-mốt » đỏ hay xanh, ông Bảy ?

— Cái xanh đó. Còn cái đỏ đựng nước trà.

Đưa tay ra nắm lấy nhưng chưa rút nó ra khỏi giỏ bỗng Lân sực nhận thấy thiếu một vật gì nên dón-dác rọi mắt tìm kiếm trên và dưới băng xe một lúc rồi cuối cùng quay đầu ngó ông Bảy mà hỏi :

— Ông Bảy, còn cây đèn đội đầu đâu ?

Không đáp ngay câu hỏi của Lân, ông Bảy hỏi lại :

— Mầy coi bây giờ mấy giờ rồi.

Lân đưa chiếc đồng hồ đeo ở cườm tay trái lên mắt, và nói trong ngạc-nhiên :

— Bốn giờ ba lăm... Trời ? mình lên tới trần là trời gần sáng rồi còn bán gì bán. Hồi ở nhà bị lộn xộn tôi quên lửng giờ giấc... rồi lên xe cũng vậy... À, bộ tính bán ban ngày sao ông Bảy ? Mà ai lại bán nai ban ngày bao giờ. Nai nó nhát còn hơn thỏ nữa mà.

— Ấy, vậy mà bữa nay tụi mình bán han ngày đó vậy... Mà quên... Nói cho đúng ra là bán nai vào lúc trời rưng sáng, trời rưng sáng nha mày. Lúc trước mày chỉ đi bán với tao ban đêm thôi. Tao báo trước cho mày biết. Đi bán ban này mày sẽ thấy hết muốn đi bán ban đêm nữa... À, ẹ. Tao dám chắc như vậy.

Lân làm thính và bảy giờ mới rút cái « tẹt-mốt » xanh ra khỏi giỏ. Ngồi lại như cũ, Lân vạy tháo cái nắp làm cái tách ra và nhỏ cái nút bên trong lên mà bỏ xuống nệm xe. Hơi cà-phê từ trong bình bay ra thơm phức. Lân đưa mũi ra đón mà đánh hơi.

— Cà-phê Martin ?

— Nó đó.

Lân nuốt nước dãi đoạn nghiêng bình rót ra tách. Lân đưa nó cho ông Bảy. Ông Bảy cầm lấy. thối sơ sơ vài lượt rồi hớp từng ngụm nhỏ. Và sau mỗi cái hớp, ông đánh lưỡi nghe một cái chách. Uống đâu chừng bốn năm ngụm, ông Bảy trao nó cho Lân. Lân nghiêng bình « tẹt-mốt » rót cà-phê ra tách thêm. Kể đó Lân lấy nút đóng kín miệng bình lại và đưa nó vào lưng ghế. Cúi mặt trên miệng tách, Lân vừa thối vừa uống ngon lành.

— Chết chưa ! Tao quên hỏi mày một chuyện. Nè Lân, mày có bạn quần xì-líp không vậy ?

Ngờ là ông Bảy cà-rớn Lân không trả lời và cứ tiếp tục uống cà-phê. Chờ một hồi không có tiếng Lân nói, ông Bảy hỏi nữa :

— Ủa, có bạn hay không sao mày không nói. Tao hỏi thiệt đó mày.

Lân rời môi khỏi miệng tách ngó ông Bảy, đôi mắt mở tròn xoe.

Ông Bảy liếc nhanh về phía Lân rồi nói:

— Ừ mà tao hỏi thiệt. Chớ mày có bạn nó hôn ? Màu hay trắng ?

— Đen, ông Bảy à.

— Tốt.

— Chi vậy ông Bảy ?

— Bữa nay đi bán nai lẽ ra mình phải lỏa lồ vì nai thính hơi gấp mấy lần chớ nữa. Nhưng giữ thuần-phong mỹ-tục, mình bạn xì-líp vậy.

Chiếc xe hơi chở hai người cứ nổ máy đều đều...

* *

Sáu giờ kém mười họ đến Bến-Vịnh. Chiếc xe hơi đậu lại gần đầu con đường xe bò chạy vô rừng. Ông Bảy tắt máy xe rồi bật đèn bên trong lên. Lân toan mở cửa bước xuống thì ông Bảy cản :

— Khoan. Chờ ăn lót lòng đã Lân.

Vừa nói ông vừa nhóm người ra phía sau mà bưng cái giỏ mây đoạn day lại đặt nó ở giữa băng của ông ngồi. Cái

gói giấy trắng đựng hai miếng bánh mì sần-quít được mở banh ra và tay của ông Bảy cầm ngay một miếng trao liền cho Lân, còn một miếng về phần ông. Hai người làm thình ngồi ăn. Sau đó họ uống cà-phê và uống trà tráng miệng. Xong họ mới mở cửa xe bước xuống đất. Bảy giờ đến màn thoát y vũ diễn trong bóng tối. Và lúc mỗi người chỉ còn có độc chiếc xi-líp dính thân, ông Bảy nói:

— Lân, lấy súng vô đạn đi rồi quay kiến xe lên cho kín coi.

Lân làm y theo lời ông Bảy trong lúc ông khom lưng rút cái rựa ở dưới thùng xe ra. Cuối cùng khi hai người đã sẵn sàng để ra đi, Ông Bảy tắt đèn đóng cửa xe rồi lấy chìa khóa cửa lại.

Họ khởi hành. Trời, không trăng không sao, tối om. Nhưng cây cỏ còn đem sậm hơn nữa. Trong bóng tối, chun của họ chỉ biết chăm đầu đất trắng mờ mờ của con đường xe bò mà đi theo. Hai bên đường cây cao sát nhau đứng sừng như hai tấm vách đất. Họ hiện có cảm-tưởng như họ đang đi trên một con đường hào vào lúc tối trời. Họ ít nói chuyện. Dưới đất họ nghe chun của họ đập lá khô rào rào. Trên cao gió khua lá rừng ào ào. Rõ hơn hết là tiếng nước Hàn Ông Sâm đổ ào ào không dứt từ trên xa vắng lại. Lâu lâu điểm thêm vào những âm thanh đó vài tiếng cú buồn.

Có gần mười phút họ đi như vậy để rồi họ tới một vùng đất trống có chòi cây non rải rác. Không khí ở đây bớt âm u. Họ đi thêm một đôi đường nữa rồi thình lình họ gặp một cây dầu con

nằm ngả cản đường. Dẫn đầu, ông Bảy ngừng bước và nói:

— Đây rồi.

Lân đứng lại và hỏi:

— Ông đốn cây làm dầu phải không?

— Phải. Trời tối chỉ có cách đó thôi.

— Còn chỗ núp rình thật?

— Mầy cứ theo tao.

Cái gốc của cây dầu ngả nằm về phía bên mặt của con đường. Ông Bảy đến ngay gốc rồi mỗi bước băng ngang vô chòi ông đếm: « Một, hai, ba, bốn.. » Lân nổi gót theo ông. Ông Bảy đếm tới bốn mươi hai thì ngừng lại và tay ông quơ đựng một cái nạng cây do ông cầm ở đó từ bữa trước. Ông găm mũi rựa xuống đất.

— Đưa cái túi đựng đạn cho tao, Lân.

Đứng bên cạnh, Lân trao nó liền cho ông Bảy. Thò tay vô túi ông lấy ra một cục bông gòn lớn bằng đầu ngón chun cái. Ông trả lại cái túi cho Lân giữ và đứng đó mà rút cục bông gòn ra làm năm miếng. Và mỗi miếng ông bong xé nó ra cho thật xơ rơ. Từ miếng một ông cầm đưa lên khỏi đầu và vừa buông ra ông chu miệng thổi liền cho nó bay lên. Trong không trung tối đen năm miếng bông gòn lơ lờ lúc đáp xuống lúc bay lên. Ông Bảy đứng ngược mắt nhìn theo. Chốc chốc ông nhảy lên thổi một cái đưa hơi thêm cho chúng bay cao hơn. Năm đóm trắng bảy giờ đã lên cao và chầm chậm đua nhau mà bay về một hướng. Chưa hiểu việc làm của ông Bảy, Lân đứng đó lơ mắt ra mà ngó. Mắt vẫn đeo

theo năm miếng bông gòn, ông Bảy chống nạnh và cười một tràng dài.

— Hên quá ! Thiệt là hên ! Tụi mình ở dưới gió. Như vậy cha của nó cũng khó mà đánh hơi được tụi mình.

Rồi ông nói với Lân :

— Mày đứng ở đó nha. Tao đi làm cái này một chút coi.

Nói xong, ông Bảy nắm cán rựa nhỏ lên rồi biến trong bóng tối. Không đầy một phút, Lân nghe tiếng rựa đốn cây rầm rầm cách chỗ Lân vài chục thước. Được một lúc, ông Bảy kéo về năm cái chà cây tươi cành lá rườm rà và gốc đã vót nhọn sẵn.

— Phụ với tao trồng bụi cây giả để rình mồi coi.

— Lân vội vàng máng túi đạn và cây súng ở nạng cây rồi tiếp tay với ông Bảy mà găm gốc chà cây xuống đất. Đất không cứng nên việc làm rất dễ dàng. Trong lúc găm cây, tay Lân đụng đất. Ngạc-nhiên, Lân hỏi :

— Lạ hôn ! Trời hôm rày không có mưa mà đất sao lại ươn ướt vậy cà ?

— Đất bung, mày.

— À, té ra ở đây có vũng nước. Nai tối đi ăn rồi sáng ra đây kiếm nước giải khát. Mà mấy cái vũng nằm ở phía nào, ông Bảy ?

— Cũng bên này đường. Nhưng ở trong xa một chút. Trời sáng mày mới hông thấy được.

Năm chà cây vậy kín tròn xong một khoảnh đất nhỏ vừa đủ hai người ngồi cử-động tự-do thì trời nhuộm sáng.

Xung quanh họ, cây cỏ từ màu đen xám biến dần ra màu xanh tự nhiên của nó. Từng cụm nhỏ, khối sương trắng mỏng như voan lững lững bay sà mặt đất rồi tan rã lần.

Ông Bảy lấy chỉ về hướng con đường chạy vô rừng sâu và nói :

— Cái vũng nước trước mặt mình đó, mày thấy chưa ? Nó có cây trâm mọc bên cạnh. Mình chờ nai ở đó đó.

Đứng nhìn theo ngón tay của ông Bảy, Lân vừa nhận ra cái vũng nước ấy. Nó xa Lân có đến gần hai chục thước và nhỏ bằng cái miệng giếng ở nhà quê. Cỏ non thấp viền xanh bờ.

— Mày thấy chưa ? Ông Bảy hỏi.

Lân gật đầu rồi với tay lấy cây súng « ca-ra-binh » máng ở nạng cây mà đưa nó cho ông Bảy. Ông Bảy xua tay không nhận :

— Cầm lấy mà bắn. Mắt tao bị ráng ngó đường lái xe nên mỏi mệt lắm. Còn nhắm gì được nữa mà bắn.

— Ông có bác nai ra uống nước ở vùng ấy không ? Vì nếu nó uống ở cái vũng phía gần đường thì súng của mình không hạ nó được đâu. Xa quá ! Đạn đi tới đó yếu rồi.

— Mày khỏi lo. Tao đã dò kỹ hết rồi. Tao cũng sợ y như mày. Cái vũng mà tao vừa chỉ cho mày thì nai thường ra uống nước lắm. Bằng có là mắt tao đã thấy nhiều lần và tao cũng đã có tới nơi xem xét thì dấu chân nai dẫm đầy ở xung quanh bờ.

Hơn nữa cái vũng này nằm cạnh bìa rừng thuận đường cho nai ra giải khát. Còn mấy cái vũng kia cận đường. Người ta và xe

kéo củi hay qua lại thường động nên nai không dám léo hánh đến.

Vừa đưa tay vuốt hai vai lấm tấm ướt sương, ông Bảy hỏi Lân :

— Có lạnh không mậy ?

— Mát chớ không lạnh.

— Mầy giống tao à. Tao cũng thấy như vậy... Nè, bây giờ tụi mình « á khẩu » đi là vừa.

Thế rồi, miệng ngậm cầm như hến, hai người đứng nhìn cảnh rừng lúc trời rưng sáng mà đợi nai.

Rừng thức dậy với chiếc đĩa âm thanh cũ bót đi tiếng cú kêu và tiếng rào rào của lá khô nát dưới chun để thêm vào đó điệu riu rít của chim chóc trong tàn cây và tiếng gà rừng gáy sáng xa xa. Rừng yên tĩnh trong cái không khí mát mẻ và âm u man rợ của nó. Lân nghe tinh-thần khỏe khoắn ra. Nhưng đứng yên một nơi lâu, chun của Lân bắt đầu tê. Để cho hết tê, Lân nhón gót chạy lúp xúp một chỗ. Còn ông Bảy, ông lúc nào cũng soi mói mắt khắp nơi. Thành linh ông lấy tay ấn vai của Lân cho Lân ngồi hụp đầu khỏi ngọn chà cây đoạn hất mặt chỉ về hướng bìa rừng. Qua kẽ lá trước mặt, Lân chiếu mắt dò theo bìa rừng và mắt Lân ngừng lại... Cùng một lượt với hình-ảnh con vật vừa thấy, từ đáy sâu trí nhớ vụt hiện về một câu thơ xưa :

Con nai vàng ngơ ngác

Đạp trên lá vàng khô

Câu thơ ấy tả đúng điệu của con nai không sai một nét. Và cũng đúng như lời của ông Bảy nói, con nai này lớn bằng con bò con.

Bức tranh con nai, lông vàng mượt y-hệt tơ-tằm, đứng ngơ-ngác ở bìa rừng đã

đẹp. Lại càng đẹp hơn và nên thơ hơn là hình-ảnh con vật khoan-thai rảo bước đi quanh-quẩn khi thì dừng gót bên một lùm cây nhãn ngon một đọt lá hay vừa đi vừa cắn bậy đôi ngọn cỏ non dưới chun.

Mắt của Lân mê con nai như mắt trai mười bảy vừa gặp phải bóng gái vừa ý, vừa lòng. Hoa thơ trong lòng Lân như tới mùa bùng nổ, dậy sắc muôn màu, tuôn hương ngào-ngạt. Lân ngồi ôm súng, mơ màng trong văn thơ, điệu nhạc... trong lúc ông Bảy dò mắt theo từng bước của con nai.

Lang thang đó đây một hồi, con nai tiến ngay lại vũng nước có cây trâm mọc cạnh bờ. Ngồi nhón gót sau lưng Lân, ông Bảy lấy tay vỗ nhẹ lên vai Lân, báo hiệu cho chàng chuẩn-bị. Lân giựt mình rồi bỏ thế-giới mơ-màng... Rồi con nai càng đến gần cái vũng ấy chừng nào Lân càng hồi-hộp nhiều chừng nấy. Không chỉ riêng Lân thấy tim chàng đập dồn-dập mà Lân biết con tim của ông Bảy cũng vậy. Vì thoáng qua mang tai trái của Lân, Lân nghe hơi thở của ông Bảy dần dần không đều và cũng nghe ông đã hai lần nuốt nước miếng như cơn xúc-dộng làm khô nghẹn họng của ông.

Dừng chun ở bờ vũng, con nai chưa vội cúi đầu uống nước mà ngược mũi lên không-trung chăm-rãi đưa qua đưa lại vài lượt. Cùng với cử-động đó của con nai, ông Bảy kê miệng sát tai Lân rồi thều-thào hơi gió :

— Mầy thấy không ? Nó đánh hơi kìa. Sẵn sàng đi.

Lân không quay mặt lại, gật đầu và túm-túm cười không ra tiếng.

Như không nghe hơi hướng gì khả-nghi, con nai, với dáng-diệu hết sức thông-thả,

Sau các tập thơ

Tại Mahal và Từ-Thức

Nhạc đề

một thi-phẩm 230 trang
với 42 đề-tài mới mẻ
của **ĐOÀN-THÊM**

Nhạc đề

do **NAM-CHI** từng-thư xuất bản,
KIM-LAI ấn-quán in và trình bày
trên giấy màu rất đẹp.

Nhạc đề

Loại thường, giấy blanc fin 72
Giá 65 \$

Loại đặc-biệt, giấy Navare, bìa
bọc nylon.
Giá 140 \$

SẼ BÁN TẠI SAIGON :

nhà Sách Xuân-Thu đường Tự-Do
nhà Sách Văn-Nghệ đường Phạm-
Ngũ-Lão số 51

CÁC TỈNH :

Các tiệm sách lớn.

Chú ý : Loại đặc-biệt lần trước
đăng làm giá là 130\$ vì không
kề bìa bọc nylon.

cúi đầu xuống vũng nước, uống một hơi,
đoạn ngửa cổ nhìn trời cho những giọt
nước còn nằm đọng ở miệng rớt trọn
vô bụng. Sau đó, nó ung dung bước
vài bước ven bờ, cần năm ba cọng cỏ rồi
đứng một chỗ mà nhời. Hiện thời con
nai đối diện với Lân và cũng là cái bìa rất
thuận-tiện để cho Lân nhắm bắn. Lúc này
Lân nghe móng của chàng bị móng tay của
ông Bảy chích liên liên. Lân biết ông Bảy
hối-thúc chàng ra tay. Thế là Lân cất
súng ngang vai, ngả má lên bả và nheo
mắt nhắm... Bảy giờ móng tay của ông
Bảy mới chịu ngừng « công-tác ».

Đi bán ban đêm, hình-thể con nai trong
ánh sáng của chiếc đèn rọi chỉ còn là đôi
mắt hay nói cho đúng ra một cặp bóng đèn
ít nền cháy nhạt-nhèo. Vì thế quét đèn
chiều gặp là Lân bắn ngay không ngần-
ngại. Và kinh-nghiệm dạy Lân cứ việc
nhắm ngang giữa hai con mắt của con thit
mà nổ súng là ăn chắc.

Nhưng hôm nay con nai trước mặt cho
Lân thấy rõ tất cả cái bóng dáng thanh-
nhã của nó, cái tướng đi cao sang của nó
trong khung-cảnh diêm-ảo của rừng xanh
với những mảnh khéi sương trắng mỏng-
manh xao-xuyến trong tàn cây, chơi-vời
giữa không-giàn hay lang-thang trên đầu
ngàn cỏ vô-danh.

Lân nheo mắt đây không phải để nhắm
bắn mà để ngắm... Trong chùn trời thâu
hẹp của đôi mi khép lại, cây cối mất đi,
hình-ảnh con nai đứng nhời cỏ đơn độc
nên thơ một cách dị-kỳ. Thành-linh Lân kêu
lên một tiếng « Trời ! » trong cổ họng vì
Lân vừa chợt nhớ ra : Nai là của thơ, cũng
như trăng, cũng như sao, cũng như bướm,
cũng như hoa, cũng như liễu và cũng như

bao nhiêu thứ khác nữa... Lân là một nhà thơ. Mà có bàn tay thi-sĩ nào đi thích phá-hoại những thứ ấy đâu! Cái thú săn nai bỗng đứng chết mắt trong lòng Lân. Cái mộng của Lân chợt bị móng tay của ông Bảy đốt mạnh Lân giật nảy người rồi nghĩ tới người bạn già, Lân nhắm mắt thật. Nhưng con « ruồi » ở đầu mũi súng sắp chỉ ngay ngang giữa hai con mắt của con nai thì con thịt đã cúi đầu bước tới một bước.

Lỡ dịp bắn, ông Bảy chắc lười nhỏ nhỏ. Lân đứng đứng và thôi nheo mắt, má vẫn nằm trên bá súng. Con vật lựa cỏ rút giây lát kể ngảng đầu lên nhai. Lần này, mộng của Lân lại bị móng tay của ông Bảy châm nữa, nóng nảy hơn. Mắt Lân nheo liền. Tay Lân tức khắc điều động lòng súng cho con « ruồi » đậu ngang giữa đôi mắt của con nai. Trong một giây ngắn ngủi, Lân đã đạt được ý muốn. Bây giờ Lân chú mục vào đôi mắt kia. Đó là hai con mắt to lớn, hiền hậu dường vô tình chờ đợi cái chết mà không hay biết. Đã đúng lúc nổ súng. Ngón trỏ của bàn tay mặt của Lân mon men leo lên con cò... Ngoài sau lưng Lân, ông Bảy luôn luôn theo dõi từng cử-động của Lân rồi khi thấy Lân sửa-soạn... ông nín thở và mở rộng mắt thêm hầu trông cho thỏa nhãn cái cảnh tượng sắp diễn ra trước mặt.

Đúng lúc ấy, một làn khói sương từ đâu bay đến không biết nương gió nhẹ chầm chậm đi ngang qua đôi mắt của con nai. Sau bức màn trắng thưa, con nai chớp mi. Sự dịu hiền của cặp mắt kia do đó càng tăng nét khiến Lân sức nhớ đến đôi mắt hiền dịu của con chàng. Phút chốc trên đôi mắt của con vật Lân như thấy có mắt của con chàng hiện ra chập chờn... Lòng Lân bồi-hồi... Con « ruồi » ở đầu súng run khê.

Ngón trỏ của Lân ngập ngừng và chỉ biết có vuốt ve nhẹ nhàng cái thân sắt lạnh lạnh của con cò. Nhưng mộng của Lân đột-ngột bị ông Bảy bấm một cái mạnh. Lân bóp cò.

Một tiếng nổ rền.

Không thềm để ý tới chim chóc từ trong tàn cây cao, trong bụi chồi thấp bay tủa xua ra kêu lên những tiếng hốt-hoảng, ông Bảy thở khì sung sướng và thốt liền :

— Nhào ! Nhào !

Rồi một tay chớp nhoáng đập không-khí, ông đứng phất dậy. Ánh mắt của ông ngời sáng reo mừng mà nhìn con nai sụm hai chun sau xuống, cả bời hai chân trước loạn xạ và xằng quây cái thân mình một cách điên cuồng. Dưới người của con vật, một khoảnh đất được xới tung, một vùng cỏ ngã rạp xuống bầm dập. Phải chăng đây là giây phút giây giữa của con vật sắp chết ? Ông Bảy tin tưởng như vậy cũng như ông tin tưởng ở tài bắn của Lân. Nhưng... con nai đã đứng lên. Và lệ làng phóng bán mạng vào rừng... biến mất. Than ôi ! ông Bảy đã mừng hụt và bây giờ ông mới biết : con nai té xuống không phải vì bị trúng đạn mà vì tiếng nổ bất cập khiến nó hoảng hồn. Gương mặt của ông Bảy trở sắc buồn hiu. Ông đứng im-lặng chôn mắt trong đường lá đương xao động yếu dần như toan xóa mất lối thoát của con nai để tiếc rẻ. Lân uể-oải đứng lên.

Giọng đờm trách móc. ông Bảy ngó Lân mà nói :

— Cái thằng tệ thì thôi. Làm gì bữa nay mầy bắn in thế như c... vậy.

Lân mỉm cười, trưng lý-do :

— Lỗi tại ông đó chớ. Tôi vừa bóp cò thì ông bấm mộng tôi làm tôi đau quá phải nhón dít nên đạn đi trật.

Ông Bảy nghe xong bậm môi nhíu mày rồi đưa hai bàn tay xòe ra trước mắt. Hầu hết móng tay của các ngón đều được cắt gọn chỉ trừ hai ngón út là móng để dài thậm thọt. Ông nhìn từng ngón một, cố nhớ mặt tên thủ-phạm đã chích móng của Lân hồi nãy. Nhưng không nhớ ra nổi, ông bèn đề quyết thủ-phạm là một trong hai ngón út vì chúng có móng dài nên chích Lân mới đau. Thế rồi ông bẻ gãy lợi liền hết cả hai móng đó và vụt xuống đất. Lân nhìn hành-động của ông, mặt thản-nhiên.

— Thôi về, Lân.

Sau câu nói, ông Bảy xách rựa xắn tới nắm đầu một chà cây, nhổ mạnh lên, liệng càn qua một bên, mở lối rồi đi ra khỏi bụi trước. Lân cầm súng và túi đạn bước theo.

Trên đường về, ăn hạt thịt nai, ông Bảy ngửa miệng nói hoài. Nào là đáng điệu con nai đứng ngon mắt. Nào là việc toan tính nấu nướng nếu bán được nai. Nào là cách lựa cây làm đầu nai giả để gắn đầu thiệt. Lân không ừ hử gì cả và cũng không để ý tới lời nói của ông

Bảy. Thật ra Lân cũng có mở miệng và mở rất lâu nhưng chỉ để ngáp thôi. Vì Lân buồn ngủ, sau mấy tiếng đồng hồ thức đêm.

Hai người ra tới chỗ xe đậu thì trời sáng trắng. Ông Bảy lấy chìa khoá mở cửa xe. Họ cất súng, rửa vào trong rồi lôi quần áo ra mặc. Vì quá buồn ngủ, Lân mặc đồ hồi hã đoạn thót lệ lên xe. Vừa ngồi xuống nệm Lân đã ngã ngửa đầu trên lưng ghế và nhắm mắt ngay. Bước lên sau, ông Bảy không vội mở máy xe mà lấy thuốc ra đốt hút. Bỗng ông nghe Lân nói:

— Mai một ông có rủ tôi đi bắn cọp thì tôi mới đi.

Ông Bảy chưng hửng, quay sang định hỏi Lân lý-do, nhưng đã trễ. Mắt của ông chỉ kịp thấy trên môi Lân một nụ cười vừa chết theo giấc ngủ của chàng. Ông Bảy đành đưa tay mở « công-tắc » xe rồi vô số. Chiếc xe hơi phóng đi ngọt xót. Ông Bảy ngồi ôm tay lái, đầu óc mãi thắc-mắc về câu nói của Lân. Còn Lân, trái lại, chàng ngủ một giấc ngon lành.

PHẠM-PHẠM

Hai câu thơ phản-đối chiến-tranh.

Horace (Odes) có câu thơ cực tả cảnh chiến tranh tàn khốc: « *Bella matribus detestata* », Les guerres dont les mères ont horreur, Chiến tranh mà các bà mẹ đều ghê tởm..., Câu thơ ấy có phản ánh trong câu thơ của A.Barbier, vịnh cái đồng-trụ tại công trường Vendôme nước Pháp do chính Đại quân Pháp thời Nã-Phá-Luân đặt khuân tự một địch quốc về đặt lên đó: « *Ce bronze que jamais ne regardent les mères* », Cái đồng-trụ mà chẳng có bà mẹ nào ngó tới...

SƠN NỮ

Có nàng sơn nữ trong rừng thẳm,
Một tối nằm mơ ngủ cạnh vua.
Tỉnh giấc nhìn hoa nàng bỡ ngỡ,
Rời từ hôm ấy chẳng nô đùa.

Thuở ấy nhà vua lạnh gối chăn,
Nửa đêm tỉnh dậy dựng cung Tần.
Lệnh vua rung động lòng lê thứ,
Sơn nữ thăm mơ chuyện gió trăng.

Lệnh đã loa truyền trong mấy cõi,
Triều đình đang tuyển gái đào non,
Những nàng yếm thắm mơ cung gấm,
Bỏ héo vườn dâu lo phấn son.

Nhưng giấc mơ vàng không hóa bướm.
Cây vườn Thượng-Uyển đã ra hoa.
Bao ả thuyền quên ngồi túi phận.
Phấn son rơi rụng, lệ phai nhòa.

Nhưng gái rừng xanh nào có biết.
Đêm đêm thăm hỏi tuổi trăng già.
Cung vua khép chặt bao giờ nhỉ ?
Và nẻo Trường-An mấy dặm xa ?

Sơn nữ ngậm ngùi thương núi non,
Tương tư lệ ứa mờ lầu son.
Trách vua hờ hững tình sơn nữ.
Ai biết lòng ai vẫn sắt son.

*
* *

Một sáng sương che rừng ngủ ngày,
Bình minh chuốc rượu mặt Trời say.
Núi lên ngôi báu vàng son dậy.
Sơn nữ vào non má đỏ hây.,.

VŨ-QUỲNH-BANG

(Đồn Ea-Chim 1960)

LƯƠNG - NÔNG QUỐC - TẾ VÀ CHIẾN DỊCH CHỐNG NẠN ĐÓI

★ HUY-LỰC

Chiều ngày 17-6-1960, tại phòng họp Bộ Canh-nông, Ông G. Mulgrue — cố-vấn ngành thông-tin và tài-liệu của phái-đoàn lương nông quốc-tế ở Bangook — nhân cuộc thăm viếng Việt-Nam, đã nói trước một số đông thỉnh giả trong nước và ngoại-quốc về đề-tài trên. Sau đây là tất cả các điểm chính yếu của câu chuyện :

Tổ-chức Lương-nông Quốc-tế (F. A.O.) sắp khai-mạc chiến-dịch chống nạn đói. Vì sao có chiến-dịch này ?

Trên thế - giới hiện có 2.800 triệu người và một nửa số này đang lâm vào nạn đói. Và mỗi buổi sáng bước sang một ngày mới, chúng ta phải cung cấp lương - thực cho thêm 140.000 người nữa. Con số 140.000 người mỗi ngày sinh ra thêm này, đã trừ đi số tử.

Ngay ở Á-châu, dân số 1.700 triệu người ; rất ít nước có một mức sống no đủ. Và vì thế không có vấn-đề thặng dư lương - thực trên thế-giới.

Nhưng bạn sẽ bảo : Nếu vậy thì vì sao ở Việt-Nam gạo lại khó xuất-cảng , và còn bao nhiêu lúa, lúa mì, trứng và sữa thặng dư ở Mỹ ?

Đó không phải là vấn-đề thặng dư (surplus). Trong các kho hàng tuy đầy thực phẩm, nhưng quần-chúng nghèo quá, lấy tiền đâu để mà mua.

Thật là một tình-trạng tiền thối lương nan của thế-giới hiện nay.

Bạn lại bảo : Nếu họ đói thì việc gì liên-quan đến chúng tôi. Chúng tôi no đủ mà !

Câu trả lời sẽ rất giản-dị.

Sự túng cùng đói rách là nơi rất tốt để cho bọn cộng-sản gieo rắc chủ-nghĩa của họ. Nếu bạn san sẻ cho người đói một nửa bát cơm, họ sẽ có thể làm một việc gì để sinh sống.

Ngoài ra việc chống đói cũng rất ảnh-hưởng đến những thực-phẩm và hàng hóa ổi động.

Chúng ta không thể bán bất cứ một vật phẩm gì cho một người đói. Nếu trong một nước mực sống quá thấp, dân chúng đói rách, chắc chắn họ không thể nào mua lúa, cao su hoặc các vật khác mà bạn bán ra. Như vậy, nếu muốn mua vật-phẩm của bạn, họ phải tự mở mang nước họ và trước hết phải kỹ-nghệ-hóa xứ sở. Hầu hết các nước nông-nghiệp trên thế giới, bất cứ một kỹ-nghệ nào đều phải hướng về việc cải thiện nông-nghiệp trước tiên vì mọi kỹ-nghệ đều phải qua tay người nông-dân.

Trở lại vấn-đề đói. Vấn-đề này được đặt ra từ lúc thế-giới loài người bắt đầu tạo lập. Chưa có một thời-kỳ nào mà cả thế-giới được ấm no. Và ngày nay vấn-đề trở nên khẩn thiết dầu chúng ta đã tiến bộ nhiều trên mọi địa-hạt. Điều khó khăn là sự gia-tăng thực-phẩm không bắt kịp được sự gia tăng kinh-khủng về dân-số.

Trong một quốc-gia như Mỹ, một nước nông-nghiệp tiên-bộ, phân-xuất gia-tăng dân-số hàng năm lên đến 1,88%, nhưng đây không phải là một điều đáng ngại vì sự gia-tăng thực-phẩm bắt đầu kịp với sự gia - tăng dân số.

Ở Ấn-độ, phân-xuất gia-tăng dân số chỉ 1,3%, nhưng thật là một điều quan-trọng, và kỹ-thuật canh-tác thô-sơ, thực-phẩm không đủ cung-cấp cho nhu-cầu. 15 năm gần đây, tăng số của dân chúng trên toàn thế-giới, nhất là Á-Châu, đã nhảy vọt. Thực-phẩm sản-xuất không đủ chi dùng.

Vì sao sự sản - xuất thực - phẩm không bắt kịp tăng số sinh-sản?

Khoảng 10% diện-tích trái đất được trồng-trọt hiện nay. Nếu chúng ta khai phá thêm 20% diện-tích đất hoang ở miền xích-đạo, thì số lượng sản-xuất tổng-cộng có thể lên đến 400%.

Ở Úc-Châu chỉ có 40 triệu acres được trồng-tía, trong lúc ấy người Úc có thể canh-tác một diện-tích lên đến 160 acres (1 acre = 0^{ha},4046).

Diện-tích trồng-tía không tăng lên một mẫu nào, vì thế phải cải-thiện kỹ-thuật canh-tác. Ở Nhật một nước nông-gia đã áp-dụng khoa-học tiên-tiến vào việc canh-tác, nên sản-lượng 1 mẫu 6 lần nhiều hơn ở Ấn-độ, một nước còn lạc-hậu về kỹ-thuật. Nếu ở Ấn-độ có một hệ-thống dẫn-thủy đầy đủ, các kỹ-sư nông-học tin rằng sản-lượng ở đây có thể còn hơn cả ở Nhật.

Về số lượng sản - xuất của ngành chăn nuôi cũng có một khả-năng đáng kể. Ta có thể tính về thịt, sữa, năng-xuất làm việc của súc-vật thì ở Âu-Châu gấp 5 lần ở Á hoặc Phi-Châu và gấp 3 hoặc 4 lần ở Cận-Đông (Near East). Sở-dĩ có sự chênh-lệch nầy vì đồng cỏ ở Âu-Châu tốt và được cải-thiện

hơn. Ngay ở Hiệp - Chúng - Quốc ngành chăn nuôi còn có thể khuếch-trương 2 lần rưỡi nhiều hơn con số hiện tại.

Ngày nay trên thế-giới hàng năm mất $\frac{1}{10}$ số lượng thực - phẩm trong việc tồn trữ. Số lượng này tương đương với số lượng thực - phẩm thương-mại trên thị-trường thế-giới. Vì thế chúng ta cần phải có những phương-pháp tồn trữ thực-phẩm thật hoàn-hảo.

Ngoài ra, hàng năm còn $\frac{1}{10}$ số lượng thực-phẩm trên thế-giới bị mất đi trước mùa gặt hái vì : những bệnh thảo-mộc, phương-pháp bảo-vệ mùa màng sơ-sốt.

Như thế tổng cộng : $\frac{1}{5}$ số lượng thực-phẩm trên thế-giới bị hao phí. Và đó cũng là một vấn-đề để chúng ta đề cập đến trong chương-trình của chiến-dịch chống đói.

Kê-hoạch này không phải chỉ riêng cho những chuyên-viên F.A.O. đảm-nhận. Nó là một **chiến-dịch**.

Khi nói đến F.A.O., thật ra là nói đến những nước hội-viên của F.A.O., hiện tại có 88 quốc-gia ở trong tổ-chức này. Vì vậy khi nói đến F.A.O. trong chiến-dịch chống đói, có nghĩa là 88 quốc-gia hội-viên, 88 Bộ canh-nông của các quốc-gia hội-viên cùng hoạt-động.

Chữ chiến - dịch có một nghĩa bao gồm rộng lớn, nó đòi hỏi tất cả chúng ta góp phần vào. Không những chỉ các công-chức của Chính-phủ, hay chỉ các

Bộ của các Quốc-gia trong tổ-chức F. A. O. mà là tất cả mọi người, mọi tổ - chức, hiệp - hội. Toàn - thể chúng ta đồng-tâm nhất-trí để giải-quyết vấn-đề đói kém đang hoành hành trên thế-giới.

Vậy mọi người phải làm gì ? Đây không phải là một công-tác từ-thiện. Không phải chỉ cung cấp hàng ngàn tấn gạo đến những nơi đói kém. Đó chỉ là một giải - pháp tạm thời. Chúng ta cần dự định việc phải làm, mọi hoạt-động chúng ta nhằm phá tan cái vòng nghèo đói lẫn-quần và như thế mới giúp đỡ nạn-nhân, tự họ làm cho họ no ấm hơn.

Mọi hoạt-động phải tự nguyện và tất cả mọi người phải tham-gia trong sự phối hợp đồng nhất. Sự phối hợp đồng nhất này sẽ do Tổ-chức F.A.O. đảm nhận. Dĩ nhiên tất cả mọi chương-trình hoạt - động và sáng kiến đều do chính - quyền các Quốc-gia trong chiến-dịch phụ trách. Muốn hoạt động cần phải có tiền, và việc này dễ thực-hiện nhất.

Ở Đức, hai ngày sau khi chiến-dịch khai - mạc, chỉ trong một ngày các linh-mục đã quyên góp được 8.000.000 Mỹ-kim.

Cách đây vài tuần, những người thợ làm bánh mì ở Hòa - lan đã tổ-chức một cuộc lạc-quyên những khách hàng của họ và đã gom góp được 160.000 Mỹ-kim để đem dùng vào chương-trình cải-thiện phương-pháp canh tác lúa mì và lúa mạch ở Cận-đông.

Tất cả mọi người đều hằng tâm hằng sản theo đuổi một mục-đích cao cả tốt đẹp.

Còn công việc hoạt-động ? Một chương-trình thông-tin quảng bá và giáo-dục cần được phổ-biến rộng-rãi, tiếp đến một chương-trình sưu-tầm khảo-cứu, sẽ được thực hiện tùy theo khả-năng, phương tiện của mỗi quốc - gia để diệt trừ nạn đói. Mỗi Quốc-gia sẽ tùy theo tình-trạng địa-phương để giải-quyết vấn-đề. Công việc gồm mọi sự sưu - tầm khảo-cứu : cách dùng phân, cải-thiện kỹ-thuật canh-tác, dẫn thoát thủy, sự dinh-dưỡng gia-súc, cho đến những chương - trình khuếch - trương nông-nghiệp, sự thành-lập những quỹ sản-xuất v. v...

Cuối cùng đến chương-trình hoạt-động của mỗi quốc-gia. Ấy là trọng-tâm của chiến-dịch. Nó gồm những kế-hoạch nhằm mục - đích gia - tăng thực-phẩm. Hầu hết những chương-trình này đều có tính cách chỉ-đạo hoặc biểu-diễn (pilot or demonstration type) để hướng-dẫn quần-chúng :

1) Cách tồn-trữ và để dành thực-phẩm. Rất nhiều quốc-gia thiếu hẳn việc này.

2) Những dự-án phối-hợp biểu-diễn về việc khuếch - trương nông-nghiệp. Phải thành-lập nhiều thí-điểm, như thí-điểm giữ nước, bảo-vệ đất-đai, sử-dụng những nông-cụ cho hợp-lý, chọn giống tốt, phương-thức bảo-vệ mùa màng, trừ những bệnh ký-sinh v. v...

3) Trung-tâm biểu-diễn cách dùng phân. Đây là chìa-khóa của dự-án để nông-dân tin-tưởng kết-quả việc dùng phân mà thực-hiện.

4) Dùng giống tốt để tăng - gia năng-xuất.

5) Bảo - vệ mùa màng chống lại những bệnh thảo-mộc.

6) Cải-thiện đồng cỏ để nuôi súc-vật.

7) Kiểm-soát để cải-thiện vãn-đề dinh-dưỡng.

8) Bài trừ nạn thiếu chất đạm bạch.

Những điều trên chỉ là những điểm đại-quát. Thật ra chiến-dịch này còn đi sâu và xa hơn nữa tùy trường-hợp của mỗi quốc-gia.

Riêng ở Việt-Nam không phải là một nước đói kém mà là một nước đã xuất-cảng khá nhiều về lúa gạo. Người Việt - Nam có một khẩu phần tốt đẹp về năng-lượng (calories). Nhưng trên thế-giới không có một quốc-gia nào no-âm hoàn-toàn. Ngay cả Hiệp-chủng-quốc Huê - Kỳ, cũng có 18% dân số thiếu ăn (under-nourished).

Việt-Nam không ra ngoài trường-hợp này. Người Việt-Nam có một khẩu-phần trung-bình 2.100 calories mỗi ngày. Khẩu-phần này khá cao so với các quốc-gia khác trên thế-giới. Nhưng 75% của lượng 2.100 calories lấy từ gạo và sự tiêu thụ thì rất kém. Và những thực-phẩm chất mỡ chỉ cung-cấp 12% số lượng calories trên. Về sự tiêu thụ cá cũng rất thấp. Như vậy Việt-Nam còn nhiều việc phải thực hiện.

Việt-Nam cần lập những dự án để gia-tăng số lượng chất béo trong thực-phẩm quần-chúng tiêu thụ : như việc trồng dừa. Nhiều vùng ở Việt-Nam rất thích-hợp việc trồng dừa và vì thế có thể thiết-lập một viện chuyên khảo-cứu về vấn-đề này. Một kỹ-nghệ về dừa không những chỉ cung-cấp chất béo cho thực - phẩm của dân - chúng Việt-Nam mà thôi, ngoài ra còn có thể xuất-cảng một số lượng quan-trọng khô dừa (copra) rất đáng giá. Vì thế kỹ nghệ ở một xứ nông-nghiệp phụ thuộc vào tay người nông-dân như ở đầu câu chuyện đã nói đến.

Nếu Việt-Nam trồng dừa khá nhiều, Việt-Nam có thể xuất-cảng ra nhiều nước trên thế-giới và thu một số ngoại-tệ khá lớn để kỹ-nghệ hóa xứ sở.

Trở lại vấn đề lúa khó xuất-cảng được ở Việt-Nam. Nếu với những phương pháp canh - tác cải - thiện, giống tốt, hệ-thống dẫn thủy đầy đủ, người nông-dân Việt-Nam thu-hoạch được nhiều lúa hơn, và vì thế giá gạo

rẻ hơn. Như vậy Việt - Nam có dễ xuất-cảng gạo hơn trước không ? Và nếu Việt-Nam bán gạo với giá rẻ cho một nước, — mà từ trước không đủ tiền để mua — như vậy, Việt-Nam sẽ làm cho đời sống dân-tộc đó tốt đẹp thế họ có thể sản - xuất khá hơn, hơn và vì nước họ sung-túc thêm lên, để có thể mua gạo nhiều hơn nữa. Và một ngày kia, họ có thể mua thêm cao-su Việt-Nam để làm bánh xe hơi, điều mà từ trước đến nay họ không bao giờ dám nghĩ đến.

Tóm lại chiến-dịch chống đói không phải chỉ đem thực-phẩm nhét đầy vào miệng kết hồn quần. Nhưng chiến-dịch nhằm mục-đích nâng-cao mức sống, tạo-lập cho họ nhà cửa tốt đẹp hơn, đầy đủ tiện-nghi hơn, để đời sống của họ hạnh-phúc hơn.

Muốn đạt được mục-đích đó, tất cả mọi người phải tham-gia chiến-dịch. Giúp người láng-diềng đói khổ, tức là giúp ngay chính mình vậy.

HUY-LỰC

« Cả tôi đây, cũng là họa sĩ »

Corrège là họa sĩ Ý, nổi tiếng hồi thế kỷ XVI. Người ta kể lại sử-dĩ ông trở thành họa sĩ là do bởi một hôm đứng ngắm bức chân dung Nữ thánh Cécile do Raphaël họa, ông xúc-động thốt ra câu : *« Anch' io son' pittore », Et moi aussi, je suis peintre, Cả tôi đây, cũng là họa sĩ.* Đó là câu tả cảm hứng đột nhiên và bất thần của một nghệ sĩ chợt nhận thấy, giữa một nghệ sĩ tiền bối với mình, có sự « đồng thanh, đồng khí », dẫn-khởi cho mình ngành sáng-tác thích hợp.

ĐỀ LẠI

Vẫn còn đó: anh em hàng triệu đứa
Yêu thương nhau cùng mở rộng vòng tay
Nên khi chết tim Người xin đề lại
— Anh mang đi, khoảng trống lấp không đầy —

Thân bằng hoại nhưng niềm thương hiện hữu
Cùng anh em đi đốt lửa mặt trời
Chùng tôi sống bằng máu người đã chết
Người nối người dĩ vãng nối tương lai

Vì trên mặt đất này cây đã mọc
Vì hoa đời anh hái cả hai tay
Nên cuộc sống khác ngày giờ hí viện
Vô duyên như giấc mộng chẳng tròn đầy

Nào tình ái, nhớ những ngày mới lớn
Nào năng niu, những kỷ niệm bằng vàng
Cho anh hết mang theo làm vốn liếng
Trái tim hồng riêng hãy trả lại cho ngoan.

P, D. N.

Phỏng - vấn giáo - sư Nguyễn - Văn - Trung,
trưởng ban Tổ-chức Đại học Hà 60
tại Đà - Lạt (11-6 đến 27-6-1960)

L.T.S.— Chúng tôi có gửi bạn Nguyễn-Ngu-Í lên dự tuần lễ chót của trại Đại-học Hà 1960 ở Đà-Lạt, để sống hòa mình với anh chị em sinh-viên, hầu hiểu lối sống, lối chơi, lối làm việc cùng những thắc mắc, băn khoăn, cảm nghĩ, và nguyện vọng của những người mà mười năm sau, sẽ nắm một phần nào các cơ quan then chốt của nước nhà. Bạn Nguyễn-Ngu-Í sẽ có bài trên « Bách-Khoa »; trong khi chờ đợi, mời các bạn xem bài bạn Nguyễn-Ngu-Í phỏng-vấn ông trại trưởng Nguyễn-Văn-Trung, ngay sau khi trại hè bế mạc.

Hỏi — Quan-niệm của ông về Đại-học Hà 60 như thế nào?

Trả lời — Cũng như năm ngoái, Đại-học Hà được tổ-chức không phải như là một trại hè để nghỉ mát, cũng không phải là một lớp học hay huấn-luyện, nhưng là một *gặp-gỡ* hiểu theo nghĩa sâu của nó. Ngoài phố, trong chợ, người ta có thể gặp bao nhiêu người, nhưng đó mới chỉ là sự giao nhau giữa hai đồ vật như hai chiếc xe gặp nhau. Trong trường học, nhất là trên Đại-học, người Sinh-viên và

Giáo-sư cũng không có, hay rất ít, tiếp-xúc trong năm học; họ cũng chỉ là giao nhau mà thôi, chưa phải là *gặp-gỡ* giữa hai tâm hồn. Sự *gặp-gỡ* này nhằm mục-đích *khám phá tha nhân* như một huyền - nhiệm đầy phong-phú với tất cả những nét tư-tưởng riêng đặc-biệt của họ. Đó là ý-nghĩa và mục-đích của Đại-học hè: tạo ra mọi sự *gặp-gỡ* giữa các tâm-hồn. Sự *gặp-gỡ* đó sẽ đưa đến trên phương-diện tinh-thần một sự gây thức-tỉnh nơi những Sinh-viên một vài vấn-đề quan-trọng liên-hệ đến đời sống của họ trước bản thân, gia-đình, dân-tộc,

nhân-loại trong hoàn-cảnh hiện-đại ; trên phương-diện giáo-dục, gây cho Sinh-viên có một thái-độ trí-thức rất cần-thiết trong thời-đại này, tức là một thái-độ cởi - mở, đối-thoại, khoan-dung, tôn-trọng và liêm-chính, biết tới người khác để đón nhận tìm hiểu, trao đổi với tấm lòng khiêm-tốn và yêu-chuộng chân-lý, và sau cùng trên phương-diện nhân-loại, tạo một tình thân-ái giữa Sinh-viên với nhau, biết yêu đời và có ý-thức tập-thể. Vì Đại-học Hè là một gặp-gỡ nên mỗi người đều có trách-nhiệm tạo ra sự gặp-gỡ đó nghĩa là mỗi người trách-nhiệm trong mọi sinh-hoạt của Đại-học Hè nhằm thực-hiện sự gặp-gỡ, khám phá tha-nhân đó: cho nên tinh-thần Đại-học Hè là Trách-Nhiệm và Trưởng-Thành. Không có một kỷ-luật nào bó buộc người Sinh-viên phải giữ cả ; nhưng dĩ-nhiên một Sinh-viên đã nhận-định được mục-đích sự có mặt của mình trong Đại-học Hè, sẽ tự-nhận lấy sự bó buộc của tập-thể như một người Trưởng-Thành. Chính vì thế, mà chúng tôi gọi người Sinh-viên Đại-học Hè là Tham-dự-viên, nghĩa là trách-nhiệm đời sống của Đại-học Hè, không phải chỉ là một khán-giả thụ-động ghi nhận, lãnh hội và không chịu trách-nhiệm về sự thành-công hay thất-bại của người diễn-viên trên sân-khấu chằng hạn. Trái lại, Tham-dự-viên nghĩa là Đại-học Hè, hay hoặc dở đều tùy ở mỗi người tham-dự là diễn-viên. Tham-dự là tích-cực góp ý-kiến, xây dựng trong các buổi hội thảo, là tham-gia các sinh-hoạt văn-ngệ, du-ngoạn, thể-thao, nhằm mục-đích gây một thân-ái, siết-chặt tình bạn, tạo điều-kiện tâm-lý cho những sự gặp-gỡ trên phạm-vi tinh-thần, trí-thức.

Đó là một điểm mà năm ngoái, chúng tôi chưa thực-hiện được hoàn-toàn nhất là về ban Tổ-chức. Theo đúng tinh-thần Trách-Nhiệm và Trưởng-Thành, người Sinh-viên sẽ phải đảm-nhiệm cả việc Tổ-chức lãnh-đạo toàn-bộ Đại-hội Hè, điều, mà năm ngoái còn do ban Tổ-chức là Giáo-sư nắm giữ. Năm nay, chúng tôi mong muốn sẽ thực-hiện đầy đủ tinh-thần Trách-Nhiệm và Trưởng-Thành bằng cách thực-hiện khẩu-hiệu: ban Tổ-chức là phương-tiện, Tham-dự-viên lãnh-đạo...

Hỏi — *Xin ông cho biết thành-phần của Tham-dự viên và có những sự giúp đỡ nào ?*

Trả lời — Đại-học Hè năm nay so với năm ngoái đông gần gấp đôi. Năm ngoái có 80, năm nay 120..., toàn thể là Sinh-viên, gồm đủ các ban ở hai trường Đại-học Huế và Sài-gòn. Xét về giới có 30 Nữ và 90 Nam.

Sở dĩ chúng tôi đã có thể tổ-chức một Đại-học Hè đông như vậy là vì nhờ có sự giúp đỡ tận tình của các cơ quan Dân-chính địa phương, nhất là viện Đại-học Đà-lạt và trường Võ-bị Quốc-gia mà một chiếc dây tinh-thần đã ràng buộc chặt chẽ anh chị em Sinh-viên Đại-học Hè với anh em Sinh-viên trường Võ-bị trong Đại-học Hè năm ngoái. Sau nữa là cơ quan Bảo-trợ Văn-hóa Á - Châu (Asia Foundation) và nhà Thanh-niên đã giúp một số tiền để bù đắp vào sự đóng góp của các tham-dự-viên. Bộ Quốc-gia giáo-dục cho mượn một chiếc xe 40 chỗ để chở được một số sinh-viên Sài-gòn lên Đà-lạt và về Sài-gòn.

Hỏi — *Tại sao Đại-học Hà lại lấy đề-tài là « Tìm hiểu người Thanh-niên Việt-Nam ngày nay »?*

Trả lời — Trong khóa Đại-học Hà này, chúng tôi đã chọn vấn-đề : « Tìm hiểu người Thanh-niên Việt-Nam ngày nay » làm đề-tài suy-nghĩ và thảo-luận. Chắc hẳn ông cũng đồng ý với chúng tôi nhận định rằng đó là một vấn-đề quan-trọng và có tính cách thời-sự. Quan-trọng vì tương-lai dân-tộc, xúr sớ ra sao là do ở những người một ngày kia sẽ nắm lấy trách-nhiệm điều-khiển và xây-dựng. Có tính cách thời-sự vì Thanh niên có chu toàn mọi trách-nhiệm đó hay không là do ở sự đào tạo họ bây giờ trong hiện tại.

Hỏi — *Xin cho biết một vài nét lớn của các buổi thuyết-trình và hội thảo.*

Trả lời — Qua các bài thuyết-trình, các diễn-giả đã đi tìm hiểu người Thanh-niên nói chung với tất cả những đặc điểm của Tuổi-trẻ của mọi Thời-đại, mọi xúr sớ, và người Thanh-niên Việt-Nam nói riêng, và những thắc mắc của họ về tín-ngưỡng, về tình-yêu, nghề nghiệp v.v... Sau đó, đã đề-cập đến những vấn-đề Thanh, Thiếu-niên phạm pháp và những phương pháp giáo-dục. Nhưng đó mới chỉ là những nỗ-lực

tìm hiểu đứng ở quan-điểm người lớn mà nhận định về Thanh-niên. Điểm quan-trọng là phải chú ý đến việc : chính Thanh-niên nghĩ thế nào về mình. Qua bài « Người Thanh-niên Việt-Nam ngày nay nhận định về thời-đại của mình » do toàn-thể Tham-dự viên góp ý-kiến và xây-dựng nên, ta có thể coi như một minh chứng của Thanh-niên nhận định về những nhiệm-vụ mà họ sẽ phải gánh vác sau này và tự hỏi xem họ có được đào-tạo để chu toàn một ngày kia những nhiệm-vụ đó không.

Hỏi — *Cảm-tưởng của ông về Đại-học Hà năm nay, và ông có dự định gì cho Đại-học Hà sang năm?*

Trả lời — Một cách tổng-quát, tôi thấy Đại-học Hà 60 đạt được phần lớn những mục-tiêu đã đề ra ; tuy nhiên có nhiều khuyết-điểm mà tôi mong sẽ tránh được trong năm sau. Dự định sang năm, tôi mong sẽ thêm được một Tuần Đại-học Hà cho Sinh-viên Đông-Nam-Á-Châu có thể tham-dự để mở rộng nhân giới quốc-tế cho Sinh-viên Việt-Nam thường rất ít có dịp tiếp-xúc, trao đổi với sinh-viên các nước bạn.

NGUYỄN-NGU-Í

★ Người trên không nên « yên trí » mãi về lỗi phạm của người dưới, phải coi trừng phạt chỉ là một phương-tiện giải-thoát cho người dưới khỏi lỗi đã phạm, và không phải là một uy-lực để cưỡng-chế họ. Vậy phải làm sao cho người lỗi phạm biết, một khi đã « đền bù » xong, họ có thể coi mình như chưa hề bị trừng-phạt bao giờ.

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Những bài đã nhận được :

Nhà khoa-học Alfred Nobel (Võ-Quang-Yến)—Lòng dạ đàn bà (Lâm-Tùng-Sinh)—Tôi muốn (Hà-Hoài-Thượng)—Những người đã chết; Đêm chót; Đường vô xứ Huế (V. Huy)—Góp vào việc in một cuốn sách đẹp (N.T.H.)—Tìm hiểu câu « Nam-mô A-di-đà Phật » (Bửu-Kỳ)—Đêm thông cảm (Nam-Hồng Ng.-Phước-Trạch)—Trăng (Trung-Du), Được thua (Tịnh-Minh)—Tâm sự đêm khuya (Thế-Minh)—Tình người viễn xứ; Non nước cảm hứng (Hoàng-Tâm)—Thay đổi (Huỳnh-Tấn), Điệp; Trầm lặng (Hà-Duy-Sơn), Yêu đời; Bài thơ lãng mạn; Tiếng chim lồng; Tôi mất tuổi thơ (Đặng - Ngọc - Thanh), Giây phút tranh lòng; Chiều; Bến hoàng hôn (Ngô-Ngô), Bến và cuộc đời; Quê hương (Trần-Đại)—Trời làm ta quên nhau; Tình hòa-bình (Từ-Vương)—Cảm thông (Hàn-San), Chốn xa mờ (Hải-Đường)—Trở về (Vương - Linh)—Hai cảnh khổ (Trịnh-Khắc-Hồng)—Ướm lại ánh lòng; Tráo trở (Kỳ - Quang)—Mất bầu sữa Mẹ; Gửi chị (Vũ-Thiết)—Một kiếp sống; Đêm cô đơn (Phan-Tú-Uyên); Máu chính - nghĩa (Lữ-Quỳnh)—Trong mơ; Điên cuồng; Nhớ anh; Thơ ngây; Nắng mưa (Noòng-Slao-Nguyễn)—Mẹ ơi về với con (Ngọc-Hằng), Những trang sử phần-thư trong sử Việt (Thiên-Sinh).

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây, nếu bài

nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường hợp đặc-biệt có thư riêng) thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

Ô. Ô Văn-Hòa và Nhất-Anh (Huế): Mong đợi tiểu thuyết rút ngắn TRANG của hai ông. Chúng tôi đề thất-lạc địa chỉ hai ông nên không gửi thư riêng được. Xin cho lại địa-chỉ để tiện liên-lạc.— Đa tạ.

Ô. Kim-Giáp: « Bài thơ bỏ sót » sẽ đăng trên Bách-khoa số tới. Xin ông cho biết ngay tên thực và địa-chỉ hiện tại. Nếu ông có bài thơ, nói trong thư, bằng chữ hán xin gửi cho chúng tôi để tiện có bạn muốn dịch.

Anh Đỗ-Tấn: Đã nhận được tất cả các sáng-tác của anh. Cảm ơn anh lắm. Ngượng-ngùng sẽ có ở Mai.

Ô. Vũ-Thiết Chúng tôi đã nhận được 2 bài thơ của ông. Từ nay trân trọng xin ông cứ giao thiệp thẳng với tòa-soạn Bách-khoa cho tiện.

Ô. Nguyễn-Phan-Thịnh: (Đà - Nẵng).—Trân trọng tin đề ông rõ: Nhà-văn Phan-Du ở 22 Lý-Thường-Kiệt Huế.

Ô. Trung-Du: Xin cho biết tên thực và địa-chỉ.

Cùng các bạn gửi bài: Tòa-soạn Bách-khoa trân trọng lưu-ý các bạn nên ghi ở dưới bài, ngoài bút-hiệu, tên thực và địa-chỉ hiện tại để tòa-soạn tiện liên-lạc hội-ý thêm, hoặc gửi nhuận bút sau khi đăng bài. Đa tạ.

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Bạn Thương, (Huế) — Đã mua giùm tập « Thơ T.V. » cho bạn ; vậy, bạn cho địa chỉ đầy đủ để gửi bảo đảm ra bạn.

Nguyễn-Văn-Xung (Khánh-Hoà).— Bài văn vui, tiếc không dùng được. « Mai » đến 10-7-60 mới ra, vì vấn đề kĩ thuật. Đầu tháng 7 có vô, nhớ mang khá nhiều quà lạ và tin văn sốt dẻo nhé. Đã có chỗ cho anh dừng chân khi vô thăm kinh kì. Vẫn nhớ ba ngày lí thú cùng anh đi thăm người này, đi phỏng vấn người nọ .. Anh nhắc giùm tác giả « Một tấm lòng » nhớ tặng mình một « Mùa cỏ diên » mà anh ấy đã hứa từ năm xưa.

Bạn B.T.G. (Nha - Thành).— Đã gửi « Nhạc dễ », thơ và hoa cho bạn, từ Kinh-đô nghĩ mát. Dù có bận việc sôi kinh nấu sử đến đâu, cũng cố có ít dòng thư và đôi bài thơ mới. Bạn nhớ tìm đọc « Sáng dội miền Nam, » số tháng 7. Chúc bạn nhiều may mắn và hết âu lo.

Bạn Yã-Hạc Nguyễn-Văn-Trung, Bạc-Liên. Lên Đà-Lạt để tìm gặp Nguyễn-Văn-Trung của Đại-học, thi về, mất Nguyễn-Văn-Trung của Bách-Khoa. Sao không tìm đến tòa-soạn để gặp các anh C., T., V.H., X.H.? Còn sách, gửi bảo đảm hay chờ người tới lấy?

Anh Huyền-Viêm, (Phan-Rang).— Để lạc mất địa chỉ riêng của anh cùng tên đầy đủ. Phiền anh cho lại đề gửi bảo đảm 2 tập « Thi-ca tiêu biểu thời tiền chiến ».

Bạn Vũ-Hân, (Đà-Nẵng).— Đã được thư và thơ họa. Mừng và cảm động. Đã trao lại anh B.K.Đ., anh Đ. hứa sẽ họa lại đề ghi chút tình thơ. Nhờ bạn chép lại các bài xướng ghi ở sau quyển « Đường thi » để có dịp, viết thành giai-thoại. Mong hạn bớt sâu riêng để góp sức thêm với « Bách-Khoa » và « Mai ».

Anh Nguyễn-Phúc, (Huế).— Sao vẫn im hơi ? Đợi anh thực-hiện lời hứa ở bờ biển Nha-Trang : gửi gấp truyện « Nổi loạn » mà anh đã thai nghén trong chuyến vào Nam bằng Vespa.

Hai cô Minh-Đức và Linh-Bảo, (Paris). Đã được « Lang-thang » do chị Vinh đưa lại. Sẽ có thơ và thư, trả lời thư ba tháng trước. Chúc bớt lang thang và bớt bơ vơ.

Cô Mộng-Trung, Vitry-sur-Seine, Pháp. Bài thơ « Chiếc áo thương » sẽ đăng. Chờ những sáng tác khác, nhất là bài thơ đề hoài niệm cô Ba. Mong nợ đời nhẹ bớt, đề nợ văn, thơ sớm trả cho ai. Đã được quà mọn gửi từ Đà-Lạt chưa ? Vẫn bận rộn và lo âu, như thuở nào.

Nguyễn-Ngu-Í

NHẮN TIN

Bác Nguyễn-Quang-Lục : Bác ở đâu ? Vẫn mạnh giỏi chứ ?

Nguyễn-Hiển-Lê

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

BÁCH-KHOA VỪA NHẬN ĐƯỢC:

- « **Hình-học** » lớp Đệ-thất soạn theo chương - trình hiện - hành của ông *Nguyễn - Biên*, hiệu - trưởng kiêm giáo-sư trường Trung-học Chấn-Hung, Quảng-Ngãi. Nhà xuất-bản Hoa-Niên ấn-hành, giá 25\$.
- « **Giảng văn** » lớp Đệ-ngũ của các ông *Xuân-Tước* và *Thăm-Thệ-Hà*, trong ban Tu Thư Sống Mới, gửi tặng. Sách dày 230 trang giá 45\$.
- « **Muốn giỏi toán hình-học không gian** » cuốn I và cuốn II của *G.J. Chauvel* do *Nguyễn-Hiến-Lê* dịch và gửi tặng. Cuốn I giá 38\$, cuốn II giá 35\$.
- « **Pháp-văn Đệ-thất và Pháp-văn Đệ-lục** » 2 tập đều do giáo-sư *Ngô-Văn-Minh* soạn và gửi tặng. Tập Đệ-thất giá bán 35\$ và tập Đệ-lục giá bán 38\$.
- « **Hai cánh hoa tiên** » thi-phẩm đầu tiên của *Long-Hồ* minh-họa của *Duy-Thanh* ảnh bìa của nhiếp ảnh gia *Nguyễn - Cao - Đàm*. Thi-phẩm trình-bày trang-nhã, bản đặc-biệt giấy blanc fin không ghi giá.
- **Sùng chính viện** gửi tặng 2 thi-phẩm in Ronéo : « **Mây Hà-Nội** » của *Nhị-Thu* và « **Thiết tha** » của *Hoàng-Nguyên*. « **Mây Hà-Nội** » giá 50\$ và « **Thiết tha** » giá 100\$.
- « **Mẹ đã về** » thơ của *Huy-Hoài* do tác-giả tự xuất-bản và gửi tặng. Thi-phẩm gồm 17 bài, giá bán 20\$.
- « **Lỗ-Bình-Sơn** » truyện của *R.L. Stevenson* do *Lưu-Bằng* dịch và gửi tặng. Sách dịch đối chiếu phần Anh-văn, có lợi cho các bạn muốn trau dồi Anh ngữ. Giá bán 13\$.

- « **I chose Christ** » của *Trần-Thuyền*, ở trong Ban Văn-Hóa của Tòa Đại-sứ Việt-Nam tại Paris, do ông *Dur-Tân* trông nom ấn - loát bằng thạch bản gửi tặng. Sách gồm 27 trang trình-bày rất mỹ-thuật, không đề giá.
- « **Chánh-tả Việt-ngữ** » (những thông-lệ giúp bạn học viết ít sai chữ Việt) của *Lê-Ngọc-Trụ*, giảng-viên trường Đại-học Văn-Khoa và Đại-học Sư-phạm, Sài-Gòn, in lần thứ hai, do nhà Trường - Thi xuất - bản. Lần trước, nhà Nam - Việt in làm 2 quyển; nay nhà Trường - Thi in chung lại thành một. — Giá 50\$.
- « **Khảo-luận về Nguyễn-Khuyến** » của *Nguyễn-Xuân-Hiếu* và *Trần-Mộng-Chu*, một cuốn tài-liệu cần-thiết để thi đậu Tú - tài và Trung-học đệ-nhất-cấp, do nhà Nam-Sơn xuất-bản, giá 32\$.
- « **Việt-sử Thế-giới-sử** », lớp đệ-tứ, của *Bùi - Quang - Ly*, soạn theo chương - trình hiện hành của bộ Quốc-Gia Giáo-dục, do nhà Nam-Sơn xuất-bản Giá 40\$
- « **Quan-niệm luyện-ái và vấn-đề gia-đình trong thi - ca bình - dân, tập I, Luyện - ái** », của *Tường - Anh*. một tập biên khảo ca-đao công-phu, in rônêo, do tác-giả xuất-bản và gửi tặng, không đề giá.
- « **Tin sách** », số tháng 6-1960. Đều đặn, hằng tháng, Tin sách đã đến với chúng ta, từ tháng giêng 1960, mang lại cho chúng ta những lời giới thiệu, nhận xét, phê phán gọn gàng. Giá 2\$.

Xin trân-trọng cảm - tạ các tác-giả O. *Dur-Tân*, cùng các nhà xuất bản và xin ân cần giới-thiệu với bạn đọc Bách-Khoa.

TIN THƠ

Cùng các bạn yêu thơ ở trong và ngoài nước đã hỏi về thơ xưa thơ nay trong năm rồi.

Xin các bạn vui lòng cho chúng tôi biết các bạn giờ có còn giữ ý-định năm rồi chăng và xin cho chúng tôi biết địa-chỉ hiện thời để tiện bề trao đổi ý-kiến...

N. H. N.

Thay mặt cho nhóm người
yêu Văn - nghệ ở Thủ - đô

HỘP THƯ « VƯỜN THƠ »

Bạn Dư-Tân (Paris).— Đã được thư và tài-liệu về cách tuyển thơ của bạn. Cảm động vì sự ân cần tha thiết của bạn. Mong được liên lạc thường xuyên với bạn. Thư gửi anh Uyên - Thao, đã nhờ một tạp - chí quen chuyển giao cho anh ấy.

Cùng các bạn hỏi về cách chọn thơ... Tự nhiên là các bạn có quyền (và có cả bốn phần nữa) giới thiệu những bài thơ hay của các nhà thơ các bạn thích, cả thơ của chính các bạn nữa, nếu bạn xét đúng là những áng thơ hay; còn phần riêng chúng tôi, thì xin để thơ mình qua một bên, dần có được các bạn quá yêu đề-nghị. Độ ba năm nữa, «Vườn thơ» mới có thể ra mắt các bạn.

B. K. Đ., N. H. L., N. H. N.

Sẽ xuất-bản

3 quyển cổ văn

do BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í

chú giải, tóm tắt; lược bình:

1.— **Chiêu hồn** (Văn tế thập loại chúng sinh) và **Tiểu thay duyên Tán phận Tàn** (Thác lời người trai phường Nón...) của Nguyễn-Du.

✻ Kèm thêm Phụ-lục phong-phủ:

— Thác lời người con gái phường Vải;

— Văn tế sống hai cô gái Trường-Lưu;

và bài của: Trần-Thanh-Mại, Phan-Văn-Hùm, Trọng-Miên, Hoàng-Xuân-Hãn, Y-sĩ Ngô-Quang-Lý.

✻ Một công-trình nghiên-cứu mà sáng-tạo, bác lỗi làm việc cùng các i-kiến của Trần-Thanh-Mại, Phan-Văn-Hùm, Trọng-Miên, Hoàng-Xuân-Hãn và đưa một đề-nghị về thoai các áng văn cổ mà bộ Quốc-gia Giáo-dục chẳng thể bỏ qua.

TÌM ĐỌC:

VĂN - HỮU SỐ 7

PHÁT - HÀNH NGÀY 15 - 7 - 1960

ĐẶC-BIỆT VỀ:

Mê - tín dị - đoan

Mộng giải thích theo Freud của bác-sĩ Dương-Tấn-Tươi. Chiêm-Bao là gì ? của Thượng-Sĩ. Những tục-lệ Mê-Tín vào ngày xuân xứ Bắc của Toàn-Ánh. Phù-Thủy và ảo Thuật của Hoàng-Trọng-Miên. Những tục Mê-Tín lạ lùng của người Sơn-cước của Nhị-Giang. Một thiên điều-tra tỉ mỉ về những tà-đạo ở Miền Nam của Sĩ - Trung và nhiều chuyện lạ lùng khác.

Với phần 2 gồm nhiều sáng-tác đặc-sắc của các nhà văn : Vũ-khắc-Khoan, Đinh-Hùng, Mặc-Đỗ, Phạm-cao-Củng, Phan - Khoang, Vi-Huyền-Đắc v. v...

220 trang giá 15 đồng

MUỐN GIỎI TOÁN HÌNH HỌC KHÔNG GIAN

Của J. Chauvel, do Nguyễn-Hiến-Lê
dịch và xuất - bản, gồm hai cuốn :

CUỐN I: Phần bài học. Cho lớp đệ nhị (tái-bản). Nhắc lại những định lý quan trọng, chỉ những phương-pháp hợp-lý, dễ hiểu để giải thích những bài toán Hình học không gian, có một số bài mẫu và 118 bài tập đủ các loại. Giá 38\$

CUỐN II: Phần bài giải (in lần đầu) gồm 118 bài giải của tất cả các bài tập ra trong cuốn I. Giá 35\$.

ĐÃ PHÁT HÀNH:

VĂN-HÓA Á-CHÂU

**TẬP III, LOẠI MỚI, SỐ 3
THÁNG 6-1990**

Khảo-luận và tài-liệu:

- TÂM ĐẠO (Lý-Nhân-Sinh),
- KINH VỆ ĐÀ (Nguyễn-Hữu-Đông);
- TƯ-TƯỞNG NHẬT-BẢN (Thanh-Kiểm),
- TƯ-TƯỞNG TRUNG-QUỐC HIỆN ĐẠI (Nguyễn-Đặng-Thục),
- HỌC THUYẾT TRANG-TỬ (Thi-Đạt-Chi);
- NON NƯỚC THÁI VÀ DÂN TỘC THÁI (Nguyễn-Thiện-Lâu),
- PHÙ-NAM, một Vương-Quốc đã tàn trên đất VIỆT (Nguyễn-Khắc-Ngũ),
- NHÂN VẬT CHÍ (Phan-Huy-Chủ),
- ĐIỀU TRẦN VỀ TÔN-GIÁO (Nguyễn-Trường-Tộ).

Sinh-hoạt Văn-Hóa:

- Độc sách:* Entre la peur et l'espoir, của Tibor Mende;
Xây dựng Nhân sinh quan, của Nghiêm-Xuân-Hồng;
Thơ «Lang Thang» của Minh-Đức;
— Nghĩ về thanh niên ngày nay;
vân vân...

Giá: 20 đồng.

Tòa soạn: 201 Lê-Văn-Duyệt, Saigon

CÁC BẠN HÃY TÌM ĐỌC:

TRUNG DUNG DỊCH GIẢI

của PHAN-KHOANG

đã có bán tại các hiệu sách ở Đô Thành và các Tỉnh.

GIÁ 40\$.

Spring



Thuốc thơm điếu dài :

"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỲ

**GIÁ
BÌNH DÂN
10%**

DUY THU 60

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H. D.

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales
(S. I. D. E. R. C. D.)**

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

**La Société Urbaine Foncière
(S. U. F. D.)**

18. BEN BACH DANG — SAIGON

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

IMPRIMERIE NOUVELLE

D'EXTRÊME - ORIENT

(INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON

Tél : 20.721 — Boîte postale : 276

1, Duong Nguyen-Sieu — SAIGON



IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES,
CATALOGUES, TOUS IMPRIMÉS DU COMMERCE,
REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES,
ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES,
CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS
MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES
DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN
D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR,
TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO **"DOREL"**

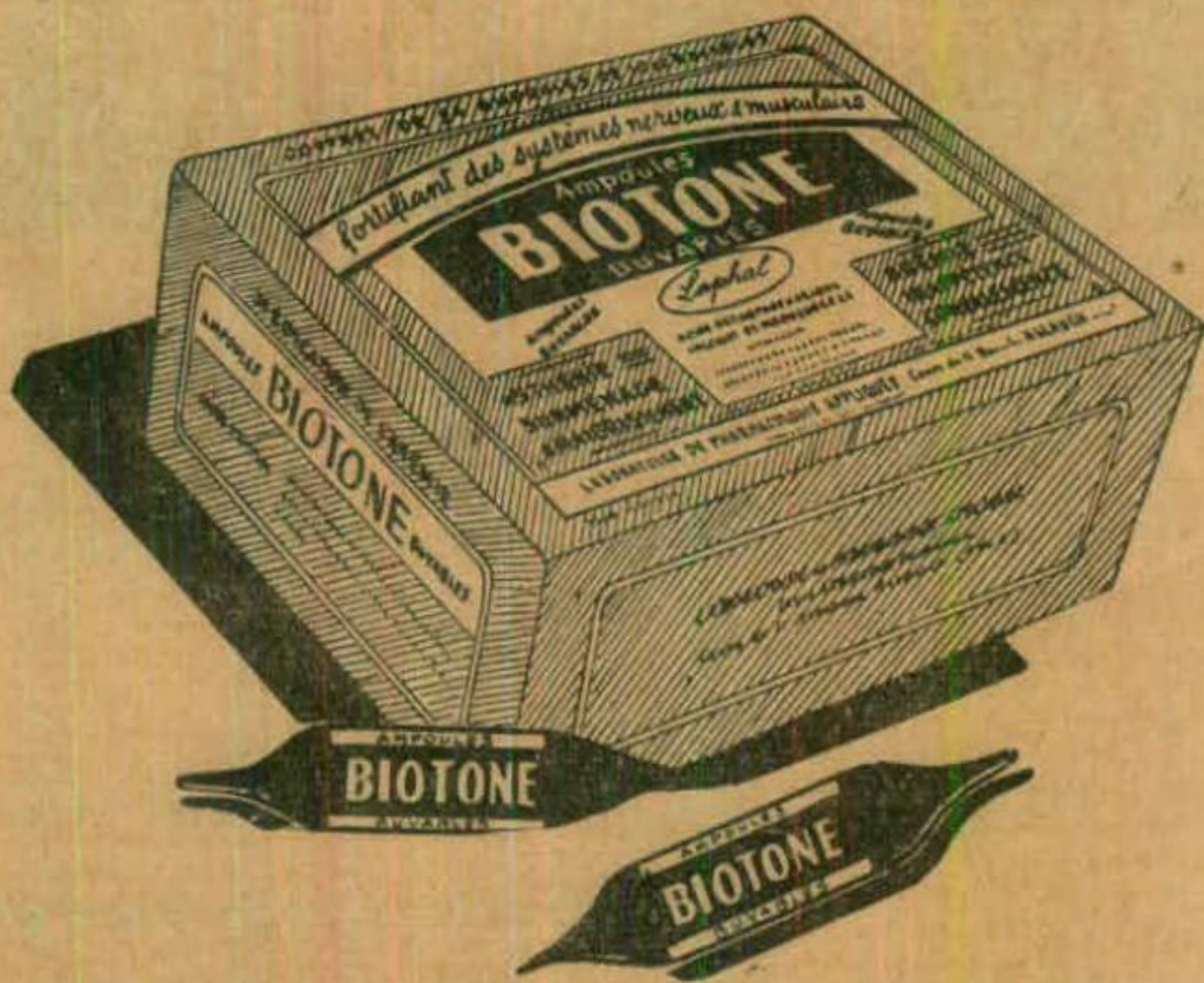
Chận đứng : Mệt mỗi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ :

THIẾU MÁU
MỆT MỎI
YẾU SỨC
BIẾNG ĂN
GAY CÒM
LÀM VIỆC
QUÁ SỨC



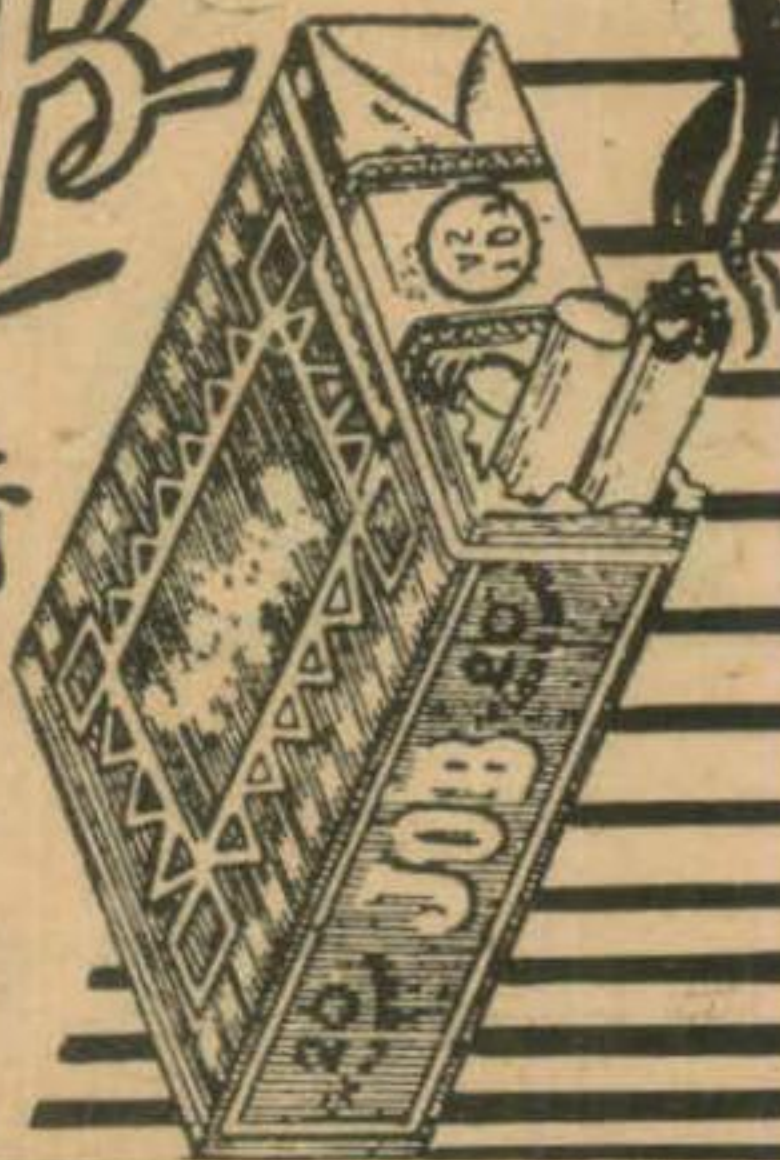
TỔNG PHÁT HÀNH : Việt-Nam Dược Phẩm Cuộc
NGUYỄN-CAO-THẮNG, Dược-Sư
34 Đại-lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB



請吸
金字烟



Cigarettes **JOB** *Surfines*
COFAT CHOLON

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN



6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gửi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. 25.539

Nhà in : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA

hộp thư số 339 Saigon

Điưu phliếu xin đề tên : Ô. Huỳnh-Văn-Lang

160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TÔNG CUỘC SAIGON :

Địa chỉ : 40-48 đường Ngô-đức-Kế Saigon

Địa chỉ mới kể từ ngày 1-7-59 :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Vietnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

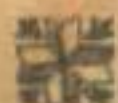
Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng
Có Đại diện khắp hoàn cầu.

PASTILLES: { **VANCO** MÙI • MENTHE •
 { **CAM** MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuống họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯ'ÔNG-VĂN-CHÔM

Dược-khoa Tàn-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

Huít Chuốc Chờm

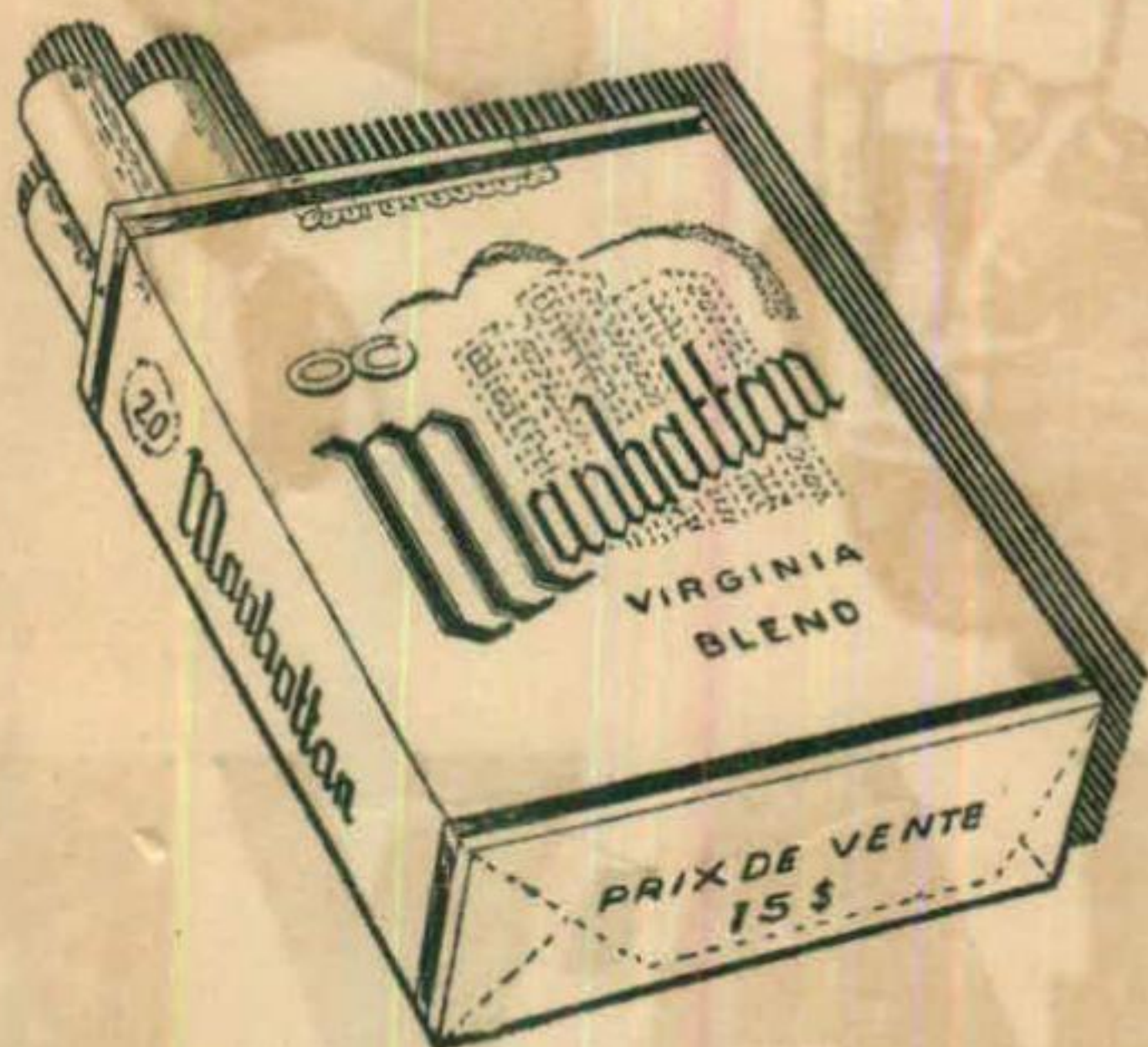
Mã nhất tâm

Sang Tinh Chấn

Sản -

- Nghe -

- Li



GIÁ HẠ

15\$





LA-VIE

“33”

HẢO HẠNG

Chủ-nhiệm : HUỲNH-VĂN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa Soạn :
160, Phan-Đình-Phùng — Sài-gòn

Điện thoại : 25.539.

Nhà sách PIẾC-THÀNH
58, Đường Lê-Lợi Sài-gòn

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414, Trần-Hung-Đạo — SAIGON

Giá : 10\$
Công sở : 15\$